

15 THÁNG 12 NĂM 1970

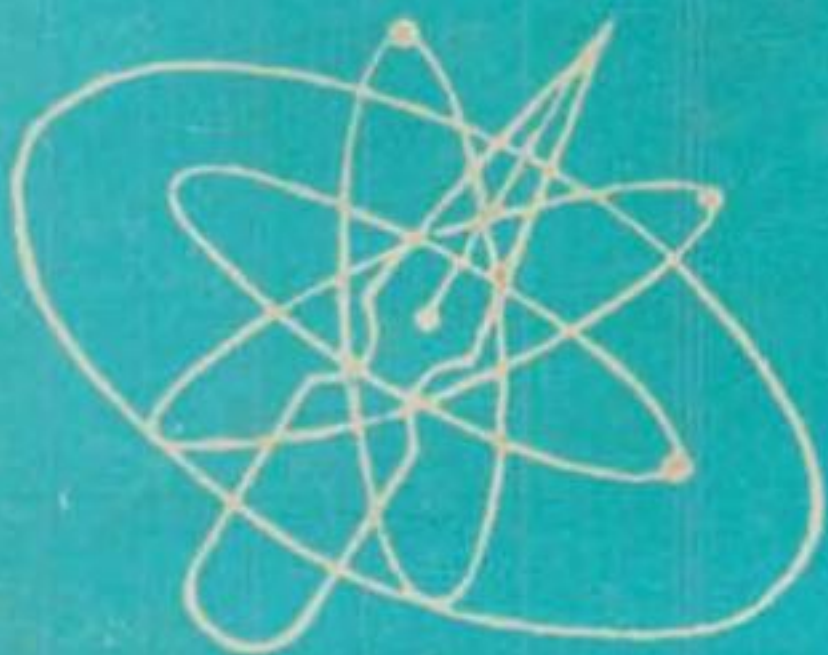
BACH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRÍ *những khó khăn của Trung-Cộng* * GEORGES
E. GAUTHIER *một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của*
Phạm Duy : Nói về các ảnh hưởng * VÕ QUANG YẾN
Nobel Khoa học 1970 * NGUYỄN HIỂN LÊ *một nữ sĩ*
biết chấp nhận cuộc đời : Han Suyin * TRẦN VĂN TÍCH
Hải-Thượng Lân Ông * PHAN ĐỨC—LÊ KHUÊ *một*
vài giai thoại về tướng De Gaulle * BÙI HỮU SÙNG *một*
quan niệm mới về Văn-học-sử Việt-Nam * HOÀNG
NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không* * TRẦN HOÀI
THƯ *quán biên - thủy* * PHẠM BÁ TẤN *lớp học*
trong trí nhớ * PHẠM NGUYỄN HỒ *cuối cùng*
* BẢO CHÂU Yukio Mishima : *cái chết võ - sĩ - đạo*

SINH HOẠT *thời sự*
thế giới * *thời sự khoa*
học * *thời sự văn nghệ*

335





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyên-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A

Số 335 ngày 15-12-1970

TỪ TRÌ <i>những khó khăn của Trung-Cộng.</i>	05
GEORGES ETIENNE GAUTHIER <i>một người Gia-nã-dại và nghệ thuật của Phạm Duy : Nói về các ảnh hưởng (THU THỦY dịch)</i>	15
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel Khoa-học 1970.</i>	23
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một nữ sĩ biết chấp nhận cuộc đời : Han Suyin (Hàn Tú Anh)</i>	29
TRẦN VĂN TÍCH <i>Hải Thượng Lãn Ông (kỷ niệm 250 năm sinh)</i>	39
PHAN ĐỨC - LÊ KHUÊ <i>một vài giai-thoại về tướng De Gaulle</i>	45
BÙI HỮU SÙNG <i>đọc quyền « Đường vào Văn-học Việt-Nam » của M. Durand và Nguyễn Trần Huân : một quan-niệm mới về Văn-học-sử Việt-Nam</i>	53
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>tuổi trẻ hư không (truyện dài)</i>	59
TRẦN HOÀI THƯ <i>quán biên thùý (truyện ngắn)</i>	67
PHẠM BÁ TẤN <i>lớp học trong trí nhớ (thơ)</i>	76
PHẠM NGUYỄN HỒ <i>cuối cùng (thơ)</i>	77
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	78
BẢO CHÂU <i>Yukio Mishama : cái chết võ-sĩ-đạo</i>	82
THU THỦY, <i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Sầu mây** truyện dài của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 255 trang, bìa của Priscilla Merelith. Bản đặc biệt. Giá 500đ.

— **Nhánh rong phiêu bạt** truyện dài của Võ Hồng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 13 được xuất bản của tác giả, dày 250 trang. Bản đặc biệt.

— **Chứng đạo ca** của Huyền Giác, do Trúc Thiên giới thiệu, Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang, gồm 3 phần : Cơ duyên chứng đạo của thiền sư Huyền Giác ;

Giới thiệu Chứng đạo ca ; Bản Việt dịch « khúc ca chứng đạo » có bản chữ Hán đối chiếu và bản dịch Anh ngữ. Bản đặc biệt. Giá 140đ.

— **Những ngày mưa tiểu thuyết** của Huỳnh Phan Anh do Đêm Trắng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 4 của tác giả được xuất bản dày 120 trang, bìa của Nguễn Đông. Giá 120đ.

— **Săn chông** tập truyện, nguyên tác của O. Henry, Triết Chi dịch và Anh Vũ xuất bản. Sách dày 130 trang gồm 10 truyện ngắn đặc sắc. Giá 130đ.

— **Tinh hoa Không Thủ Đạo** nguyên tác của võ sư Mas Oyama (8 đẳng), bản dịch của Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo, do nguyệt san Võ Thuật xuất bản và gửi tặng. Ấn phẩm thứ 18 của nhà xuất bản Võ Thuật dày 200 trang, với mấy trăm hình ảnh, chỉ dẫn rõ ràng. Giá 220đ.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « Mấy đặc điểm của thần thoại Việt-Nam » của Bà Nguyễn thị Ngọc Thắm đăng trên BK số 334 (1-12-1970) có mấy lỗi in sai như sau, xin quý vị độc giả vui lòng sửa lại cho đúng :

— Trang 15, cột 1, hàng 24 : đã in « Mẫu Bửu Thiên » xin sửa là « Mẫu Cửu Thiên »

— Trang 15, cước chú 1, hàng 3 : xin sửa là : *tome n^o 2, p.127..* »

— Trang 17, cuối cột 2, xin thêm là : « nhận xét thô thiển ở đây... »

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả bài trên đây và quý vị độc giả.

Tòa soạn BACH KHOA

LỚP QUỐC HỌA II CẤP I

Ngày 3-1-1971 **Phong Trào Hưng Giáo Văn Đông** sẽ khai giảng lớp Quốc Họa II (cấp 1), dạy vào mỗi buổi sáng Chủ nhật, do giảng sư, họa sĩ Vi-Ý hướng dẫn với một phương pháp tân kỳ, cách mạng. Kết quả rất mau lẹ.

Ghi tên và hỏi thẻ lệ tại Văn phòng Hưng Giáo Văn Đông (161 Yên Đổ) vào những ngày :

19-12-70 : buổi chiều — 20-12-70 : suốt ngày — 22-12-70 : buổi chiều

Phong Trào Hưng Giáo Văn Đông

kính cáo

Những khó khăn của Trung-Cộng

Đảng Cộng-sản Trung-Hoa cướp chính-quyền tại Hoa-lục đã được 21 năm. Một nước Trung-Hoa Cộng-sản đã dần dần trở thành một lực lượng đáng kể trên trường quốc tế. Đối với thế-giới tư-bản, Trung-Cộng là một nguồn cách-mạng đe dọa hòa-bình thế giới. Đối với thế-giới Cộng-sản Trung-Cộng cũng là một mối đe dọa không kém quan trọng, vì chính sách của Bắc-kinh đã làm rạn nứt sự thống nhất của khối Cộng-sản trong những năm qua. Để đạt tới địa vị một đại cường-quốc, Bắc-kinh đã thi-hành một chính sách phát-triển kinh-tế hết sức mạnh mẽ và đã tung ra mọi phương tiện để tuyên truyền. Cuối năm 1964, Trung-Cộng cho nổ quả bom nguyên-tử đầu tiên và đến giữa năm 1970 người ta thấy vệ-tinh nhân-tạo của Trung-Cộng bay quanh trái đất phát-thanh bản nhạc « Đông-phương hồng ».

Nhưng những thành-quả huy-hoàng này không che dấu nổi những khó khăn nội bộ của Trung Cộng. Những khó khăn chính-trị đã làm trở-ngại cho những nỗ-lực kinh-tế và khoa-học. Để giải-quyết các khó khăn chính-trị, tập-đoàn cầm quyền tại Bắc-kinh, trong 20 năm qua, đã phải luôn luôn phát động những phong trào thanh trừng, sửa sai. Nhưng những phong-trào này chỉ làm cho các cán-bộ, các đảng-viên và dân chúng thêm hoang mang đến nỗi mất tin tưởng

vào chế-độ Cộng-sản. Mao-Trạch-Đông luôn luôn tự hào là đặt cơ-sở của chính-thể Cộng-sản Trung-hoa trên 3 cột-trụ: Mặt-trận thống nhất, Đảng Cộng-sản và Quân-đội, nhưng trong tình trạng rối loạn hiện thời cả 3 cột-trụ này đang bị rạn nứt nhiều vì những cuộc tranh-chấp nội-bộ, vì những sự thay đổi quá nhiều của chính-sách tổng-quát.

Một Mặt trận thống-nhất bị tan rã

Mặt-trận thống-nhất là cột trụ quan trọng của cuộc Cách-mạng Cộng-sản Trung-hoa. Như ta đã biết, cách-mạng Cộng-sản Trung-hoa khác Cách mạng Cộng-sản Nga ở một điểm chính là trong khi Cộng-sản trung-thành với tư-tưởng của Marx, luôn luôn cảnh giác đối với giai cấp nông-dân thì Cộng-sản Trung-hoa, với Mao-Trạch-Đông, đã coi nông dân là một thành-phần cốt cán trong công cuộc thực hiện Cách-mạng. Vì vậy mà Mao-Trạch-Đông, ngay từ lúc đầu ở Hồ-Nam, đã tổ chức sự liên-minh giữa nông dân và công nhân.

Hơn nữa Mao Trạch-Đông còn mở rộng liên-minh công nông để đón nhận những thành phần giai-cấp khác, như giai cấp tiểu-tư-sản, trí-thức và những người được coi là « tư-sản dân-tộc ». Tất cả những thành phần này được hội nhập vào một khối gọi là « Mặt-trận thống-nhất ». Mặt

trận thống-nhất đã đưa Mao-Trạch-Đông tới chỗ cướp chính-quyền ở Hoa-lục năm 1949. Vì vậy mà quốc kỳ của Trung-Cộng có 5 ngôi sao vàng. Ngôi sao lớn nhất tượng trưng cho liên-minh nông dân và công nhân. Bốn ngôi sao nhỏ chung quang tượng trưng cho 4 giai-cấp khác gia nhập Mặt-trận thống-nhất.

Nhưng Mặt trận thống nhất giờ đây đã bị sụp đổ vì các giai-cấp của xã-hội Trung-hoa lần lượt bị đàn áp qua các cuộc thanh-trừng đẫm máu. Mao - Trạch - Đông biết rằng, muốn duy trì chính thể Cộng-sản, thì phải vượt hết mọi nọa-lực (forces d'inertie) do tâm-trạng của người dân Trung-hoa gây ra, vì vậy mà các vụ thanh trừng là một điều cần thiết. Các giai-cấp Trung-hoa, nhất là tầng lớp nông-dân, đã tranh đấu trong hàng ngũ Cộng-sản để tiêu-diệt các phần tử phong kiến địa-chủ chiếm hữu ruộng đất. Khi Cách-mạng thành công, cuộc cải-cách ruộng đất đã cải biến nông dân thành một giai-cấp chủ-diễn mới. Họ muốn khai thác ruộng đất cho họ được hưởng thụ, chứ không muốn sản-xuất để phục vụ Nhà nước Cộng-sản. Phương-thức sản xuất của Cộng-sản không phù hợp với tinh thần còn thủ cựu của nông dân Trung-hoa. Giai cấp công nhân, sau một phần tư thế-kỷ đấu tranh, cũng muốn thụ hưởng những thành quả mà mình đã đầu lượm được. Họ muốn được chia những sản-phẩm do chính họ sản-xuất ra. Giai-cấp trí thức cũng không chấp nhận chủ-nghĩa Cộng-sản, một chủ-

nghĩa ngoại lai không phù hợp với nền văn-minh cổ-diễn của Trung-hoa. Các phong - trào thanh trừng do đó là những phương-tiện cần thiết để san bằng mọi nọa-lực có hại cho bước tiến của Nhà nước Cộng-sản.

Năm 1952 « năm phản phong-trào » đã được phát động để chống lại những giới « tư-sản dân-tộc » bị tố cáo là phản động và làm ngăn trở bước tiến của cuộc cách-mạng vô-sản. Giai cấp « tư sản dân tộc » ngày trước liên kết với đảng Cộng-sản để chống lại bọn tư-sản mại-bán, tay sai của đế quốc thực-dân, thì ngày nay đã bị chính quyền coi là kẻ thù của nhân dân Trung-hoa.

Năm 1957, phong trào « trăm hoa đua nở » đã được tung ra. Trong giai-đoạn đầu, phong trào này cho phép mọi người trong xã-hội được tự do phát-biểu tư-tưởng của mình, nên những thành phần trí-thức chống đối chính quyền tức thì xuất đầu lộ diện. Nhưng trong giai đoạn sau, chính-quyền Bắc-kinh đã chặn đứng những tư-tưởng chống đối, đàn áp các trí thức vì những người này không phải là « hoa thơm » mà chỉ là « cỏ dại » và hữu khuynh. Như vậy lại thêm một giai-cấp nữa bị loại khỏi Mặt-trận thống-nhất. Cùng với giai-cấp trí-thức, người ta thấy thành phần tiểu-tư-sản cũng là nạn nhân của phong-trào « trăm hoa đua nở ».

Đến năm 1958, một giai cấp nữa lại rời bỏ « Mặt-trận ». Đó là giai-

cấp nông-dân, thành phần từ trước tới nay vẫn được coi là nòng cốt của cuộc Cách-mạng vô-sản Trung-hoa, Thật vậy lúc đó chính quyền Cộng-sản Trung-hoa muốn đẩy mạnh công cuộc phát-triển kinh-tế, muốn thực hiện « bước nhảy vọt » nên đã thành lập các « Công-xã nhân-dân ». Các nông dân không còn làm chủ thửa ruộng của mình nữa mà phải tập-trung thành các « Công-xã nhân-dân », sản xuất tập-thể cho Nhà nước, từ bỏ quyền tư hữu. Hàng trăm triệu nông dân bất bình vì mất ruộng đất đã tăng cường cho hàng ngũ đối lập, hay ít nhất cũng rời khỏi Mặt trận thống nhất.

Sau cùng đến năm 1966 khi Mao-Trạch-Đông muốn đi tới một biện pháp quyết liệt nhất là tẩy rửa đầu óc cổ hủ, bất hợp tác của dân Trung hoa thì cuộc Cách-mạng Văn-hóa được rần rộ phát động. Những phần tử còn lại của Mặt-trận gồm những đại trí-thức, những học-giả, văn-hào, nghị-sĩ bị quét sạch. Đồng thời giai cấp công nhân cũng không tránh khỏi cuộc thanh trừng không lồ này. Thật vậy, tuy công nhân là thành phần chính yếu của cuộc Cách-mạng vô-sản, nhưng một khi người thợ Trung-hoa đòi được hưởng-thụ thì tức là họ đã đặt quyền lợi của cá nhân lên trên quyền lợi của tập thể. Vì vậy mà Mao-Trạch-Đông đã đả kích « kinh-tế chủ-nghĩa » (économisme) của giai cấp công nhân. Các tổ-chức nghiệp-đoàn bị giải tán. Giới công nhân vì đó đã rời xa chính-quyền Cộng-sản.

Kết quả của các cuộc thanh-trừng liên tiếp là Mặt-trận thống-nhất và liên-minh công-nông bị tan rã, một trong ba cột trụ của chủ-nghĩa Cộng-sản Trung-hoa bị sụp đổ. Trong khi đó đảng Cộng-sản cũng không ngớt vật lộn với những khó khăn nội bộ.

Một đảng Cộng sản bị sa lầy

Với cuộc Cách-mạng Văn hóa, Mao-Trạch-Đông hy vọng có thể loại khỏi đảng những đảng viên không xứng đáng. Theo họ Mao ngày nào trong hàng ngũ Đảng Cộng-sản còn có những đảng viên và cán bộ thủ cựu, hữu khuynh và phản động thì ngày đó Cách-mạng vô sản còn gặp những trở ngại nghiêm trọng.

Vì vậy mà cuộc Cách-mạng Văn-hóa đã loại bỏ một số rất lớn các cán bộ của Đảng Cộng-sản Trung hoa. 3/4 tổng số nhân viên của Trung-ương đảng-bộ đã bị thanh-trừng. Sau khi Ủy-ban Trung-ương thứ 8 đã được thanh lọc, Mao-Trạch-Đông đã triệu tập Đại-hội đảng Cộng-sản lần thứ 9 vào mùa xuân 1969 để thành lập một Ủy-ban Trung-ương mới. Tuy Ủy-ban Trung-ương mới được thành hình nhưng việc bầu các cấp ủy địa-phương, từ tỉnh đến xã, đều gặp khó khăn.

Đề tổ chức việc bầu các cấp ủy từ Trung-ương tới địa-phương, Mao-Trạch-Đông và Lâm Bưu đã cho thành lập những « Ủy-ban cách-mạng », Nhiệm vụ của các Ủy-ban cách-mạng, trên lý thuyết, chỉ là thiết-lập các cơ-cấu lãnh đạo của Đảng mà thôi,

Nhưng trên thực tế các Ủy-ban cách mạng đã vượt quá quyền hạn của mình và không chịu giải tán dù nhiệm vụ đã hoàn tất. Càng ngày các Ủy-ban cách-mạng càng có khuynh hướng kiểm soát các cấp ủy của Đảng. Các cuộc tranh-chấp giữa hai cơ cấu này đã trở thành điều không tránh nổi và do đó guồng máy của đảng Cộng-sản Trung-hoa đã bị ảnh hưởng nặng nề.

Theo đúng chỉ-thị của họ Mao thì các cấp ủy mới của Đảng được thành lập theo tiêu chuẩn « liên-minh tay ba », giữa các cán bộ cũ nhiều kinh-nghiệm, những phần-tử cách-mạng đã nổi dậy chống các cấp ủy trong Đảng và sau hết là quân đội. Sự hiện diện của các cán bộ cũ là điều cần thiết vì họ là những thư lại có nhiều kinh-nghiệm nên có thể bảo đảm được sự liên tục và hữu hiệu của guồng máy hành-chánh của Đảng. Những phần tử cách-mạng đã nổi dậy trong Đảng (*rebelles révolutionnaires*) sẽ tiếp một luồng sinh khí mới cho Đảng tiến mạnh trên đường xây dựng xã-hội chủ-nghĩa. Còn quân đội thì giữ vai trò trọng tài trong các cuộc tranh chấp giữa các phần tử mới và cũ trong Đảng.

Tuy quan-niệm cải tổ các cấp ủy Đảng rất khôn khéo, nhưng trên thực tế chính thể Cộng-sản ở Trung-hoa gặp nhiều khó khăn khiến công cuộc chỉnh đốn Đảng Cộng-sản gần như bị thất bại. Nguyên nhân chính của sự thất bại này là thái độ bất tham gia của dân chúng Trung-hoa. Trước kia được gia nhập Đảng là một vinh-dự mà người ngoài Đảng thường ước

muốn. Được là đảng viên Cộng-sản là được tín nhiệm, có quyền hành và quyền lợi vật chất nữa. Các đảng viên Cộng-sản, các cán bộ lãnh đạo Đảng, đã thành một giai-cấp mới, được ưu đãi nhất trong xã hội. Nhưng càng có quyền, có lợi người ta càng dễ trở nên bảo thủ, chống lại mọi biện-pháp cải tiến mạnh bạo, vì sợ mất các đặc quyền, đặc lợi. Do đó Đảng Cộng-sản Trung quốc, càng khó tiến tới, nếu không nói là thụt lùi lại. Mao-Trạch-Đông phải dùng Cách-mạng Văn-hóa để quét sạch các đảng viên, cán bộ bảo thủ, thoái hóa ra khỏi Đảng. Nhưng những người này lại chiếm đa số trong Đảng. Loại trừ họ tức là để một khoảng trống lớn trong Đảng. Và khoảng trống này hiện thời không có ai lấp và cũng không có ai muốn lấp vào đó. Một tờ báo của Giang-Thanh, vợ Mao-Trạch-Đông đã diễn tả sự-kiện này như sau: « Nhiều đồng chí nói rằng khi nào có khó khăn là người ta tìm tới đảng viên, khiển trách đảng viên khi nào hỏng việc, thanh trừng đảng viên khi nào có một phong trào thanh trừng được phát động ». Người đảng viên chịu quá nhiều búa rìu của trách-nhiệm nên không còn ai muốn gia nhập Đảng hay muốn được đề bạt vào các cấp ủy nữa.

Trước tình-trạng này chính-quyền Cộng-sản Bắc-kinh đành phải khôi phục đảng tịch và cấp bậc cho những đảng viên cũ đã bị thanh trừng. Những người bị thanh trừng hôm qua, hôm nay lại trở về nắm quyền lãnh đạo, khiến cho các đảng viên

đâm ra hoang mang, không còn biết đâu là phải, đâu là trái. Do đó mà đảng Cộng sản Trung-hoa hiện thời đang sa lầy trong các mâu thuẫn nội bộ. Sau sự sụp đổ của cột trụ Mặt-trận thống nhất người ta thấy cột trụ thứ hai bị lung lay. Chính-thể Cộng-sản Bắc-kinh chỉ còn trông vào cột trụ thứ ba là quân đội mà thôi.

Một quân đội hoang mang

Một trong những mục tiêu của cuộc Cách-mạng Văn-hóa là thanh-lọc hàng ngũ quân đội, nhưng vì những rối loạn do cuộc Cách-mạng này tạo ra, nên người ta đã phải nhờ tới quân-đội để tái lập trật tự và để ngăn chặn những lạm dụng của các phần tử cách-mạng nổi dậy và của các vệ-binh đỏ.

Từ trước tới nay Mao-Trạch-Đông luôn luôn chủ-trương rằng nòng súng phải được Đảng điều-khiển chứ không phải nòng súng điều-khiển Đảng. Tuy nhiên dù muốn dù không thì Cách-mạng Cộng-sản thành công ở Trung-hoa là nhờ ở bàn tay của Hồng-quân Trung - hoa. Các tướng lãnh vì thế đã luôn luôn có khuynh hướng kiểm soát Nhà nước Cộng-sản. Là những kỹ-thuật gia, họ muốn đặt nặng vấn đề kỹ thuật quân-sự và ngược lại coi nhẹ các khía cạnh chính-trị. Thái-độ này trái ngược với tư-tưởng của họ Mao nên Mao-Trạch-Đông muốn dùng cuộc Cách mạng Văn-hóa để làm cuộc chỉnh quân. Các tướng lãnh có công trong cuộc tranh đấu chống Nhật và chống Quốc-dân-đảng của Tưởng - Giới - Thạch đều lần lần bị hạ từng công tác. Chủ-tịch Lưu-Thiếu-Kỳ cũng không thoát khỏi số phận này.

Nhưng những sự-kiện bất ngờ đã xảy đến. Trước hết, các phần tử cách mạng nổi dậy, hưởng ứng lời kêu gọi của họ Mao, đã đi quá trớn.

Họ không ngần ngại phá hủy hết những công-trình mà chính chế độ Cộng-sản đã tạo nên. Họ khinh thường uy-thể của nhà nước. Họ nhục mạ bà Tổng Khánh-Linh, góa phụ của Tôn-Dật-Tiên, là Phó Chủ-tịch nhà nước Trung-Cộng. Họ đã kích Thủ-tướng Chu-Ân-Lai. Trước sự hoành hành của phe thân Mao, phe chống Mao cũng nổi lên kháng cự kịch liệt. Nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra giữa hai phe làm cho đời sống chính-trị, kinh tế trong nước bị ngưng-trệ. Mao-Trạch-Đông và Lâm-Bưu đành phải mượn tay quân-đội để tái lập trật tự. Quân đội có sứ-mạng không những đàn áp phe chống Mao mà còn ngăn chặn cả phe thân Mao nữa.

Hơn nữa quân đội còn ở thành phần chỉ-đạo hay chiếm đa số trong các Ủy-ban cách-mạng. Qua Ủy-ban cách-mạng, quân đội xâm nhập chi phối các Ủy-ban chấp-hành ở mọi cấp bộ Đảng. Dần dần quân đội nắm quyền kiểm soát Nhà nước Cộng sản Trung-hoa. Kết quả này thực đã đi ngược lại ý muốn của Mao-Trạch-Đông. Ngoài ra, quân đội không tỏ ra có một chút nhiệt tình nào đối với cuộc Cách - mạng Văn - hóa. Tại Vân - Nam viên Tư - lệnh vùng Côn - Minh không ủng hộ cuộc Cách-mạng Văn-hóa nên đã bị thải hồi. Nhưng viên tân Tư-lệnh được cử tới cũng không sốt sắng gì hơn đến nỗi Lâm Bưu phải đem một người từ Đệ-tứ quân đoàn của mình tới làm cán-bộ chính-trị để kiểm soát việc thực hiện Cách-mạng Văn-hóa. Tại Tân-Cương cũng vậy, hai vị Thống-chế Hạ Long và Bành-Đức-Hoài cũng bị thanh trừng vì không ủng hộ cuộc Cách-mạng Văn-hóa. Nhưng tình hình vùng này vẫn

nguy ngập vì quân đội vẫn trung thành với hai Thống-chế và nhất là Tan-Cương lại ở sát cạnh Nga và luôn luôn bị Nga dòm ngó.

Không những quân đội không hết lòng ủng hộ chính quyền mà quân đội còn bị suy yếu vì những sự tranh chấp nội bộ. Tuy chức vụ chỉ-huy cao cấp nhất của quân đội cũng như Bộ Quốc-phòng nằm trong tay Lâm Bưu nhưng các phe phái trong Quân đội vẫn còn tỏ ra rất mạnh mẽ trong các đòi hỏi, các tranh chấp. Trước hết là những cuộc tranh chấp vì kỳ-thị địa-phương. Quân đội vùng này chống đối quân đội vùng kia. Sau đó là những sự chống đối giữa những người chủ trương cho quân đội là một cơ cấu hoàn toàn kỹ-thuật và những người chủ trương chính-tị-hóa quân đội. Tại mỗi vùng người ta có một quân đội riêng đề đòi nắm quyền chính trị. Mao-Trạch Đông đã nhiều lần lên án "thuyết đa tâm" để bắt quân đội thần phục một trung-tâm duy nhất, nhưng cho tới tận bây giờ các nỗ lực của họ Mao đều không mang lại một kết quả nào đáng kể. Quân đội tuy là cột trụ duy nhất của chế độ nhưng cũng không khỏi bị rạn nứt trước những khó khăn.

Khó khăn sau cùng mà quân đội vấp phải là sự thù hận của mọi tầng lớp dân chúng. Thật vậy, tùy theo sự đòi hỏi của tình hình khi thì quân đội nhận được lệnh đàn áp thợ thuyền, khi thì được lệnh đàn áp nông dân. Cả phe thân Mao lẫn phe chống Mao đều bị quân đội trừng trị. Do đó quân đội không chiếm được thiện cảm của nhân dân.

* *

Hiện thời Trung-Cộng đang ở trong một tình trạng hoàn toàn lúng túng, tiến thoái lưỡng nan. Nếu muốn đẩy mạnh cách mạng vô sản cần phải luôn luôn thanh lọc hàng ngũ, chống lại hiện-tượng trường-giả-hóa của các cán bộ. Nhưng mỗi lần thanh trừng, đảng Cộng sản lại mất thêm sự ủng hộ của nhân dân. Tuy Trung-Cộng đang ở trong một ngõ cụt đầy mâu thuẫn, nhưng người ta cũng không thể kết luận được rằng chính thể Cộng-sản ở Hoa-lục sắp sụp đổ, vì dân chúng Trung-hoa tỏ ra thụ động trước các hành động của chính quyền Bắc - kinh. Hơn nữa Hồng quân Trung-hoa tuy bị phân-hóa nhưng sẽ đàn áp không thương tiếc các cuộc nổi loạn. Sau hết, Mao-Trạch-Đông nhờ những hoạt động tuyên truyền đã tạo cho mình một uy tín thần thánh ở trong nước. Hình ảnh họ Mao xuất hiện tới những hang cùng ngõ hẻm. Tại nhiều nhà, ảnh họ Mao còn được treo ở một nơi tôn kính hơn cả bàn thờ tổ tiên. Sự nổi dậy của dân chúng trong khi họ Mao còn sống là một điều khó có thể xảy ra được. Nhưng dù sao đi nữa Đảng Cộng-sản Trung-hoa cũng đã thất bại nặng nề. Hơn 20 năm sau khi Cách-mạng thành công người ta còn thấy Mao-Trạch-Đông lớn tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh của giai - cấp bần cố nông. Người ta tự hỏi trong 20 năm vừa qua Đảng Cộng-sản đã làm những gì mà đến nỗi giai cấp này vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Chính họ Mao đã công nhận rằng trong giờ phút này ở Trung-Cộng còn có những người Trung-Hoa bị bóc lột!

TÙ TRÌ

Một người Gia-nâ-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy (III)

Nói về các ảnh hưởng

Tôi không tìm, tôi thấy
(PABLO PICASSO, họa sĩ)

1942, Cô Hái Mơ, ấn phẩm đầu tiên của Phạm Duy. Ta thử xem nhà soạn nhạc trẻ măng của chúng ta đã phổ nhạc bài thơ đẹp đẽ của Nguyễn Bính như thế nào. Câu nhạc đầu, xuống bậc, với hơi điệu trầm tĩnh và mệnh mệnh, dẫn chúng ta vào cảnh về chiều nơ-mộng của thi sĩ. Rồi thì cái nhìn của nghệ sĩ ngược lên ánh trời và được những cánh gió vô hình đưa về ngưng lại ở cô gái hái mơ đó, nên chúng ta đã có quyền được hưởng một nét nhạc rất « phạm duy » lúc bấy giờ đã mềm mại và uyển chuyển. Nhưng chính phần thứ hai của ca khúc mới biểu lộ tất cả sức tưởng tượng và nhạc hứng của chàng nghệ sĩ, tất cả sự táo bạo và coi thường ước lệ của ông. Đoạn nhạc này, với nhạc tính nhanh nhẹn và hơi mạnh mẽ, hiển nhiên là của một nhà soạn nhạc trẻ có cảm tính tươi trẻ. Nhưng trong trường hợp Phạm Duy, « trẻ » không có nghĩa là vụng về hay do dự, bởi vì cần phải ghi nhận lối viết giai điệu rất vững vàng, lối chuyển câu rất hợp lý, cần nhất là phải ghi nhận sự khoái thích vượt khó của chàng trẻ Phạm Duy. Và những khó khăn ở

trong đoạn này thì vô số : nào là tiết điệu khá phức tạp của nét nhạc, nào là những nhịp ngoại và những thanh trình khó hát, những nốt đen cò nhị hiểm hóc, những chuyển biến đột ngột từ hơi trưởng qua hơi thứ, tất cả những sự khó chứng tỏ rằng lúc đó chàng nghệ sĩ của chúng ta đã có lối tai đặc biệt tinh tế và một khiếu nhạc tuyệt vời. Lại còn mấy phách — với lời « Cô chữa về ư ? » và « Hay cô ở lại ? » — cũng lại tuyệt nữa, ở đây Phạm Duy đã chuyển biến được giọng nói của ngôn ngữ mẹ đẻ thành ra nhạc ngữ dễ yêu và ngộ nghĩnh. Nhưng rủi thay, những sự kỳ diệu trên đây đã chẳng quyến rũ nổi cô hái mơ nọ, và bài hát kết thúc buồn bã, trong sự thăm nhắc lại hai đoạn đầu... sự buồn bã lúc bấy giờ đã có tính cách rất « phạm duy » qua lối chuyển bán cung đặc biệt.

Đó, phải thừa nhận : việc làm đầu tiên của Phạm Duy đã là việc thành công ngay. Vâng, trên bàn cờ nghệ thuật khó khăn, nhà soạn nhạc đã chiếu bí và thắng ván đầu. Bởi vì phải nói đến cái đẹp dị thường của bản hợp phổ này. Không có chi là gượng ép,

tất cả như tuôn ra từ một dòng suối thiên nhiên tinh khiết. Nhạc tính của ca khúc không có vẻ Việt Nam hay Đông Phương một cách quá đáng, và cũng không quá Tây Phương: thực sự, vượt trên vài nét ảnh hưởng nhẹ — nếu quả có ảnh hưởng — ở đây đã có tiếng nói riêng biệt của Phạm Duy cất cao lên. Cuối cùng, hãy để ý đến sự lựa chọn bài thơ của Nguyễn Bính, ngay từ tác phẩm đầu tay, chàng trẻ Phạm Duy đã có thể phô diễn được cái nhị nguyên tính sâu xa của mình: vừa là người suy tư vừa là người hành động — điều đã được nhấn mạnh trong bài đầu.

Lời dẫn nhập này đưa chúng ta đến vấn đề các nguồn ảnh hưởng trong nhạc Phạm Duy. Vấn đề khó khăn nhưng quan trọng. Vậy chúng ta phải đề cập đến, càng rõ ràng, càng đầy đủ được chừng nào hay chừng ấy.

* *

Một nhà soạn nhạc mà *hoàn toàn* độc đáo, không nhờ vả chút nào ở các bậc tiền bối cũng như ở các người đồng thời, là một chuyện khó khăn, nếu không nói là chuyện không thể có được. Lối hòa âm của một nhà soạn nhạc, những loại giai điệu của ông ta, và tất cả những phương thức về tiết điệu, về thể ca và các thứ khác, thường bắt nguồn từ một số vốn âm nhạc mà ông ta biết, từ những sách viết về nhạc mà ông ta quen thuộc từ thuở ấu thơ đến khi thành thục. Nhưng phân tích những gì mà một nhà soạn nhạc cho là bổ ích trong cái kho tàng sáng tạo âm nhạc lớn lao, không lý thú bằng phân tích những kết quả của các ảnh hưởng ấy, phân tích những cái mà

nhà soạn nhạc đã thêm vào đó, và những cái mà ông ta tưởng tượng và phát minh ra. Thế mà từ ba mươi năm nay, người ta vẫn thường chỉ nói đến ảnh hưởng này nọ trong nhạc Phạm Duy; đây đó, lại còn có người tưởng rằng phải *trách cứ* Phạm Duy về các ảnh hưởng ấy. Điều này đã khiến tôi hơi ngạc nhiên: phải chăng vì trong quá trình lịch sử, nước Việt Nam bị ngoại xâm nhiều lần quá cho nên người Việt Nam đâm ra sợ rằng những ảnh hưởng ấy trở thành những cuộc “xâm lăng tinh thần” trong phạm vi nghệ thuật? Tôi không thể giải đáp câu hỏi đó song tôi có thể xác nhận điều này: nếu người ta muốn phán đoán hoặc đánh giá công trình của Phạm Duy theo đúng giá trị của nó thì điều *cần thiết* là phải xét toàn thể công trình ấy theo cả hai lối nhìn Việt Nam và Tây Phương. Đi từ sự phát biểu này, mà tôi coi như minh bạch, dĩ nhiên, lại có thêm một nhận định khác: nếu ở trời Tây có một số tác phẩm của Phạm Duy không được người ta hiểu biết và tán thưởng ngay — ở đây, tôi nghĩ đến những ca khúc như Tình Nghèo, Một Bàn Tay, Nước Chảy Bon Bon; Bà Mẹ Phù Sa và bốn hoặc năm đoạn khúc trong các Trường Ca — đó là vì đại đa số người Tây Phương không biết đến hoặc biết rất ít về dân ca và dân nhạc cổ truyền Việt Nam. Và nếu tại Việt Nam, người ta ít tán thưởng vài tác phẩm của Phạm Duy, nếu người ta vẫn không hiểu được sự tiến hóa của nghệ sĩ này, nhất là trong khoảng mười năm nay, một phần chính là vì đại đa số người Việt Nam không hiểu rõ về *toàn thể* nghệ thuật nhạc cổ

Cô hái mơ

Lento Expressivo

Thơ nguồn Bình
Phạm Duy phổ nhạc

Thơ thâu hương chiều Một khách thơ say nhìn xa nặng núi xanh
mơ... Khi trời trong sáng và êm ái! Thiếp thấy ngỡ mơ Cô hái
mơ... Hỡi cô con gái hái mơ - giũ! Có chừa vò vò?
Đường con xa Mảnh nhỏ chiều hôm dần rập tắt Ánh sáng ở lại vô cùng ta?
- nhà ta ở dưới gốc cây đường Cách đứng Hoàng Sơ nửa dặm
đường Có suối nước trong tâm riu rách Có hoa bên suối ngọt đưa hương...
Tới Tango
Cô hái mơ ơi! Không trả lời thì lấy một lời...
Cái bóng mờ đi Rõn rắt bóng Rừng mơ hia kít
Lá mơ rơi... (từng rưng...)

Hồng Vân
1942

điển Tây Phương chủ yếu là loại nhạc trong vòng bảy mươi năm sau này.

Nhưng chúng ta hãy trở lại nguồn gốc. Những tác phẩm đầu tiên mà cậu Phạm Duy được biết từ thuở thơ ấu là những bài dân ca, dân nhạc cổ truyền của nước Việt Nam. Nhưng trong khi được vỡ lòng bằng nghệ thuật của xứ

sở thì cậu nghệ sĩ này cũng đồng thời làm quen với những âm điệu của nhạc Tây Phương, và tôi biết rằng từ thuở thanh xuân, chàng Phạm Duy đã hiểu và đã thích những thể nhạc cổ điển và lãng mạn của âm nhạc phương Tây. Từ đó đã có thể nói chắc chắn rằng nghệ thuật của tác giả sau này sẽ mang dấu

vết «ảnh hưởng» song đôi của cả Việt Nam lẫn Tây Phương ngay từ nguồn gốc. Phạm Duy đã là một người rất yêu nước, nhưng tôi thán phục ông ta ở chỗ không bao giờ nghĩ đến chuyện hạ mình xuống lòng ái quốc hẹp hòi trong nghệ thuật. Văn hóa Đông Phương và văn hóa Tây Phương đã được dung hòa một cách dễ dãi nơi con người ấy — dung hòa mà không một bên nào bị thiệt thòi — cho nên trên bình diện nghệ thuật, sự dung hòa ấy cũng đã được thể hiện như mọi người đều biết. Phạm Duy đã thấu triệt hoàn toàn cái gì là đặc tính, là đẹp đẽ của nghệ thuật âm nhạc Việt Nam, nhưng dường như do linh tính, ông cũng thấu hiểu hoàn toàn những cái gì là đặc tính, là có giá trị của nghệ thuật âm nhạc Tây Phương và hiển nhiên là không bao giờ ông tin rằng tài năng của mình có thể bị xâm phạm hoặc bị bần hóa bởi sự gom góp của một trong hai nguồn ảnh hưởng căn bản ấy. Thực ra, nhiều cơ hội lớn trong công trình của tác giả những Trường Ca đã — phần nào — do ở sự hòa hợp và thể quân bình giữa hai ảnh hưởng Đông Tây đó. Và sự hòa hợp và thể quân bình đó, theo tôi, chưa một nhà soạn nhạc Việt Nam nào đạt tới chỗ hoàn hảo như Phạm Duy.

Nhưng chỉ nêu lên những nguồn gốc lớn của nghệ thuật Phạm Duy cũng chưa đủ, còn cần phải nói rõ kết quả xác thực của nó, hay phải nói rõ Phạm Duy có thể bị ảnh hưởng bằng cách nào. Ảnh hưởng âm nhạc Âu Tây trong tác phẩm của Phạm Duy không đặc biệt lắm như người ta tưởng đâu. Theo tôi, chỉ có thể là một ảnh hưởng

về không khí, về hơi hám nhạc điệu, hay một đôi khi, một ảnh hưởng về kỹ thuật đặt nhạc. Có lẽ ở đây, tốt nhất là nên chú thích vào ý kiến của những người đã muốn so sánh nhạc Phạm Duy với nhạc Mozart và nhạc Beethoven. Trước hết, tôi nghĩ rằng nhạc Phạm Duy tự nó có giá trị, không cần phải đem so sánh với nhạc của nhạc sĩ này nhạc sĩ nọ ở Âu châu. Thứ đến, so sánh như thế có vẻ là chuyện khó khăn và tôi chắc rằng làm như vậy không giúp cho người Việt Nam hiểu Phạm Duy hơn. Tất nhiên có thể đối chiếu một vài sự gần gũi giữa tác phẩm của Phạm Duy với tác phẩm của Mozart, Beethoven, Schubert, Chopin hoặc của các nhạc sĩ khác, (có thể chính tôi trong những bài sau, sẽ làm đôi ba đối chiếu kiểu ấy) nhưng đó chỉ là đối chiếu chứ không phải là so sánh thực sự. Như vậy, là nói rằng tôi không tin Phạm Duy bị ảnh hưởng bất cứ một Âu Châu nào. Có thể ông ta đã yêu thích sự đa dạng của các thể nhạc âu châu, sự tự do diễn đạt, những kỹ thuật chuyển cung, những cách hòa điệu phong phú : nhiều lần, trong tác phẩm của chính ông, Phạm Duy đã nhớ tới tất cả những cái đó — bởi vì âm nhạc không phải là sở hữu độc quyền của một ai. Vào lúc đầu của những năm 40, Phạm Duy đã hay thích hát những đoạn khúc trích trong các đại nhạc kịch Ý-đại-Lợi. Trong đó, ông tán thưởng sự uyển chuyển, sự trong sáng và sự nhiệt tình của những giai điệu — nhưng tôi có những lý do vững chắc để tin rằng Phạm Duy bẩm sinh đã có sẵn những ưu điểm kia, trước

khi ông biết đến nghệ thuật đại nhạc kịch Ý đại-Lợi. Dù sao, nếu Phạm Duy đã nhớ đến những cái hay của nghệ thuật ca kịch Ý đại-Lợi, thì rõ ràng ông đã không vướng phải cái dở mà loại này cũng có.

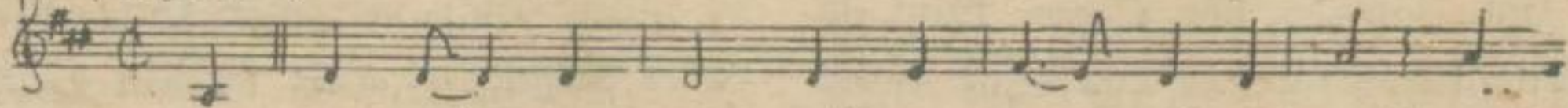
Mặt khác, nếu thời gian lưu học của Phạm Duy tại Pháp vào những khoảng giữa của những năm 50 rất bổ ích cho ông trong địa hạt nhạc học thì đối với việc sáng tác, hình như sự học hỏi đó chỉ có một ảnh hưởng bên lề mà thôi. Từ rất lâu trước khi nghệ sĩ đến Paris, nhiều tuyệt phẩm hay nhất đã được soạn và hiển nhiên là nước Pháp không đem lại cho Phạm Duy ngoài những cái ông đã có sẵn. Người ta có thể nghĩ rằng dù không có cuộc Pháp du đó, sự diễn biến công trình Phạm Duy vẫn tiến triển như vậy. Thế nhưng .. nếu không có những ngày sống ở Paris, danh sách nhạc phẩm của nghệ sĩ sẽ thiếu đi những bài như Mùa Thu Paris, Kiếp Sau và Tiễn Em, những bức thủy họa tinh vi bằng âm nhạc mà ngọn bút của Phạm Duy đã dành cho những bài thơ của Cung Trầm Tưởng — Tuy vậy, cũng chẳng nên quá thu hẹp các sự việc và ta cũng có thể cho phép tin rằng những Trường Ca và những tác phẩm khác sẽ không được như thế, không được toàn hảo như thế, nếu Phạm Duy không có thời gian lưu học ở đất Pháp.

Nói về ảnh hưởng, tôi thấy người ta đã buộc tội Phạm Duy, nhiều khi không bằng cớ, là đã hơn một lần phỏng theo các dân ca và khúc điệu Tây Phương. Một lời buộc tội nguy hại nhất trong các lời buộc tội, có lẽ đã

được để ra trong những năm gần đây và nhằm vào tuyệt phẩm thuần túy nhất, có vẻ phạm duy nhất, là bản Giọt Mưa Trên Lá. Từ ba mươi năm nay, có những bài phê bình Phạm Duy rất đứng đắn và xác đáng do những người đáng trọng và ngay thẳng, không ti tiện, không ganh tị, viết ra, những bài phê bình đó, tôi là kẻ đầu tiên chấp nhận và mong mỗi, và chắc Phạm Duy cũng vậy. Rất nhiều bài phê bình khác hoặc buộc tội khác lại rõ ràng đến từ những kẻ ti tiện, ganh tị, ganh ghét hoặc dường như khó chịu trước tài năng và những thành công của tác giả Tâm Ca. Chính Phạm Duy thì có vẻ không mấy quan tâm đến những trò bôi lọ đó, nhưng cá nhân tôi, tôi chỉ có thể lấy làm tiếc rằng một phần quần chúng Việt Nam đã bị lầm bởi những khẳng định và bôi xấu của những kẻ ít vẻ vang ấy. Nếu mục đích của những kẻ ấy là muốn đầu độc không khí xung quanh Phạm Duy thì, từ nơi xa xôi tôi đang ở, tôi nghĩ rằng họ đã đạt được phần nào. Song lẽ, Phạm Duy đã thật đang cần không khí trong lành, cần ánh sáng và sự thanh thản quanh mình hơn là cần đến không khí nhiễm độc bởi những lời vu cáo, lừa lọc. Con người trong thâm tâm vốn cô đơn khủng khiếp ấy, không cần đến những trò hèn hạ và bần tiện của một vài kẻ trong chúng ta, người ấy đang cần, nhất là trong lúc này, mỗi cảm tình và sự cảm thông của chúng ta. — Ít lâu sau khi Giọt Mưa Trên Lá ra đời, người ta cho ra tin đồn rằng Phạm Duy đã «đánh cắp» điệu hát ấy trong kho tàng dân ca Hoa Kỳ. Đã đến lúc cần đặt sự việc vào đúng chỗ. Trước hết: Nước Gia Nã Đại vốn ở ngay

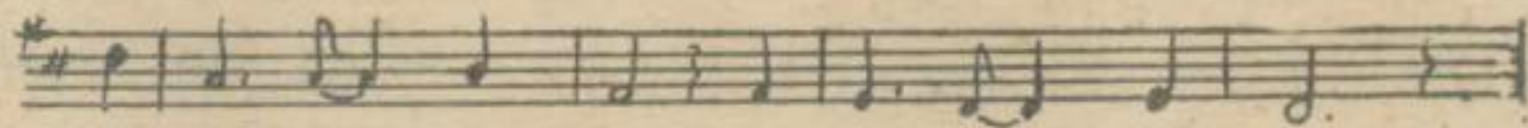
LỮ HẠNH (1953)

MODERATO



NGƯỜI ĐI TRÊN HƯỚNG GIÀN THỜ HƠI GIÓ (C) TỪ NGÀN NĂM ...

... et plus loin



MÀU SÔI NHƯ SẮC TRỜI. BƯỚC NHANH VƯỢT CHÂN ĐỜI!..

THƯƠNG TÌNH CA (1956)

CHÂM BÙN



DÌU NHAU ĐI TRÊN PHỐ VẮNG ... DÌU NHAU ĐI TRONG ÁNH SÁNG ...

GIỌT MƯA TRÊN LÁ (1965)

châm



GIỌT MƯA TRÊN LÁ NƯỚC MẮT MẸ GIÀ LÃ CHÃ BẦM ĐÌA TRÊN XÁC CON LẠNH GIÃ ...

et plus loin ...



GIỌT MƯA TRÊN LÁ TIẾNG KHÓC OA OA ĐẺA BÉ CHÀO ĐỜI CHO CHÚNG TA

cạnh Hợp Chúng Quốc, do đó tôi biết (1953) và Thương Tình Ca (1956) đã khá rõ dân ca Hoa Kỳ. Vậy mà tôi chẳng hề biết đến cái gọi là dân điệu mà người ta bảo Phạm Duy đã mô phỏng. Hơn nữa tôi đã trình bày Giọt Mưa Trên lá cho nhiều người Mỹ nghe và họ thú thực chưa bao giờ nghe thấy ca khúc này. Thứ đến: không những ca khúc đó có tính chất thuần túy Phạm Duy mà hiển nhiên nó còn là kết quả của một diễn trình nơi tác giả Tâm Ca. Thực vậy, nghiên cứu sự diễn tiến nhạc phẩm của ông, tôi nhận ra những giai điệu của các bài Lữ hạnh

(1953) và Thương Tình Ca (1956) đã tiềm tàng chứa đựng giai điệu của Giọt Mưa Trên Lá (1965).

Trong Lữ Hạnh, qua hành điệu khoan hòa của ca khúc — hành điệu nổi bật bởi việc xử dụng nhịp tư — đã loáng thoáng cái nét nhạc của Giọt Mưa Trên Lá. Trong Thương Tình Ca, hành điệu đã thành nhịp ba như trong Tâm ca sau này, giai điệu giản lược so với Lữ Hạnh, và qua cách phân chia các trường độ âm thanh, chúng ta đã nghe ra gần như bản Giọt Mưa Trên Lá. Từ đó mà đi, chắc chắn là

trong giai đoạn kế tiếp, ca khúc sẽ thanh thoát hơn. Và quả nhiên Giọt Mưa Trên Lá là sự giản dị rồi cuộc đã đạt được, là sự thuần khiết rồi cuộc đã vươn tới, là sự xúc cảm đã hoàn toàn tự chủ, tóm lại, là tuyệt phẩm bấy lâu đợi chờ. Nếu xuyên qua Lữ Hành và Thương Tình Ca, Phạm Duy đã có ít nhiều ý thức đi tìm một giai điệu thật thuần khiết và thật hoàn hảo, thì chính Giọt Mưa Trên Lá là sự thức ngộ cuối cùng, là cái đích đã đạt đến độ tuyệt hảo. Lại còn thêm một việc rất có ý nghĩa là cả ba ca khúc đều ở trong hơi Ré trưởng : âm thể vui tươi nhẹ nhàng đó thường vẫn gợi hứng rất nhiều cho Phạm Duy.

* * *

Trong một bài sau này nói về những Dân Ca và Trường Ca, tôi sẽ thử xác định rõ ràng những liên hệ giữa nghệ thuật của Phạm Duy và dân ca dân nhạc Việt Nam. Mặt khác, cũng như tôi không thấy các nhạc sĩ lớn ở Tây phương có ảnh hưởng nào đặc biệt đến Phạm Duy, tôi không nhận ra có nhạc sĩ Việt Nam nào đã ảnh hưởng đặc biệt tới tác giả Tâm Ca. Nhưng ngược lại thì có, bởi vì hơn một lần, tôi nhận thấy có một số nhạc sĩ đã mô phỏng các khám phá của Phạm Duy để đưa vào tác phẩm mình ; đây đó lại có vài ba nhạc sĩ, ý hẳn muốn đưa xa hơn nữa sự tôn sùng gián tiếp, nên đã phỏng theo Phạm Duy gần như từng âm thanh một !!! Đối với các nhạc sĩ thuộc thế hệ của những năm 40 như Văn Cao, Lê Yên, Văn Chung, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước

và mấy người nữa, thì có vẻ Phạm Duy có nhiều tương hệ với nghệ sĩ tài ba và đa cảm là Văn Cao. Nhưng trong sự thân tình giữa Phạm Duy và tác giả Thiên Thai, kẻ hưởng lợi không tránh được nhất định phải là Văn Cao. Và lại người ta hẳn còn nhớ rằng Văn Cao là một nghệ sĩ có tài nhưng kém về nhạc lý, đã được Phạm Duy góp sức để hoàn thành các bài Bến Xuân và Suối Mơ.

Những năm gần đây, có người lại tưởng thấy Phạm Duy chịu ảnh hưởng của nhạc sĩ lớp sau Trịnh Công Sơn. Cái nào nê của Phạm Duy trước hoàn cảnh Việt Nam có thể đây đó tương tự như nào nê của tác giả Ca Khúc Da Vàng, điều đó không có gì là lạ và tâm trạng của Phạm Duy được diễn tả bằng giai điệu có *đôi chút* tương tự như Trịnh Công Sơn thì cũng là chuyện thường. Nhưng đó chỉ là ngẫu nhiên và không cho phép tôi tin rằng Phạm Duy đã chịu «ảnh hưởng» của tác giả Gia Tài Cửa Mẹ. Dù sao đi nữa, phản ứng của hai nghệ sĩ trước cuộc xung đột ở Việt Nam thường khi không giống nhau đâu.

Trong một số Văn-Học gần đây, nhà soạn nhạc Lê Thương đã phát biểu ý kiến là «Phạm Duy không dễ dàng bị ảnh hưởng như người ta tưởng». Không những tôi tán đồng ý kiến ấy, tôi còn nói quá lên rằng Phạm Duy rất khó bị ảnh hưởng, khó đến nỗi rồi cuộc tôi nghĩ rằng chút ít ảnh hưởng hiếm hoi mà ta có thể tìm thấy ở ông là những ảnh hưởng mà ông đã *tiếp nhận một cách có ý thức*. Như những thiên tài sáng tạo khác, Phạm Duy bị thúc bách

phải khẩn cấp phóng ra ngoài những tiếng nhạc nằm sẵn trong lòng. Bằng nhiều cách, tâm trí ấy đã được khóa chặt để ngăn những ấn tượng bên ngoài. Nói về Phạm Duy thanh niên mà nói đến «ảnh hưởng» Việt Nam và Tây Phương là không đúng; theo tôi, xác định các «ảnh hưởng đó như những cơ sở căn bản, trên đó chàng nghệ sĩ đã xây dựng tiếng nói riêng biệt của mình và nhờ đó nghệ thuật sáng tạo của chàng đã phát huy hoàn toàn tự do, xác định như thế mới thật là đúng. Các bí quyết của nghệ thuật là do người sáng tạo chân chính tạo ra. Điều ấy, Phạm Duy đã hiểu rất sớm. Phạm Duy không tìm, ông đã thấy. Ở nơi ông, không có sự do dự, không có sự dò dẫm, hình như vậy; ngay từ Cô Hái Mơ, từ Cây Đàn Bỏ Quên, Tiếng Thu, Khỗi Tình Trương Chi, Chinh

Phụ Ca, Thu Chiến Trường và phần nhiều những bước đầu khác, chàng nhạc sĩ trẻ tuổi đã thấy rõ lối diễn đạt độc đáo và riêng biệt của mình, cái cốt cách, cái tác phong của mình — nhưng cái «tác phong» Phạm Duy chính là chỗ *không* có tác phong, hay nói cho đúng, là chỉ có một thôi: tác phong luôn luôn tự mình đổi mới. Nói về ảnh hưởng ư? Xuyên qua những ca khúc mà chàng nghệ sĩ trẻ trung của chúng ta sáng tác vào những năm 40 ấy, chúng ta chỉ nghe thấy một 'giọng' vô cùng đặc biệt, vô cùng đáng tin phục và quyến rũ, và cái giọng ấy, chính là giọng của Phạm Duy vậy. Giản dị thế thôi.

(Còn tiếp)

G.E. GAUTHIER

Montréal, tháng 10 năm 1970

Sách mới :

NGUYỄN NGỌC LƯU

LƯỢC KHẢO VỀ HAI CHỦ NGHĨA

CHÍNH TRỊ VIỆT-NAM

NGUYỄN KIM KHÁNH

VẤN ĐỀ CHÍNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TIẾT

**THỰC TRẠNG HÀNH CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG
TẠI VIỆT NAM**

Mỗi quyển dày 160 trang, khổ to, in đẹp, giá 120đ, sách rất cần thiết để hiểu rõ tình hình chính trị hiện nay của nước nhà.

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 đại-lộ Lê Lợi — Saigon

Nobel Khoa-học 1970

Vật lý học :	Giáo sư Louis Néel (<i>Pháp</i>) Giáo sư Hannes Alfven (<i>Thụy-điền</i>)
Vật hóa học :	Giáo sư Luis Federico Leloir (<i>Ac-gen-tin</i>)
Sinh lý và y học :	Giáo sư J. Axelrod (<i>Hoa-kỳ</i>) Giáo sư B. Katz (<i>Anh</i>) Giáo sư von Euler (<i>Thụy-điền</i>)

Như mọi năm, các nhà bác học Hoa-kỳ năm nay cũng lại được xướng danh bằng vàng : hai người trong số sáu giáo sư chia nhau ba giải Nobel khoa học. Ngoài ra còn có hai giáo sư người Hoa-kỳ khác được giải Nobel : ông Paul A. Samuelson được giải kinh tế mới được thiết lập và ông Norman Ernest Borlaug được giải hòa bình mà những công tác khoa học về di truyền của loại thảo mộc đã rất được hoan nghênh.

Bốn năm sau giáo sư Alfred Kastler, lại một người Pháp được giải vật lý học Cũng như trường hợp Kastler, giáo sư Néel được giải Nobel nhờ những công tác thực hiện trước đây khá lâu, trong khoảng thời gian 1930-1940. Thật vậy, chính lúc còn ở Viện đại học Strasbourg, lần lượt từ phụ tá lên giảng sư sau qua giáo sư vật lý học, ông đã khảo cứu và khám phá ra thiết từ học (ferromagnétisme), và phản thiết từ học (antiferromagnétisme). Cựu sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm, thạc sĩ, tấn sĩ, tấn sĩ danh dự nhiều

Viện đại học ngoại quốc, nhân viên nhiều Viện hàn lâm khoa học các nước tân tiến, giáo sư Néel hiện nay làm giáo đốc Trung tâm khảo cứu nguyên tử Grenoble.

Năm nay, người ta đề ý thấy hai nhà bác học cùng được giải mà công tác khảo cứu không có liên quan gì với nhau. Giáo sư Néel chia giải vật lý học với giáo sư Alfven, chuyên môn về từ thủy động học (magnétohydrodynamique). Nếu những công tác của giáo sư Néel được ứng dụng trong ngành vật lý học các chất rắn, người ta đã dùng nhiều những khám phá của giáo sư Alfven trong ngành vật lý học các plasma.

Lần đầu tiên một người xứ Ac-gen-tin được giải Nobel vật hóa học. Hai người cùng nước trước đây đã được Hội đồng chấm giải Thụy-điền chọn lựa là các giáo sư O. Saavedra (giải Hòa-bình năm 1963) và B.A. Houssaye (giải sinh lý và y học năm 1947). Sinh trưởng ở Paris, giáo sư Leloir đã khảo cứu ở Anh và Hoa-kỳ trước khi qua Camponar bên Ac-gen-tin. Từ tám năm nay ông làm giám đốc Phân khoa sinh vật hóa học ở Viện đại học Buenos-Aires. Chính ở đây

mà ông đã trích ra được những nucleotit trong các hạt lúa mì. Từ lâu người ta đã quen thấy những nhà sinh vật hóa học đoạt giải hóa học.

Sau cùng, những công tác khảo cứu về con người năm nay cũng lại được khen thưởng vì ba nhà bác học chia nhau giải sinh lý và y học đã có công làm sáng tỏ những cơ năng của thần kinh hệ, đặc biệt về cơ chế sinh vật hóa học và những hóa chất trung gian điều giải giúp chuyển đạt thông điệp qua các tế bào thần kinh. 3 nhà bác học đã làm việc riêng biệt nhau những kết quả của các công tác đều giúp trả của lời những câu hỏi rất căn bản về cách truyền chuyển tài liệu qua các tế bào thần kinh cũng như từ dây thần kinh qua cơ quan thực hành, chẳng hạn các thớ bắp thịt. Người ta tiên đoán những năm 70 sẽ là những năm ưu thế của ngành thần kinh sinh vật học.

Những hình thức khác nhau của từ tính

Một nhà bác học trứ danh Pháp, Pierre Curie, cuối thế kỷ trước, đã từng xếp các vật thể có từ tính ra thành ba loại :

— Những vật phản từ (diagnostic) khi được đặt vào một từ trường thì thành nam châm, nhưng chiều ngược lại với chiều của từ trường ; đáng khác, mo-men từ tính không chịu ảnh hưởng của nhiệt độ. Ví dụ : nước (Mo-men từ tính của nam châm là nhân số của độ dài giữa hai cực với trọng khối từ tính ở cực bắc, thường được tượng trưng

thành một mũi tên nằm theo trục nam châm).

— Những vật thuận từ (paramagnétique) trái lại thành nam châm theo chiều của từ trường, nhưng ở các vật này hể nhiệt độ càng xuống thấp thì mo-men từ tính lại càng lên cao. Những muối đồng, sắt thuộc loại này.

— Sau cùng, những vật thiết từ (ferromagnétique) dù không có từ trường cũng thành được nam châm. Hiện tượng này đã được khám phá ra lần đầu tiên ở các oxit sắt Fe_3O_4 cho nên đặt tên thiết từ. Sau này người ta còn tìm ra được ở kền, co-ban và nhiều hợp kim như thép là sắt trộn lẫn với ít nhiều cacbon.

Các nhà bác học Pháp đã chú trọng nhiều đến môn từ học và lại một nhà vật lý học khác, Paul Langevin, khoảng đầu thế kỷ đã chứng minh thuận từ được thực hiện là vì những nguyên tử cấu tạo ra các vật đã động tác như những nam châm tí hon, tức nhiên khi vào từ trường, thì chúng nằm theo chiều của từ trường.

Đến lượt giáo sư Pierre Weiss là thầy của Louis Néel ở Viện vật-lý học Strasbourg, năm 1907, đưa ra giả thiết trong các vật thuyết từ, những nguyên tử cũng là những nam châm tí hon nhưng nằm theo những chiều hướng hỗn độn, chỉ song song trong từng địa hạt (được đặt tên là các địa hạt Weiss) cho nên vật chẳng có từ tính. Nhưng nếu cho vật vào một từ trường, những địa hạt kia chuyển mình nằm lại song

song với nhau và vật trở nên có từ tính. Thật ra vật đã sẵn có từ tính nhưng những mo-men đã chống đối với nhau. Sau này thí nghiệm Barkhausen đã lại chứng minh giả thuyết của Weiss. Hơn nữa kính hiển vi đã đưa ra đồ hình các địa hạt Weiss.

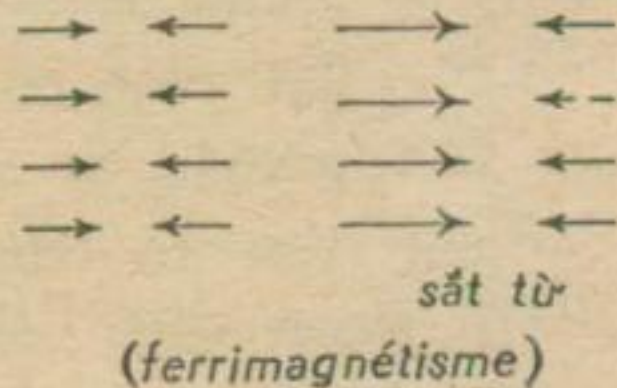
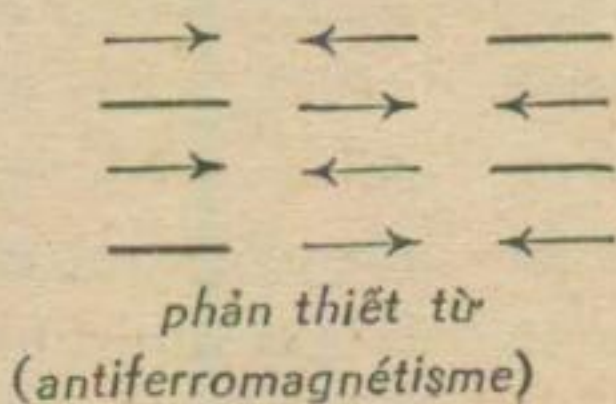
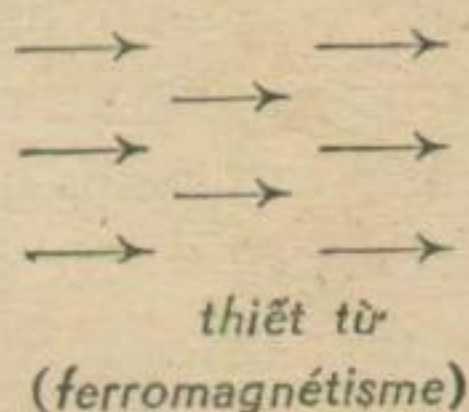
Trong các địa hạt này, những nguyên tử nằm song song là vì tương tác giữa các nguyên tử nam châm. Động lực gây ra hiện tượng ấy, giáo sư Weiss gọi là nguyên tử trường. Chính đây là lãnh vực khảo cứu của giáo sư Néel. Dùng những lập luận lý thuyết cụ thể hóa những mo-men từ tính thành những mũi tên nhỏ, ông đặt chúng nằm cùng chiều trong các vật thiết từ. Nhưng nếu các mũi tên kia nằm từng cặp khác chiều thì sao? Lẽ tất nhiên mo-men từ tính biến mất, vật hết còn từ tính: đây là hiện tượng phản thiết từ mà ông đã khám phá ra.

Người ta đã tìm ra được trước kia hễ đem đốt nóng các vật thiết từ đến điểm Curie (khoảng 770 độ) thì chúng biến ra thành thuận từ. Sau này, hiện tượng ngược lại cũng đã được khám phá: hễ đem làm nguội nhiều vật thuận từ thì chúng cũng thay đổi tính chất, nhưng thay vì biến thành thiết từ, chúng lại trở nên phản thiết từ. Nhiệt độ đặc biệt để vật biến tính được gọi là

điểm Néel. Năm 1939, một nhà vật lý học Pháp, Henri Bigette, đã chứng minh hiện tượng này với chất man-hesium fluorua.

Ngày nay nhiều chất khác cũng đã được tìm ra. Nhiều chất là phản thiết từ như đã nói. Xin nhắc lại, các vật này được hình dung thành những mũi tên nhỏ nằm ngược chiều từng cặp một. Nhưng có những vật cũng được hình dung như những chất phản thiết từ, có điều những mũi tên ngắn dài khác nhau, từ đấy chúng có mo-men từ tính. Hiện tượng này được gọi là *férimagnétisme* (dịch là sắt từ để phân biệt với thiết từ) và năm ngoái, hiện tượng cũng còn được khám phá ra trong các hạch nhân nguyên tử.

Một dẫn xuất của oxit sắt Fe_2O_3 có tính chất này gọi là ferit thường được ta dùng mà ít ai biết: đây là những dây anten bên trong các máy radiô cầm tay. Vì sao dùng nó? Chỉ là vì nó không dẫn điện, và nhờ vậy, mặc dầu từ trường thay đổi, nó vẫn không thành nóng. Ở phòng thí nghiệm của giáo sư Néel vô số ferit khác đã được học hỏi thêm và hãng Bell Telephon đã áp dụng rất nhiều vào kỹ thuật các tần số lớn. Ngoài ra hãng này cũng đã chế ra một bộ não có thể chứa rất



nhiều tài liệu với một diện tích vô cùng bé nhỏ : đây cũng là một ứng dụng khác của các vật phản thiết từ.

Từ plasma đến cuộc tổng hợp chất đường

Giáo sư Alfven cũng là một nhà vật lý học lý thuyết nhưng ông chỉ chăm lo về plasma là trạng thái các loại khí khi đốt nóng thì nguyên tử mất điện tử. Ông đặc biệt khảo cứu cách truyền dẫn các luồng sóng điện trong plasma. Những công tác của ông được biết nhiều là những bài khảo cứu lý thuyết về các luồng sóng điện trong lớp plasma ngoài vũ trụ.

Từ ngày các vệ tinh nhân tạo đua nhau bay quanh quả đất, người ta biết được từ trường quả đất đã thu tập quanh hành tinh của ta đủ thứ hạt vật chất, dương tử, điện tử, từ khoảng không gian lại, nhất là từ mặt trời. Tất cả các hạt ấy bị từ trường quả đất cầm tù nên làm thành một lớp plasma gọi là từ quyển (magnétosphere). Nhiều ông tác khảo cứu lý thuyết từ lâu đã bàn đến trạng thái của lớp plasma này. Nhưng trái với nhiều nhà vật lý học chỉ xem xét hành vi của từng hạt vật chất, giáo sư Alfven đưa ra từ năm 1950 một lý thuyết trong ấy ông xem toàn plasma như là một môi trường không dung giải. Theo ông, những hạt vật chất chạy theo những đường xoắn ốc quanh những lực tuyến của từ trường và đi lại giữa hai điểm đối xứng ở Bắc và Nam bán cầu.

Giáo sư Alfven cũng còn chăm lo đến những dao động của lớp plasma từ quyển. Mặt trời thường xuyên cho tung ra vô số hạt vật chất cho nên các lực tuyến của từ trường quả đất bị thay đổi, vì vậy lớp ngoài của từ quyển bị xô đẩy qua lại và dao động dần dần chuyển vào bên trong gây nên những luồng sóng điện gọi là những luồng sóng điện từ thủy động học. Các luồng sóng này có thể lâu đến vài phút hay chỉ trong khoảng khắc vài phần giây đồng hồ. Chúng có ảnh hưởng lên các hạt vật chất, hoặc làm giảm bớt hoặc cho tăng gia tốc độ. Một vài luồng sóng điện ấy đã được đặt tên là luồng sóng Alfven. Nói chung, hiện nay các nhà bác học chưa biết gì nhiều về lớp plasma quanh quả đất tuy là một vấn đề rất hấp dẫn và quan trọng, đặc biệt cho những phi hành gia sẽ ra vũ trụ sau này.

Từ không gian rộng lớn qua con người nhỏ bé, hiện ta cũng chưa biết được căn kẽ tất cả các phản ứng làm động tác các sinh vật. Vì vậy những nhà sinh vật hóa học khảo cứu về những cơ chế vận dụng cơ thể thường hay được Hội đồng phát giải Nobel lưu ý thay vì những hóa sư chỉ khảo cứu ngoài cơ thể.

Một trong những hóa chất quan trọng cho đời sống của ta là chất đường glucit. Gồm có những cacbon hydrat, những chất này làm năng lượng cho cơ thể sinh vật. Các bắp thịt chẳng hạn rất cần một chất đường đặc biệt gọi là glucot ; không có nó thì các bắp thịt hết còn được vận dụng. Thường

glucot được tích trữ rồi dần dần cho điều hòa tiết ra. Tuy cơ thể còn có những lipit và protit cũng là nguồn năng lượng nhưng những chất này chỉ được tiết ra khi nào hết glucit. Có nhiều khi tác dụng biến thể chất glucit bị thác loạn, con người mắc phải chứng đái ra chất đường.

Giáo sư Leloir, ngoài công tác khảo cứu về cuộc oxi-hóa các axit mỗ, cách tổng hợp axit citric, rất được biết tiếng nhờ những khảo sát về tác dụng biến thể của các chất đường, nhất là về chất uridin-diphospho-glucot (UDPG). Sau này nhiều chất tương tự khác còn được tìm ra. Các chất này đã đóng một vai trò quan trọng trong các phản ứng sinh vật hóa học của các chất glucit. UDPG cũng là tiền khu cho cuộc tổng hợp nhiều chất glucosil và sacarit. Chẳng hạn nó cũng dự vào cuộc tổng hợp sinh vật học của nhiều polysacarit như glycogen và tinh bột.

Ngoài ra, UDPG còn rất cần thiết trong cuộc biến chuyển từ một chất đường này qua một chất đường khác. Nó có thể gọi là căn bản cho mọi cơ chế của phản ứng transglycolysation. Viện Hàn lâm Khoa học Thụy-điền đã tỏ ra có ý liên tục khi tặng cho giáo sư Leloir giải vật hóa học năm nay vì trước đây, năm 1946, giáo sư Cori cũng đã được giải nhờ đã trích ra được chất glucot-L-phosphat và giểu tố làm xúc tác cho cuộc tổng hợp chất glucogen.

Cuộc truyền đạt qua tế bào thần kinh

Não óc gồm có mười tế bào thần kinh nối liền với nhau thành một hệ thống vô cùng phức tạp. Những tế bào thần kinh vì rất chuyên hóa cho nên rất khó tái phát. Mỗi một chúng ta khi sinh ra đã sẵn có một kho tế bào này và hễ mất đi chiếc nào là phải chịu. Chúng có hai tính chất chủ yếu là rất dễ cảm ứng và truyền dẫn rất hay. Nhờ vậy vai trò rất quan trọng của chúng là truyền dẫn những thông điệp. Mỗi khi nhận kích thích, chúng biến kích thích ra thành thông lượng thần kinh rồi cho chuyển qua tế bào như một luồng điện được truyền theo dây điện. Mỗi một tế bào là một đơn vị nhị cực nên thông lượng thần kinh luôn chuyển qua theo một hướng chỉ định, từ cực vào (dendrite) đến cực ra (anxone). Chính ở chỗ hai cực này khớp nối nhau (synapse) hay ở chỗ tế bào tiếp xúc với cơ quan (plaque motrice) là thông điệp được truyền dẫn từ tế bào này qua tế bào khác, hay từ tế bào qua cơ quan đã nói.

Nếu bản chất của thông lượng thần kinh chưa thấu biết rõ ràng, người ta đã hiểu được cơ chế của cuộc truyền đạt thông lượng. Những công tác của Eccles trước đây đã chứng minh vai trò của những hóa chất trong cuộc truyền đạt này. Hóa chất có nhiệm vụ tác dụng lên màng tế bào để cho các iông có thể vượt qua. Vì vậy khảo cứu các hóa chất trung gian điều giải này rất quan trọng cho cuộc tìm hiểu cơ chế truyền đạt phức tạp qua các tế bào thần kinh.

Một trong hóa chất trung gian đầu tiên được khám phá ra là chất noradrenalin do giáo sư Euler tìm được trong các tuyến thận. Sau đấy, ông học hỏi những đặc điểm của cuộc tích trữ chất này trong các dây thần kinh giao cảm.

Giáo sư Katz thì lại khảo cứu về chất acetylcholin. Chất này tìm ra được từ năm 1956, được phát xuất từng lượng tử phân tử rất điều hòa về mặt tích trữ cũng như về mặt số lượng. Ông đã chứng minh với tác dụng của các thông lượng thần kinh những lượng tử chất trung gian được phát ra và ông đo lường liên quan giữa thông lượng thần kinh, số lượng hóa chất và sức thấm nhận ở tế bào.

Bên phía giáo sư Axelrod thì từ năm 1958, ông học hỏi tác dụng biến thể của chất noradrenalin. Ông được coi như là một trong những sư tổ của ngành dược sinh hóa học. Phương pháp làm việc của ông là dùng một chất noradrenalin phóng xạ cho vào hệ thống cảm ứng, do đó ông theo dõi và khảo sát được những đặc điểm về cách tổng hợp cũng như cách

tích trữ, đào thải hóa chất ấy. Khám phá này mở đường cho cuộc dùng chất thuốc để khảo cứu về cách truyền đạt thông điệp trong tế bào thần kinh.

Sau đấy, cộng tác với các bác sĩ Iversen bên Anh và Glowinski, hiện làm ở Collège de France, ông chứng minh tính đồng nhất giữa các cuộc tiến triển hóa học ở các tế bào thần kinh cuối cùng và ở trong óc não. Đáng khác, cùng với bác sĩ Wurtman, ông học hỏi tác dụng biến thể của một kích thích tố khác, chất melatonin ở tuyến quả thông, đã đóng một vai trò quan trọng trong cơ chế nội tiết thần kinh.

Nói tóm lại, ba nhà bác học được giải Nobel sinh lý và y học năm nay đã thành công nhiều trong các môn hóa học và sinh vật học thần kinh. Các ông đã chứng minh những cơ chế thần kinh theo những định luật điều chỉnh và xác định hóa học. Ảnh hưởng của các cuộc khám phá này sẽ rất lớn vào môn trị liệu thần kinh hiện nay đang còn yếu ớt.

VÕ-QUANG-YẾN

Sách mới của tác giả CHUYỆN CẨM ĐÀN BÀ
THÀNH PHỐ BUỒN THIU
 của **ĐẶNG TRẦN HUÂN**

Dày 220 trang

Sáng Tạo xuất bản



● NGUYỄN HIỂN LÊ

Một nữ sĩ biết chấp nhận
cuộc đời

HAN SUYIN

Hàn Tú-Anh

Do một định mạng mà mang hai dòng máu Đông và Tây, Han Suyin được cái thiên tư hiếm có và quý báu là có tinh thần rộng rãi, không cố chấp.

Gilles Lapouge trong tờ *Figaro littéraire* nhận định bà như sau : «... Bà dạo trên khắp thế giới như thể thế giới không có biên cương, vậy mà không ai biết rõ hơn bà rằng thế giới này rất chia rẽ. Bà len lỏi từ tâm hồn này tới tâm hồn khác, từ văn minh này tới văn minh khác, từ tôn giáo này đến tôn giáo khác».

Tôi thấy tiếng «len lỏi» có thể hiểu lầm là đồng nghĩa với «khôn khéo» hoặc «thận trọng» nên muốn đổi ra là «di động». Do những hoàn cảnh trong gia đình và trong đời sống, bà ở vào một tình trạng mà người thì cho là may mắn, kẻ lại cho là tai hại, và bà đã lựa làm người Trung Hoa, đã không từ bỏ phương Đông mà còn tiến sâu vào lòng một nền văn minh và một quốc gia mà bà là người thừa kế và phải chịu trách nhiệm.

Dòng máu của cha đã thắng di truyền

của mẹ. Và nhờ dòng máu Bỉ của mẹ, bà mới làm cho phương Tây hiểu được phương Đông mặc dầu giọng của bà là giọng Á Châu. Tổ tiên bên nội là giai cấp quan liêu Trung Hoa, tổ tiên bên ngoại là giai cấp đại tư sản Âu; bà không từ bỏ bên ngoại mặc dầu vẫn tự coi mình là người gốc Á, vẫn trung thành giữ mối liên lạc với Trung Hoa, can đảm chịu mọi lời nguyền rủa (1) mà thắng được mọi trở ngại.

Ai mới gặp bà lần thứ nhất cũng ngạc nhiên về sự thông minh của bà. Dù bà nói chuyện mưa nắng bằng một giọng rất bình thản : «Mùa hè này thực là nóng chịu không nổi... Ở New York cũng không hơn gì... tám ngày trước đây, như ở trong lò vậy... », mà nhìn bà, chúng ta cũng phải thán phục rằng : « Bà này thông minh dị thường ».

Cách ăn bận, đi đứng, mỉm cười, cả khúc mắt của bà nữa đều để lộ sự thông minh đó.

Thông minh luôn luôn là một trong những đức chính của phụ nữ Trung

(1) *Coi đoạn phỏng vấn ở sau sẽ hiểu.*

Hoa, dù họ thuộc hạng trí thức, có một nền văn hóa phong nhã, hay thuộc hạng bình dân, có một nghệ thuật sống rất tự nhiên.

Han Suyin mảnh mai, thanh nhã và đẹp, đẹp nhờ cá tính và sinh khí hơn là nhờ những nét cân đối. Cử chỉ của bà thung dung vì đã quen giao thiệp với mọi giới trong mọi xứ. Nhưng bà có cái gì làm cho ta phải thận trọng, không dám tỏ vẻ khinh suất.

Chắc bà có đức tự chủ cực cao, bề ngoài càng nén được cảm xúc bao nhiêu thì bề trong lại càng xúc động mạnh bấy nhiêu. Có lẽ một chút gì cũng có thể làm cho lòng tự ái của bà bị tổn thương được.

Một người như bà viết về ái tình, về cảnh khổ nạn của con người, về sự sinh li tử biệt mà làm cho lòng độc giả phải rung động thì không thể nào không cảm thấy một phần những điều mình viết, mặc dầu là viết thành những câu mạnh mẽ, giản dị, có vẻ như bình thản nữa.

Trong cuộc đời của bà, chắc đã có nhiều lúc bà tỏ ra cương quyết, nghiêm khắc, chú trọng vào hiệu quả tới cái mức đam mê, gần như là tội lỗi nữa.

Chính cái tương phản [tự chủ mà lại đam mê] mà ta cảm thấy trong tâm hồn bà đó làm cho bà có một sức quyến rũ lạ lùng.

*
* *

(1) . . .

Han Suyin và tôi ngồi đối diện nhau ở bến Kennedy, mỗi người một bên cái máy vi âm.

Marianne Mouestier Trong cuốn *L'Arbre blessé* (Cây bị thương tích) kể chuyện gia đình bà, bà cũng chép lại lịch sử của Trung Hoa từ cuộc nổi loạn Thái Bình ở giữa thế kỉ XIX tới khi Quốc Dân đảng lên cầm quyền. Bà giảng tại sao dân tộc Trung Hoa căm thù liệt cường đã tranh nhau xâu xé, bóc lột tổ quốc họ. Bà cho biết những thắng trận đầu tiên của Nhật Bản đã buộc Trung Hoa phải chịu những bồi thường quá nặng, do đó mà phải vay nợ của các cường quốc Châu Âu, thật là tai hại. Bà cho biết bọn Quân phiệt đã tàn nhẫn bắt dân đóng thuế, dân nổi loạn, do đó mà chế độ phong kiến mau sụp đổ và gây nên cuộc cách mạng vừa rồi, đẩy Trung Hoa vào thế giới hiện đại của thế kỉ XX. Và tấm bức họa lịch sử đó đồng thời cũng là bức họa cuộc đời của gia đình bà nữa.

Han Suyin.—Không thể nào tách rời thân phụ tôi hoặc thân mẫu tôi ra khỏi lịch sử thời đại của các Người ở Trung Hoa được. Cũng như Marcel Proust, khi viết về đời ông, không thể nào tự tách rời ông, hoặc tách rời các nhân vật trong truyện ra khỏi cái thời của họ, ra khỏi các biến cố gây phản ứng trong lòng họ. Hết thấy chúng ta đều là sản phẩm của thời đại và bị lịch sử chi phối. Năm 1900 ở Trung Hoa có loạn Nghĩa Hòa đoàn—người Âu gọi là loạn Quyền phỉ—nên thân phụ tôi, đáng lẽ thành một nhà cổ-điển học, vô

(1) Ở đây chúng tôi bỏ non ba trang tác giả giới thiệu sơ sài Văn minh Trung Hoa với độc giả trung bình ở Âu, Mỹ mà chúng tôi cho rằng độc giả VN biết cả rồi.

viện Hàn Lâm, thì cưới thân mẫu tôi gốc Bỉ, và thành một kĩ sư. Cây thì có gốc rễ, nên tôi phải trở về gốc rễ. Chẳng hạn các đường hỏa xa, thân phụ tôi cho là quan trọng lắm, và một phần tuổi thơ của tôi đã trôi qua trong các nhà ga lớn hay nhỏ.

Ngay bây giờ, mỗi khi nghe tiếng còi hỏa xa là tôi nhớ ngay đến tuổi thơ của tôi.

M.M.— Sau cuốn *L'Arbre blessé*, bà còn viết tiếp nhiều cuốn nữa cho thành một bộ chứ?

H.S.— Vâng, ba cuốn nữa sẽ ra: *Une fleur mortelle* (Một bông hoa phải chết). *Un été sans oiseaux* (1) (Một mùa hè không có chim chóc) *La Moisson du Phénix* (Mùa gặt của Phượng hoàng) Bốn cuốn đó, tôi đã bố cục sao cho mỗi cuốn là một truyện riêng biệt, mặc dầu vẫn có mối liên lạc với nhau. Toàn bộ phải ghi lại được một hình ảnh đầy đủ về sự diễn biến của một gia đình Trung Hoa, của cả những nhân vật chung quanh gia đình đó nữa. Không phải là lịch sử, mà lại là Lịch sử vì xét cho cho cùng, ai mà chẳng sống trong Lịch sử và dự phần làm nên Lịch sử (...). Như vậy tôi đã thực hiện một tác phẩm có thể giảng được cho người Pháp, người Âu và người Mĩ hiểu rõ những cái gì đương xảy ra ở châu Á, và ở Trung Hoa trước hết.

M.M.— Phần đông chúng tôi — dĩ nhiên, không kể các nhà chuyên môn về các vấn đề Viễn Đông — không hiểu rõ những gì xảy ra ở Trung Hoa trong thế kỉ XIX, nhất là trong hai chục năm đầu thế kỉ XX. Cuốn *L'Arbre*

blessé là một tiểu thuyết rất hấp dẫn, sẽ lấp được chỗ thiếu sót đó. Điều ấy tôi cho là quan trọng.

H. S.— Tôi xin nhắc lại, cuốn *L'Arbre blessé* và ba cuốn sau đều ở vào nhiều bình diện; nghĩa là vừa phác lại¹ Lịch sử Trung Hoa, vừa chép truyện nhiều cá nhân; cá nhân như những bánh xe móc vào bánh xe Lịch sử. Chẳng hạn cuốn *L'Arbre blessé*, chẳng phải chỉ là truyện một dân tộc, một quốc gia bị đau khổ vì sự xung đột giữa Đông và Tây ở thế kỉ XIX vì những vết thương do thực dân phương Tây gây ra; mà còn là truyện nhiều cá nhân ở châu Á bị lôi cuốn vào những biến cố đó nữa, và nhiều cá nhân hợp thành một dân tộc, một quốc gia, họ như một cây bị một vết thương. Và tôi tự hỏi như vậy: Thế nào là một cây bị thương tích? Nó bị thương từ hồi trước, hồi còn nhỏ, như vậy nó sẽ còi đi hoài không? hay là có thể đâm bông kết quả tốt như những cây khác? Tôi biết bà cho như vậy là quá lạc quan, nhưng tôi nghĩ rằng lạc có phần đúng hơn bi quan và tôi định áp dụng quan niệm đó vào Lịch sử. Người bi quan luôn luôn bảo rằng: «Sự tình mỗi ngày mỗi tệ». Tôi thấy thế kỉ nào cũng có những người bi quan phản nản «sự tình mỗi ngày mỗi tệ» nhưng không phải vì vậy mà nhân loại không tiếp-tục con đường của mình. Nhân loại, cũng như cây kia, bị nhiều thương tích đấy, nhưng vẫn tiếp

(1) Từ cuốn *La Moisson du Phénix*, còn ba cuốn kia đã được nhà Stock dịch và in rồi, nhưng chưa có trong loại sách bỏ túi. Tôi nay Han Sayin đã có 10 tác phẩm.

tục sống và kết trái, bắt chắp những đông tố đã qua.

M. M.— Tinh thần lạc quan của bà, lòng tin ở cuộc sống và con người đó, quả thật là mạnh. Chẳng hạn truyện *Multiple Splendeur* (Muôn vẻ rực rỡ) kết cục bi thảm như vậy mà vẫn tràn trề hi vọng.

(Truyện *Multiple Splendeur* đã được đưa lên màn ảnh. Nhân vật chính trong truyện giống bà như hình với bóng. Truyện là một truyện tình, kết cục là tử biệt, vậy mà không tuyệt vọng.)

H. S.— Phải... tôi cho rằng có lẽ là ... tôi không biết chắc đó có phải là đặc tính trung hoa không hay chỉ là... có lẽ là đặc tính trung hoa thì phải hơn... Chúng tôi có một câu tục ngữ mà chính Mao Trạch Đông thường dùng: «Vượt ra ngoài bi thảm và tai ương đi mà cổ hủng lấy hạnh phúc». Và tôi nghĩ nên lấy quan niệm này làm căn bản giáo dục mà truyền cho các thế hệ sau: đời không phải chỉ có toàn hạnh phúc, mà còn có đau khổ nó liên quan mật thiết với hạnh phúc. Tôi luôn luôn lấy làm lạ rằng người phương Tây không chấp nhận ý đó, họ làm cho trẻ nghĩ lầm rằng chúng muốn mọi sự ra sao thì mọi sự phải như vậy, và chúng luôn luôn sung sướng. Làm sao có thể luôn luôn sung sướng được? Cũng phải có lúc khổ sở nữa chứ. Sự khổ sở là một điều tốt đấy... Vì có khổ sở rồi hạnh phúc mới đậm đà... Không chịu qua cảnh khổ sở thì làm sao thấy được rằng mình sung sướng? Không đói thì làm sao thấy được rằng thức ăn ngon? Người Trung Hoa rán đạt được nhân sinh quang đó tới một mức cao nhất.

M. M.— Tôi xin bà nói thêm về nhân vật tượng trưng cho cụ bà và đóng một vai quan trọng *L'Arbre blessé*. Bà tả nhân vật đó bằng một giọng hài hước, đôi khi nghiêm khắc nhưng sự thực thì âu yếm. Nhân vật đó luôn luôn muốn bỏ đi mà rốt cuộc vẫn ở lại...

H. S.— Đúng vậy...

M. M.— Không muốn chịu đựng một cái gì cả mà rốt cuộc chịu đựng hết...

Truyện *L'Arbre blessé* mở đầu bằng một bức thư nhân vật đó viết ở bên cạnh cái nôi của đứa con đầu lòng:

Thưa Ba Má,

Hôm nay con không có thì giờ viết cho Ba Má một bức thư dài đâu vì hôm qua bọn cướp đã lại chặt đầu tên bếp của chúng con rồi. Đầu lâu anh ta hãy còn ở trong vườn kia, nên con phải khép cửa sổ lại. Cháu bé khóc vì trời nóng quá, nó ngứa ngáy mà con không kiếm đâu ra được phấn thoa rôm, vậy con xin Ba Má gửi cho con hai chục hộp. Ở bên Anh thứ đó dễ kiếm... Con không chịu nổi những tiếng cười của họ nữa. Thấy con khóc, họ cũng cười; đi coi bọn cướp chặt đầu người, họ cũng cười; họ không có tình con người. Con muốn về ở với Ba Má... Con sẽ buộc anh ấy [tức chồng thiếu phụ] để cho con đi ngay hôm nay...

Vậy mà mấy năm sau, mấy năm sau nữa, thiếu phụ vẫn ở lại, chẳng đi đâu cả, vẫn khó tính như vậy, can đảm mà dữ dằn.

«Tôi đã làm điều gì thất đức đâu, để phải cực khổ như vậy, hỡi Chúa? Tôi muốn đi ngay, nhưng tự giải thoát

cách nào được bây giờ? Có lẽ là một hình phạt nào đây. Thứ bảy trước, Cha Clément hỏi tôi sao không có thêm em bé nào nữa. Tôi đáp: « Sanh tám đứa, bỏ mất bốn, như vậy chưa đủ sao? » và ông ấy cả gan bảo tôi: « Bà mạnh như trâu mà ». Tôi sẽ không bao giờ bước chân vào giáo đường của ông nữa đâu. Hạng mục sư chẳng biết quái gì cả... Nếu họ trải qua những cảnh tôi đã trải!»

Vậy mà Marguerite Denis vẫn ở lại và sanh thêm một đứa con nữa. Cho tới năm 1949 bà ta vẫn không chịu chấp nhận Trung Hoa, vẫn bực bội, vẫn nhớ quê hương. Mà bà ta vẫn ở lại. Bà ta can đảm đương đầu với những cảnh khủng khiếp, nhiệt liệt phản kháng những nỗi bất bình.

Ở phía kia cái máy vi âm, Han Suyin mỉm cười; có lẽ nhớ lại bà cụ thân sinh đôi khi quạu quọ mà luôn luôn đáng phục.

H. S.— Vâng, tôi thấy rằng thân mẫu tôi là một con người khá phi thường. Người không có chút tinh thần hài hước nào cả. Vì sinh trưởng ở châu Âu, người được dạy dỗ theo Âu, có quan niệm rằng đương nhiên người phải được hưởng hạnh phúc, mà quan niệm đó không phải là quan niệm của Trung Hoa, nên người đã rất thất vọng. Đời của người gần như một bi kịch, nhưng có lẽ như vậy mà lại tốt. Tôi nghĩ rằng... Có người bảo tôi: « Bà có vẻ như không quý cụ bà » hoặc « cụ bà có vẻ như không mến bà ». Nhưng vấn đề đâu phải như vậy. Có liên quan gì tới cái đó? Vì vậy, mà trong cuốn thứ nhì, *Une fleur mortelle*, tôi nói rằng tôi rất

mang ơn thân mẫu tôi, vì chưa bao giờ người nói dối tôi một lời; luôn luôn người bảo tôi, bằng cách này hay cách khác rằng người không yêu tôi.

(Khi nói câu đó, giọng của H.S. không có một chút chua chát nào cả, dù có thể là một vết thương lòng rất thắm kín nào đó lại vỡ miệng ra. Có lẽ bà chỉ có một niềm vui tế nhị đã phân tích được một cách khách quan người mẹ đã không tìm hiểu bà, đoán lòng bà; niềm vui đã mở xẻ cả những tư tưởng kín đáo, mở xẻ nguyên nhân những hành động bất tự giác nhất của mẹ).

M.M.— Không ai là không biết điều đó, với lại trong tất cả các tác phẩm, bà cũng đã tỏ rằng bà muốn như vậy: bà luôn luôn cảm thấy rằng bà có tâm hồn Trung Hoa hơn là tâm hồn Tây phương.

H.S.— Bà biết rằng, về phương diện quốc tịch, thì dòng máu của cha quan trọng hơn; ai cũng theo quốc tịch của cha... Có lẽ cũng còn lí do này nữa: «tôi muốn làm y sĩ và hành nghề ở châu Á vì ở đó người ta cần tới tôi hơn là ở các nơi khác... bốn phận của y sĩ là phải tới chỗ nào có nhiều người xấu số, nhiều người đau ốm trước hết...»

(Han Suyin đã học hết ban Trung học ở Bắc Kinh, rồi tại đó, vừa làm thư kí tốc kí và đánh máy, vừa học Y khoa; rồi bà qua châu Âu, học tiếp ngành đó ở Bruxelles, được hưởng học bổng trong trong ba năm. Năm 1938, chiến tranh Trung Nhật phát sinh, bà trở về Trung Hoa giúp việc trong một y viện. Ở đó bà thành gia thất và sanh một em gái.

Năm 1942, chồng bà, một người

Trung Hoa cũng như bà, được phái làm tùy viên quân sự ở Londres. Bà theo chồng và hai ông bà ở Anh, tới năm 1945, lại cùng nhau về Trung Hoa theo Tưởng Giới Thạch. Hai năm sau chồng bà mất ở mặt trận.

Sau đó, bà lại qua Londres học lấy nốt bằng cấp y sĩ; hành nghề ở Anh được một năm, nhưng không chống lại được tiếng gọi của tổ quốc, bà trở về Hương Cảng, để hề có dịp là xin phép vô thăm lục địa. Bà được mãn nguyện.

Nghề y sĩ đưa đẩy bà từ Hương Cảng tới Singapour, rồi lại trở về Hương Cảng. Nhưng bà hi vọng một ngày kia được hành nghề ở Trung Hoa.

Trong cuốn... Et la pluie pour ma soif (Trời mưa xuống lấy nước tôi uống), bối cảnh là Mã Lai, nhân vật chính là bà với chức vụ y sĩ, bà dùng ngôi thứ nhất để diễn tả cái trách nhiệm của bà đối với những dân tộc bà coi là huynh đệ của mình...)

M.M.— Bà Han Suyin, chắc chắn là nhờ làm y sĩ mà tác phẩm của bà thêm hùng hậu, tâm lý các nhân vật thêm sắc bén, vì bà được tiếp xúc thân mật với đủ hạng người. Y sĩ và văn sĩ cần có nhiều đức tính giống nhau.

H.S.— Lời của bà hoàn toàn đúng đấy và tôi mừng rằng bà đã nhận xét tôi như vậy. Có những người bảo : « Làm sao có thể vừa làm y sĩ vừa làm văn sĩ được ? » Họ nói bậy. Duhamel, Céline và nhiều văn sĩ Pháp khác chẳng làm y sĩ đấy ư? Người Nga thì có Tchekhov; người Anh có Somerset Maugham. Các vị đó đều đã học y khoa và Tchekhov đã làm y sĩ suốt đời... không hề

*bỏ nghề... Tôi cũng đã hành động như vậy... Tôi chỉ tạm ngưng hành nghề trong một thời gian để viết cho xong bộ bốn cuốn đó vì tôi cho rằng việc đó rất quan trọng; nhưng tôi mong sẽ không phải ngưng lâu... Đúng vậy, nghề thầy thuốc làm cho ta hiểu thấu tâm lý con người, và tập cho ta chẩn bệnh một cách khách quan. Một y sĩ không được phép làm lẫn. Không thể chẩn bệnh rồi bảo : « Thừa ông, ông sổ mũi » [khi bệnh nhân bị bệnh cúm. Nhưng một chính khách có thể làm lẫn được. Chính khách thường chỉ quen dùng danh từ, nên không thận trọng lắm khi bắt mạch tình thế. Riêng phần tôi, tôi cho sự xác thực là rất quan trọng. Trong cuốn *L'Arbre blessé* mà tôi mới viết xong đây, tôi rán hết sức trung thực về các sự kiện lịch sử cũng như về các sự kiện thuộc phần cá nhân. Hôm qua một sử gia Pháp, giáo sư Sử, tác giả cuốn *Lịch sử Trung Hoa* rất có giá trị, bảo tôi rằng « không thấy cuốn đó có điều gì sai cả, trái lại, nhờ cuốn đó mà ông ấy biết thêm được nhiều mới mẻ nữa ». Lời khen đó làm cho tôi mừng lắm và tôi mang ơn ông ấy nhiều.*

M.M.— Bà Han Suyin, bà thỉnh thoảng vô Hoa lục đấy chứ ?

(Sự thực, do Catherine van Moppés, nữ ký giả trẻ nhất đã sống ở Trung Hoa giữa đám thanh niên Trung Hoa, tác giả một cuốn linh động, vô tư nhất về Trung Hoa, tôi đã được biết rằng Han Suyin vẫn đều đều lên Bắc Kinh và thu được tiền cho thuê nhà ở đó, đóng thuế mất 25% rồi mà số tiền vẫn còn lớn. Dĩ nhiên bà không về Bắc kinh

vì mục tiêu đó, việc thu tiền chỉ là hậu quả thôi. Điều cốt yếu là bà không muốn mất cái quyền cảm thấy rằng Trung Hoa còn là quê hương của bà).

H. S.— Từ 1949, năm nào tôi cũng trở về Trung Hoa thăm bà con, bạn bè, tìm lại những sự kiện, kỉ niệm cũ; tôi cũng về Bỉ để theo đường mòn của dĩ vãng nữa. Trong nhiều năm, tôi đã cố thu thập được nhiều, phỏng vấn các nhà bác học ở miền Setchouar (1), các nhà truyền giáo ở Gia Nã Đại, các bà di ở Ostende.

M. M.— Nhưng Trung Hoa đối với bà, bây giờ tượng trưng cái gì? Và Bắc Kinh nữa?

H. S.— Tôi cũng đã trả lời câu đó trong cuốn *L'Arbre blessé*. Tôi sinh ở một nước Trung Hoa nay đã thuộc về dĩ vãng, và cuộc cách mạng 1949, đối với tôi cũng như với nhiều người trong giai cấp tôi, cùng một giáo dục như tôi, là một biến cố khủng khiếp; chúng tôi chưa hề bao giờ là Cộng sản mà cũng không bao giờ có thể thành Cộng sản được vì đã tới cái tuổi không thể còn tin một cách khá mạnh mẽ, bất kỳ một cái gì nữa. Không còn cái tuổi nổi loạn chống đối, hoặc hét tướng lên « Muôn năm », « Chiến thắng » rồi vui vẻ nhắm mắt nữa. Nhưng tiếng nói của tôi có thể là tiếng nói vô tư và trung trực của những người không dẫn thân để phục hồi dĩ vãng hoặc chiến đấu cho hiện tại. Với lại thế giới cần có những nghệ sĩ chép lại các biến cố một cách có thiện cảm mà không cuồng nhiệt, hơn là cần các nhà truyền giáo độc ác hô hào những cuộc chiến đấu hư ảo chống

lại sự thực. Không thể làm lại chiếc kim Đồng hồ được, không thể tìm lại một dĩ vãng trong lý tưởng được. Tương lai bắt đầu từ hôm qua, loài cây như vậy mà loài người cũng vậy.

M. M.— Một bà bạn thân của bà, cũng như bà, cha là người Trung Hoa, mẹ là người Âu, có lần bảo bà như vậy: « Làm sao chị có thể mỗi năm trở về Trung Hoa một lần được? Trung Hoa ngày nay có còn như như Trung Hoa ngày xưa nữa đâu? Tôi thì tôi không thể về được nữa. Về để mà thấy những kỉ niệm hồi thơ ấu của mình đã tiêu tan hết, thấy cái gì cũng bị tàn phá hết ở cái châu thành Bắc Kinh thân yêu của mình ư? Và bà đã trả lời: « Trước hết, không phải cái gì cũng đã bị tàn phá hết. Không ai có thể cứ nghĩ tới những cái hoàn hảo ở tuổi thơ ấu mà sống được.

Tuổi thơ của chị có thể đã sung sướng đấy, nhưng còn biết bao người khác đã khổ khổ trong cái nước Trung Hoa trước... »

(Có cần phải nhắc lại điều này không? Trung Hoa thời đó, thời Cộng sản lên cầm quyền, trước hết là một xí nghiệp nông nghiệp, 85% dân chúng là nông dân.

Mà điều kiện sinh hoạt chung trong xí nghiệp đó ra sao? Cũng như ở Ấn, ở Nhật, ở gần khắp thế giới, tình trạng ở đó là tình trạng nhân mãn.

Ruộng chỉ chiếm 27% đất đai. Không

(1) Không biết có in lầm không? Chính là Setchouan hoặc Seutchouan (Tứ Xuyên)?

phải là tại những chỗ khác đất không tốt, không trồng trọt được, mà tại thiếu phương tiện, hoặc tại thân nhiên, bất lực mà người ta bỏ hoang những đất đó.

Đất đai rộng 3.500.000 cây số vuông mà chỉ có 12.000 cây số đường xe lửa.

Cảnh cùng khốn của nông dân tới cực điểm.

Ngay trên những cánh đồng phì nhiêu, cũng thường thấy những gia đình gồm bốn năm người sống nhờ bốn chục are⁽¹⁾, mỗi năm tiêu độ 135 đồng bạc Trung Hoa, bằng khoảng 300 đồng quan Pháp ngày nay ⁽²⁾.

Tại miền Kan Sou, nghèo hơn, tháng giêng lạnh buốt xương mà dân thiếu ăn, đói, ra đường bận toàn áo vá rách tả tơi. Người lao động trung bình Trung Hoa thường chỉ được ăn cơm với ít rau chấm muối. Mỗi tháng hai lần mới được thêm vài miếng thịt.

Tới mùa dưa hấu, có những người vốn liếng chỉ có mỗi một trái dưa, xẻ ra làm nhiều miếng đem bán cho hạng lao động.

Cho tới năm 1949, hậu quả của tình trạng đó là bọn điền chủ có quyền «đem đầu», tức quyền phá tan các con gái tá điền khi họ về nhà chồng; người nghèo phải bán con gái mười tuổi lấy mười đồng bạc Trung Hoa, còn bọn cho vay thì tàn nhẫn lấy lãi nặng quá chèn ép quá đổi.

Các tiệm cầm đồ ở nhà quê chật đầy những quần áo tồi tàn, những dụng cụ rẻ tiền; có những món chỉ cầm được 1 quan rưỡi hay 2 quan tiền Pháp ⁽¹⁾, mà mỗi tháng phải trả lãi 8 phần.

Sự bóc lột vô liêm sỉ đó còn có bộ mặt này nữa: ở miền Kiang-Sou, năm 1934 và những năm sau, lá dâu đem bán, qua mấy lần trung gian, giá tăng lên tới 500%. Sau cùng người ta khéo tổ chức tuyên truyền để dọa dẫm nông dân, bắt nông dân phải bán mùa màng với giá bằng 60% thời giá.

Bà Pearl Buck viết về cuốn L'Arbre blessé: « Người Âu nào muốn biết những lí do đã làm cho cộng sản ở Trung Hoa lên mau như vậy thì cứ đọc tác phẩm đó; họ sẽ thấy không phải là do ý thức hệ chính trị, mà do nỗi khốn cùng của con người ».

Có lẽ tất cả cảnh đó đã thoáng hiện lên tia mắt của Han Suyin khi bà trả lời câu hỏi của tôi về thái độ của bà đối với xứ Trung Hoa thời bà còn thơ ấu).

HS.— Dĩ nhiên mỗi người lựa cho mình một chân trời rộng hẹp tùy tình thần của mình... Có bao nhiêu người nghĩ như thiếu phụ bà mới cho tôi hay đó? ⁽²⁾ Tôi không biết được. Nhưng riêng về phần tôi, tôi không muốn ôm chặt lấy tuổi thơ của tôi, không muốn để cho nó thành cái bóng tối xâm chiếm, che lấp cả hiện tại. Tôi phải hành động phải sống với tôi, phải là tôi, và tiếp tục lớn lên khi nhiều người khác ngừng lại. Tôi không muốn làm cái «cây bị

(1) Nghĩa là 4 phần 10 một mẫu tây, hơn một mẫu ở Bắc một chút, chưa bằng một mẫu ta ở Trung.

(2) Nghĩa là 17000 đồng bạc VN theo hối suất chính thức hiện nay.

(1) Nghĩa là từ 80 tới 110 đồng bạc VN hiện nay.

(2) Tức người bạn của Han Suyin không muốn về thăm Trung Hoa nữa.

thương tích" mà mất cả vẻ đẹp của cảnh. Ít nhất, tôi cũng muốn chào cái tương lai mà tôi đã không dựng lên được; chào rồi có chết cũng đành...

M M.— Cho tới bây giờ, đâu có tới nỗi như vậy...

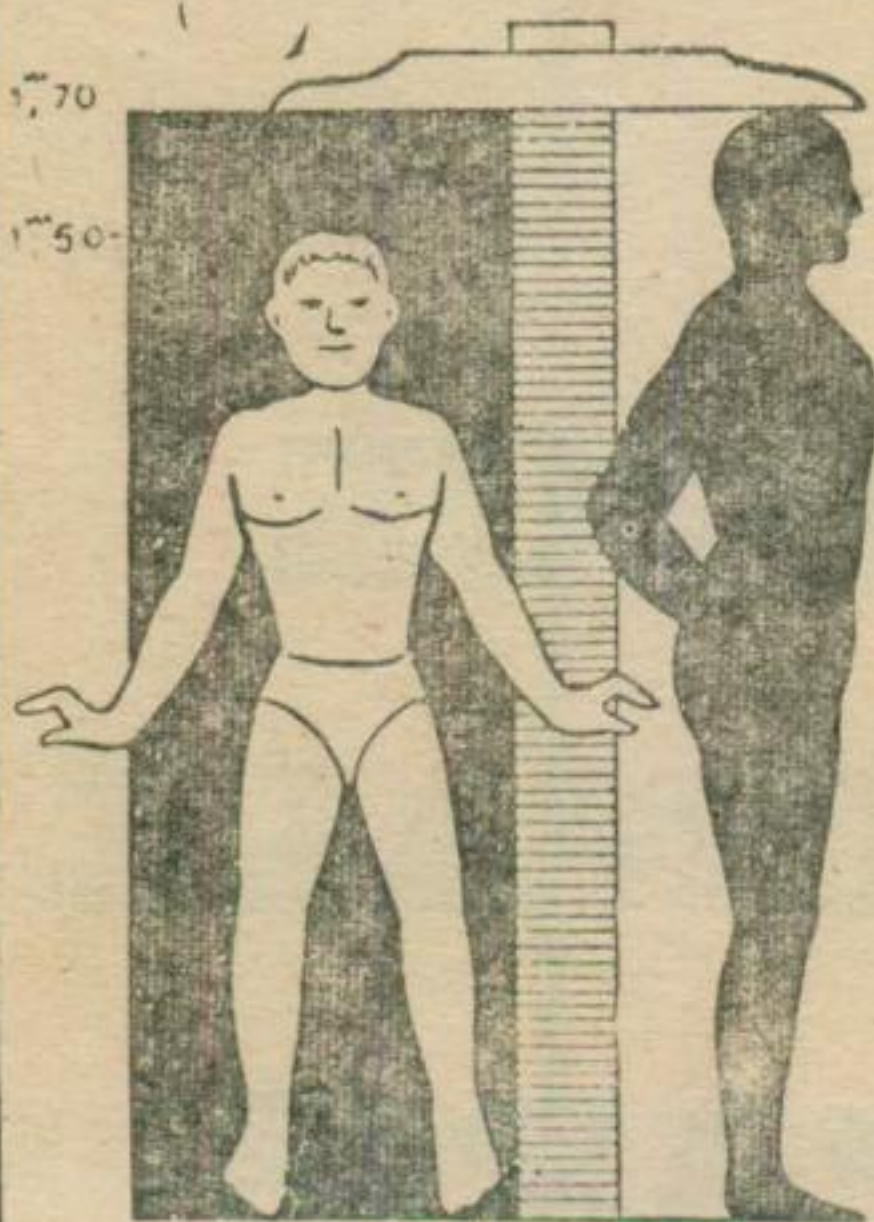
H.S.— Không, không tới nỗi như vậy, nhưng nói cho ngay, để tiếp tục phát triển mà phải bám lấy hiện tại, rón tìm hiểu mà diệt bỏ những thành kiến của mình đi, cái đó cũng khổ tâm đấy. Bao nhiêu kỉ niệm đã bị thời gian và cách mạng tàn phá hết rồi thì không dễ gì tự tìm lại được mình đâu. Không dễ đâu, đôi khi còn khó khăn, đau đớn nữa, nhưng tôi cho rằng việc đó tốt, có lợi, đáng làm...

(...) Bây giờ đây khi nhớ lại buổi sáng tôi gặp Han Suyin lần đầu đó, khi nhớ lại vài đoạn trong các tác phẩm của bà, nhớ lại vài câu bà đáp tôi trong cuộc phỏng vấn, thì cái cảm tưởng quan trọng nhất bà còn lưu lại ở tôi, cái nó làm nổi bật cá tính của bà nhất, làm cho câu chuyện cùng tác phẩm của bà có một nét độc đáo sâu sắc, chính là tấm lòng tin tưởng đó ở số phận loài người, thái độ chấp nhận cuộc đời đó, nó không phải là một sự bại trận mà là một sự thắng trận từng giai đoạn, có lúc phải tạm lùi đấy để đợi khi gặp hoàn cảnh, lại tiến nữa.

NGUYỄN HIỂN-LÊ dịch

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẰNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BÔ?

Số KN : 78 MBYT/QCPD

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

HẢI-THƯỢNG LÂN-ÔNG

(1720—1791)

(Tiếp theo Bách Khoa số 334)

● TRẦN-VĂN-TÍCH

Tinh-thần nhân-đạo của người thầy thuốc đối với Lân-Ông

Sống trong cảnh loạn-lạc của thời Lê-Trịnh, khá nhiều sĩ-phu có tâm-huyết thường chán ghét cuộc chiến-tranh tàn-khốc lúc bấy giờ. Nhưng phản-ứng của họ không giống nhau: người thì nấu mình nơi ngổ hẻm hang cùng, tự cày mà ăn, tự dệt mà mặc, kẻ thì thí-phát qui-y, tu Tiên tu Phật, nói chung, đa-số đều mang màu-sắc yếm-thế. Hải-Thượng Lân-Ông tuy cũng là người thời ấy, nhưng nhân-sinh-quan của Cụ khác hẳn nhân-sinh-quan của kẻ đồng-thời: khinh ghét, oán-hận giai-cấp thống-trị bất-tài bất-lực, nhưng rất thương-mến, thiết-tha gần-gụi quần-chúng nhân-dân. Trong quá-trình chữa bệnh cứu người, Cụ đã nêu cao chủ-nghĩa nhân-đạo, tình yêu nước thương nòi, tinh-thần tự-lực cánh sinh, tinh thần đoàn-kết đồng-nghiep của người thầy thuốc. Đồng thời, dù học sách cổ nhưng Cụ rất quý-trọng và gìn-giữ vốn quý dân-tộc, vừa chữa bệnh cho đồng-bào vừa học-hỏi đồng-bào, luôn luôn dựa vào thực-tiễn quốc-nội để phòng bệnh trị bệnh hữu-hiệu.

Trong khi những sĩ-phu, nếu không

trốn đời yếm-thế, thì lại chỉ lo theo con đường cao-khoa hiền-hoạn, chỉ trọng nền văn-chương cử-nghiep, chỉ quan-niệm “nho-giả ở đời, sôi kinh nấu sử, hè lại đông qua, lấy cái áo mũ được ban lúc đỗ làm cái thể-giai, lấy cái việc chống đỡ ngôi Trời làm cái sự-nghiep rất lớn, còn như sự làm thuốc thì chỉ gọi là một nghề, kêu là một thuật, có hơi trọng thì cho là một nhân-thuật mà thôi, tựa hồ việc làm thuốc không phải là đạo-lý” (1); trong khi ngay một người anh ruột của Cụ cũng cho y-nghiep là bá-đạo (!); và một ông quan Văn-thư thì cho là Cụ mượn tiếng làm thuốc mà đi ăn, thì Lân-ông, một mình, nhận-thức rất chính-xác về “đạo”: vô-luận việc gì cứu được đời, giúp được người là đạo. Cho nên Cụ không ngần-ngại bỏ khoa-cử, vứt kiếm cung, kiên-quyết dẫn thân vào con đường y-học.

Hãy nghe Cụ tâm-sự trong Y-tôn tâm-linh: (. .) “Lúc trẻ, từ nho sang y, trên mười năm đem hết tinh-lực nghiên-cứu sâu-sắc sách thuốc, mục-

(1) Lời nhận xét của một vị giải-nguyên họ Trần đến chơi nhà Lân-ông khi thấy bộ sách thuốc Cụ soạn ra chồng chất trên án (Nguyễn Trọng Thuật: Một nhà danh-nho và danh-y của nước ta ngày xưa: Cụ Lân-ông, Nam Phong số 70, Avril 1923).

đích để cứu giúp đồng-bào trong khi đau ốm. Đối với kẻ giàu-sang, không bao giờ có tư-tưởng tham-lam cầu-cạnh, đối với người nghèo-khổ, lòng rất thương mến, chữa bệnh không dám khinh-xuất coi thường. Không vì bệnh khó chữa khó lành mà kiếm cách khước-từ, để bảo-toàn danh-tiếng. Ai nói chỉ chữa được bệnh, chứ không chữa được mệnh (1), điều đó không đúng, ta hoàn - toàn không tin...»

(...) «Kẻ giàu sang không lo thiếu người cứu giúp, người nghèo-khổ thường khó rước được thầy hay. Ta chỉ bỏ chút thi-giờ, người bệnh sẽ bảo-toàn được tính-mệnh... Ngoài việc cho thuốc ra, nên tùy sức giúp đỡ về mặt ăn-uống cho người túng thiếu, vì thuốc dầu có nhưng ăn uống không đủ, bệnh cũng khó tránh khỏi nguy, đạo làm thuốc cần hiểu sâu điều đó...»

(...) «Nhà nghèo mà bệnh nặng, dù đón mời sau, ta phải lo tới thăm trước. Bệnh nhà giàu nếu nhẹ, dầu cho rước trước, ta sẽ đến thăm sau. Lấy nặng nhẹ làm tiêu chuẩn thăm trước thăm sau, không phân-biệt giàu sang nghèo khổ...»

Nghề y, đối với Cụ, chắc chắn không phải là nghề làm giàu :

*Nương nấu nghề y để dưỡng chân
Nghĩ chỉ là phú nghĩ chỉ bần (2)*

Học-vấn uyên-thâm, thơ hay văn giỏi, y-thuật lỗi-lạc, nhưng Lãn-ông vô cùng khiêm-tốn, dụng được rất mực cần-trọng :

*Xưa cho dùng thuốc giống dùng binh,
Quan-trọng vô-cùng chuyện tử sinh,*

Đến bậc danh-y còn thiếu sót

Thẹn mình non kém lý khôn tinh !

và

*Chường trung họa phúc tâm di cụ,
Hung thứ phương viên thần bất như !*

Cụ còn luôn luôn đề cao tinh thần thi ân bất cầu báo của bậc lương-y :

Thực hạnh khởi kham đồ hậu báo (3)

hay

Khởi thị tân cần đồ hạnh báo,

Hoạt nhân thâm niệm phiến tâm quan (4)

Y-tôn tâm-linh

Về thơ văn chữ Hán, Lãn-ông có 2 tập, một tập là những thơ làm trong khi ra Kinh, chép trong quyển *Thượng kinh ký-sự*, còn một tập đề là *Y-lý thần-nhàn, lý-ngôn phụ-chí*, gom góp các bài sáng-tác trong khi làm thuốc được nhàn, có hai mươi chín bài (5).

Riêng bộ Y-tôn tâm-linh, tất cả có sáu mươi sáu cuốn, hiện còn được sáu mươi hai cuốn, có thể chia thành hai mươi tám loại, nội-dung vô cùng phong phú.

Tập thứ nhất có bài tựa, mục-lục đại-cương và thiên y-nghiệp thần chương.

(1) Y bệnh bất y mệnh.

(2) Nam-Phong số 77. Novembre 1923. Nguyễn Trọng Thuật dịch.

(3) Tạm dịch : Trông hạnh há mong điều báo đáp.

(4) Tạm dịch :
Gian lao đâu phải mong đền đáp,
Cứu giúp dân-gian được tại nguyên.

(5) Nguyễn Trọng Thuật. Nam Phong số 70. Avril 1923 (tài liệu đã dẫn).

Tập *Nội-kinh yếu-chỉ* ghi chép những nét lớn về Hoàng-Đế Kỳ-Bá (1), phân chia nhiều loại thuộc về bệnh cơ, để người học dễ hiểu hơn.

Tập *Y-gia quan-miện* có thể được xem như là một tập y-học nhập-môn, trình-bầy học-thuyết âm-dương ngũ-hành và các điểm cơ-bản y-lý mạch lý.

Tập *Y-hải cầu-nguyên* sưu-tập những danh-ngôn của các bậc tiên-hiền, chia thành từng mục có chú-giải, nhằm giúp người đọc nắm được những bí-ẩn của y-thuật cổ truyền.

Tập *Huyền-tân phát vi* nói rõ công-năng của tiên thiên, sự biến-hóa của âm dương, thủy hỏa, và cách dùng thuốc chữa một số biệt-chứng

Tập *Khôn-hóa thái-chân* nói rõ công-năng của hậu-thiên, nguồn gốc của muôn loài muôn vật, nguồn gốc của khí-huyết; đồng thời, đề-cập đến những mục luận bệnh xử phương, theo một hướng phân-tích rất tường-tế.

Tập *Đạo-lưu dư-vận* đưa ra một số ý-kiến, bổ-sung tu-chỉnh các vấn-đề y-học mà tiên-nhân chưa giải-thích kỹ.

Tập *Vận khí bí-diễn* giảng dạy về vận-khí-học, trình-bầy phương-thức nắm vững ảnh-hưởng của thời-tiết đối với cơ-thể, nhấn-mạnh ý-nghĩa của vấn-đề chủ vận khách vận, chủ khí khách khí hằng năm để xét-đoán phòng và chữa bệnh.

Tập *Dược-phẩm vị-yếu* tổng-kê 150 vị thuốc thường dùng của sách *Bản-thảo*, chia thành 5 bộ môn, để tiện công-tác tra-cứu.

Tập *Linh-nam bản-thảo* tường-bien những tên thảo-âm và những tên tục-danh của các vị thuốc, biên-soạn những dược-liệu có ở đất Linh-nam, chia thành nhiều loại, kèm theo phân-tích dược-lý và hướng-dẫn trị-liệu.

Tập *Ngoại-cảm thông-trị* sáng lập thuyết nước Việt-Nam chúng ta không có bệnh thương-hàn rất độc-đáo; đồng-thời chủ-trương nếu bị ngoại-cảm thì dùng ba phép giải biểu và sáu phép hòa lý để chữa, chẳng nên lấy thuyết lục kinh để phân loại chứng-hậu những bệnh ngoại-cảm ở Việt-Nam.

Tập *Bách bệnh cơ-yếu* là một cuốn vademecum của người thầy thuốc, chọn lọc những phương-pháp điển-hình của tiên-nhân dùng chữa một số bệnh và phân biệt về lành dữ hư thực để dùng thuốc.

Tập *Y-trung quan-ki* nêu hết những nét cơ-bản về tâm-truyền của ngành y-khoa.

Tập *Phụ-đạo xán-nhiên* là một tập sách phụ-khoa, tập-trung và lựa chọn các phương-pháp chữa những loại

(1) *Nội-Kinh Yếu-Chỉ* có nghĩa là những ý nghĩa chủ yếu trong *Nội-Kinh*. *Nội-Kinh* hay *Nội-Kinh Tổ-Văn* là một bộ y kinh căn bản của Đông phương, gồm có 81 thiên. Sách được trình bày dưới hình thức một cuộc đối thoại văn đáp giữa hai nhân vật Hoàng Đế (vị vua trị vì Trung Hoa khoảng 2650 năm trước Tây lịch) và Kỳ-Bá. Hoàng Đế hỏi, Kỳ Bá trả lời. Chẳng hạn ở thiên thứ 17 "Mạch yếu tinh vi luân", sách ghi (dịch nghĩa) Hoàng Đế hỏi: "Phương pháp chẩn mạch như thế nào?" Kỳ Bá trả lời: "Xem mạch vào lúc buổi sáng là tốt nhất. Khi ấy người ta chưa làm lụng mệt nhọc, âm khí chưa bị động, dương khí chưa hao tán..."

bệnh kinh, đái, thai, sản của các y-gia ngày trước, có phụ thêm ý-kiến của tác-giả để người đọc tham-khảo.

Tập *Tọa-thảo lương mô* là một tài-liệu sản-khoa, luận về vấn-đề sinh-đẻ của phụ-nữ, đề ra những phương-thức đối-phó với một số trường-hợp bất-thường.

Tập *Ấu-ấu tu-tri* quy-tụ những thành phương được pháp hữu-hiệu trong các cồ-thư, và khẳng-định rằng đối với bệnh-tật trẻ em, phần nhiều nên chú-trọng mặt khuy âm trong vấn-đề trị-liệu.

Tập *Mộng-trung giác-đậu* ghi chép những phép-tắc chữa bệnh đậu mùa của người xưa, kèm thêm kinh-nghiệm bản-thân (1).

Tập *Ma chần chuẩn-thằng* thu góp những phương-thức chữa ban sởi của tiền-nhân, phụ thêm kinh-nghiệm bản-thân, đồng-thời nhấn-mạnh đừng quan-niệm ban sởi là nhiệt-độc thông-thường mà khinh-xuất về trị-liệu.

Tập *Tâm-đắc thần-phương* bàn-giải và phẩm-bình cuốn *Phùng-thị cầm-nang*.

Tập *Hiệu phỏng tân phương* trình-bầy những phương-thang do tác-giả sáng-lập để đối-phó với các trường-hợp bệnh-lý phức-tạp, khó-khẩn.

Tập *Bách gia trân-tàng* ghi chép những kinh-nghiệm của ngoại-tổ để lại và tập-hợp nhiều nghiệm phương trong dân-gian.

Tập *Hành-giản trân-nhu* biên-soạn những đơn-phương trong *Bản-thảo*, đề-cập đến các vị thuốc sẵn có, dễ kiếm.

Tập *Y-phương hải-hội*, tập-hợp và sắp-xếp một số phương thang của cồ-nhân.

Tập *Y dương án* ghi lại những bệnh chữa lành và tập *Y âm án* trình-bầy những bệnh không chữa được.

Tập *Truyền-tâm bí-chỉ* bàn - luận chi-tiết về y-thuật.

Tập *Thượng kinh ký-sự* là một cuốn hồi-ký về những ngày lên Kinh chữa bệnh cho con chúa Trịnh, lược-tả những cảnh-trí những phong-vị cùng những nhân-vật đất Hà-thành.

Cuối cùng là một tập mục-lục để tiện việc tra-cứu.

Thử đem tân-dược đối-chiếu với Y-tôn tâm-linh

Y-tôn tâm-linh là một bách-khoa toàn-thư vĩ-đại, bao trùm các lĩnh-vực văn - chương, lịch - sử, y - học, dược-học. Người viết, vừa không có đủ tài-liệu tham-khảo, vừa « nghiệp y nhiều chỗ chữa thông », nên — nói như Cụ Vương - Hồng - Sền — đành chịu tiếng dốt, không dám lạm bàn về những mục y-thuật y-lý cao xa, mà chỉ xin cố-gắng trình-bầy một vài khía cạnh về dược-liệu đã được Lãn-ông đề-cập đến.

Hột Mã-tiền (*Strychnos nux vomica* Linné) được Cụ dùng chữa phong-thấp. Ngày nay, trên thị-trường, có không biết bao nhiêu biệt-dược chứa

(1) Chính Cụ Lãn-ông cũng có một người con trai bị bệnh đậu mùa rất nặng và mất năm Mậu-Thìn (1759). Lúc này Cụ chưa nghiên cứu y thuật. (Hội Y-Dược Việt-Nam tài-liệu đã dẫn).

strychnine được giới Tây-Y dùng trong điều-trị « rhumatisme ».

Trong thế-chiến thứ hai, quân-đội Nhật-hoàng và Nga-xô đã dùng mật ong để săn-sóc các vết thương súng đạn, vì y-giới nhận thấy mật ong có tác-dụng diệt và cản sự phát triển của một số vi-trùng gây bệnh như streptococcus, staphylococcus, vi-trùng kiết-ly, thương-hàn (1)... Lãn-ông cũng từng khuyên dùng mật ong chữa bỏng, chữa vết thương, phong hủi, lao phổi. Về chỉ-định sau này, nền tân-dược đã chứng-minh rằng mật ong có tác-dụng tự dưỡng; và trong các dược-phòng, hiện có bán biệt-dược Apisérum của một nhà bào-chế Pháp, sản-xuất thuốc từ thứ mật đặc-biệt loài ong vãn dùng để nuôi ong con thành ong chúa, Apisérum là một vị thuốc nâng-dỡ tổng-trạng, chỉ-định trong những trường-hợp cơ-thể suy-yếu, vì vi-trùng Koch chẳng hạn.

Chữa chứng phong tê (chư phong bất toại), Lãn-ông dùng cây ba gác. Cây ba gác — La phu mộc, La phu đằng, *Rauwolfia verticillata* Baill — cùng một họ thực-vật với cây *Rauwolfia serpentina* Benth, một vị tân-dược rất quen thuộc có tác-dụng chữa bệnh cao huyết-áp, mọc ở Ấn-độ. Chứng cao huyết-áp có biến-chứng trầm-trọng nhất là bán-thân bất-toại.

Đối với một trong tứ chứng nan y là bệnh phong hủi, Lãn-ông cho uống hột chùm bao lớn mà Trung-Y gọi là Đại-phong-tử, có tên khoa-học *Hydnocarpus anthelmintica* Pierre; và bôi nơi các vết lở dầu Đại-phong-tử

lấy từ cây *Ginocardia odorata* R.Br. Hơn hai trăm năm sau, trong một phòng thí-nghiệm ở Kinh-đô ánh sáng một nhà bác-học Việt-Nam hậu-bối của Cụ, Bửu-Hội, cùng các cộng-sự-viên, đã phát-giác công-năng kháng vi-trùng Hansen — vi-trùng gây nên bệnh hủi — của dầu Chaulmoogra, có nguồn gốc Ấn-độ. Dầu Chaulmoogra là một thứ dầu rất phức-tạp, là một hỗn-hợp dầu của nhiều thứ hạt thuộc nhiều loại cây, trong số có hai loại *Hydnocarpus* và *Ginocardia*.

Trong Dược-phẩm vị-yếu, Lãn-ông ghi-nhận Đại-hoàng có tác-dụng « tả các chất thực-nhiệt bất thông-hoạt, đại-tiên bí kết » và Bạc-hà « tiêu thực, hạ khí, định hoắc-loạn ». Từ Đại-hoàng, Tây-Y đã lấy ra các chất anthraquinon, nhuận-trường. Còn chất menthol của Tây-Y được dùng trong các chứng đầy bụng, khó tiêu. Menthol là tinh-dầu của cây *Mentha arvensis* Lour. hoặc các cây đồng loại, đều thuộc họ Bạc-hà.

Theo Lý-thời-Trân, nhân-dân Lĩnh-nam thường dùng Hoàng-đăng sắc uống để phòng-ngừa ngộ-độc rất hữu-hiệu. Tuệ-Tĩnh thiền-sư cũng cho rằng Hoàng-đăng có công-năng chữa đau mắt, hậu đậu. Lãn-ông không những thừa-kế kinh-nghiệm tiền-nhân, còn phát-huy bổ-túc thêm, và Cụ xác-nhận rằng dây vàng giang, tức Hoàng-đăng, tức *Fibraurea tinctoria* Lour, còn có khả-năng chữa lở tai

(1) Vì vậy, ta hiểu tại sao mật ong để lâu không hỏng và tại sao mật ong đựng trong lọ đào được ở Kim-tự-tháp Ai-cập đã để tới 3000 năm mà vẫn còn tốt.

thối tai, sát-trùng ngoài da. Ngày nay, y-học thái-tây đã trích-khai từ bột Hoàng-đăng chất palmatin, có tác-dụng kháng-sinh rất mạnh.

Lân-ông luôn luôn đề cao giá-trị các dược-liệu nước nhà, đồng-thời, thâu thái tinh-túy y-học nước ngoài để bổ-sung vào y-học dân-tộc. Từ Cụ về sau, người Việt mới biết dùng sâm Bó-chính — *Hibiscus sagittifolius* Kurz), một loại cỏ mọc hoang nhiều nhất ở các tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Phú-yên, có rễ hình người — làm thuốc bổ, thay thế sâm Cao-ly, tuy rằng tốt hơn nhưng cũng đắt hơn gấp bội.

Theo kinh-nghiệm của Lào, Lân-ông đã dùng hột xoan-đào — sđau — (*Uzadiracta indica* Juss) để bó gãy xương.

Hột máu chó (*Knema corticosa* Lour.) mọc hoang ở các tỉnh Tuyên-quang, Bắc-cạn, Biên-hòa, Châu-đốc, Côn-sơn; hột củ đậu (*Semen Pachy-*

rhizus angulatus Rich), củ nghệ (*Curcuma longa* Linné) là những vị thuốc tuy tầm-thường, nhưng vẫn được tiên-sinh lưu-tâm khuyên dùng xoa bôi các vết thương lở ngứa.

Vận-dụng một cách sáng-tạo, lý-luận y-học Trung-hoa vào thực-tiễn Việt-nam, tập-hợp những kinh-nghiệm dân-tộc, Hải-Thượng Lân-Ông đã để lại cho hậu-thế một di-sản vô cùng quý-hoá.

Kính cần đốt nén hương lòng kỷ-niệm bậc đại-y-tôn của dân-tộc, người viết thành-tâm cầu-mong tên tuổi và công-nghiệp của tiên hiền được đặt lại đúng chỗ và đúng mức. Ngày nào danh-hiệu của y-tổ còn được con cháu trang-trọng (!) đem đặt cho một con đường hẻm cong queo ở tận cùng xa thẳm ngoại-ô-Đô-thành, trong vùng Chợ lớn Phú-lâm, ngày ấy y-học Việt-nam còn khó mở mày mở mặt với thế-giới được.

Bs. TRẦN-VĂN-TÍCH

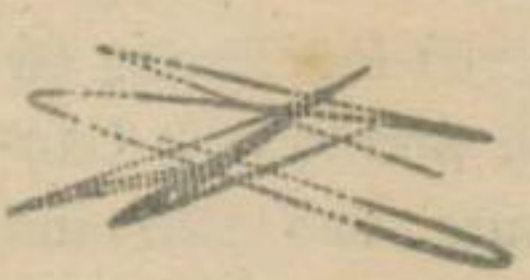
Rượu bổ
QUINQUINA



Quina '9'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể





BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.641

Một vài giai - thoại

về tướng De Gaulle

PHAN ĐỨC — LÊ KHUÊ

1. — Tại trường Cao-đẳng Quốc-phòng. «Học-bạ» của Đại-tá De Gaulle được ghi như sau :

— Sinh viên có khả-năng, nhưng kiêu - căng... (Capable mais suffisant...)

2. — Năm 1940, tại Paris. Đại tướng Weygand đẳng-cấp cao hơn Tướng De Gaulle trong quân-ngũ, nhưng địa-vị thấp hơn Tướng De Gaulle trong chánh-phủ. De Gaulle là Thứ-trưởng Chiến-tranh, nhưng chỉ là Thiếu-tướng nhiệm-chức. Weygand hỏi De Gaulle :

— Quý-vị còn điều gì đề-nghị ?

Và De Gaulle trả lời :

— Nội các không có gì đề-nghị. Nội-các chỉ có ban lệnh đề các cấp tuân-hành...

3. — Giữa hai trận thế-chiến, Đại-úy De Gaulle là phụ-tá tùy-viên quân-lực ở Varsovie. Sau đệ-nhi thế-chiến, De Gaulle Tổng-thống Pháp công-du Ba-Lan. Một thiếu-phụ trước đây quản-ly một tiệm Café ở gần sứ-quán, coi hình trên báo và ciné, tuyên-bố với chúng bạn :

— Tưởng ai ! Ông này trước đây hay tới quán nước tán dóc... Có ai ngờ sau này làm Tổng-thống !...

4. — Sau khi giải-phóng đất nước Pháp, Tướng De Gaulle được Quốc-hội tri-ân. Một số dân-biểu tiếp-xúc, đề-nghị đưa vấn-đề ra thảo-luận, nhằm thăng chức cho De Gaulle một lèo từ Thiếu-tướng... cho tới phẩm-tước Thống-chế Pháp-quốc (Maréchal de France).

Tướng De Gaulle hay tin, bình-phẩm :

— De Gaulle là nước Pháp. De Gaulle đã vào lịch-sử, mặc dù còn sống. De Gaulle không thể nhận huy-chương hay thăng trật, mà chỉ có thể tặng huy-chương hay thăng trật cho người khác...

(Vì vậy, suốt đời khi bận nhung-phục, ông chỉ mang có 2 sao thiếu-tướng. Theo quan-niệm của ông, 2 sao này có giá-trị lịch-sử đặc-biệt, không thể so-sánh...)

5. — De Gaulle viết sách, đọc diễn-văn. Một số văn-sĩ, thi-nhân... có ý-dịnh mời Tướng De Gaulle vào Hàn-làm-viện.

De Gaulle đã khước-từ. Vì xét... « không cần-thiết ».

6.— Năm 1958. Tại một thủ-đô, De Gaulle viếng thăm các quốc-gia Phi-châu thuộc Pháp đang hăng-say đòi độc-lập. Những cuộc biểu-tình vĩ-đại chống-đối. Các thanh-niên hò hét. Các biểu ngữ đả-kích. Các khẩu hiệu này lửa... yêu-sách đòi giải-phóng.

De Gaulle lên diễn-đàn, tại công-viên ở trung-tâm thành phố :

— Trước hết, một đôi câu gửi tới những ai đang hò-hét và mang biểu-ngữ. Nếu các người muốn độc-lập theo ý các người, các người có thể thực-hiện tức-khắc, ngay bây giờ. Bằng không, các người hãy nghe tiếng nói của nước Pháp. Chúng ta đang sống ở kỷ-nguyên mà hiệu-quả là cần-thiết và quan-trọng. Muốn có hiệu-quả, cần phải có tổ-chức và hợp-tác. Chúng ta không còn sống ở thời-đại của những kẻ mị-dân. Ánh sáng soi đường chúng ta, và đường đi thật hứa hẹn...

Nghe De Gaulle tuyên-bố, các tiếng hò hét dịu dần, các biểu-ngữ lần lượt và lặng-lẽ được cuộn lại. (Về sau, trừ Guinée, còn các quốc-gia Phi-châu khác thuộc Pháp đều sốt-sắng gia-nhập tổ-chức « Communauté Française », do Pháp lãnh-đạo)

7.— De Gaulle kinh-lý Algérie, xem-xét tình-hình hầu giải-quyết vấn-đề. Algérie đang cơn khủng-hoảng. Người Algérie chống Pháp. Pháp thực-dân đàn-áp người Algérie. Tại chánh-quốc, bài toán gây chia-rẽ trầm-trọng, có cơ reo mồm nổi-loạn...

Trước khi lên đường, ông trao cho một cộng-sự viên thân-tín một phong-bì lớn có đề tên. Trong phong-bì lớn là một phong bì nhỏ, trên có ghi mấy chữ :

— Chỉ mở ra nếu có chuyện gì xảy ra cho tôi... (A n'ouvrir que s'il m'arrivait quelque chose...)

De Gaulle trở về vô-sự. Phong-bì nhỏ được trao hoàn cố-chủ. Không ai biết trong phong-bì đó, De Gaulle đã chỉ-thị đối-dăng những gì...

8.— Vấn đề A'gérie đang hồi căng thẳng. Quân bạo-động hoành-hành ngay tại Paris, ám-sát và khủng-bố. De Gaulle đi xe hơi từ Paris về Colombey-les-Deux-Eglises. Một loạt súng nổ, đạn liên-thanh xuyên thủng mui xe, bay ngay bên cạnh và qua khoảng giữa nơi Tướng và bà De Gaulle ngồi.

Ông chỉ-thị cho tài-xế dừng bánh. Rồi thản-nhiên xuống đường quan-sát, điềm-đạm nói :

— Thật khôi-hà vô-duyên. Các người này không biết bắn súng... (Une plaisanterie de mauvais gout. Ils ne savent pas tirer...)

Xong, đoàn xe trực-chỉ Colombey.

9.— Một tờ báo khôi-hài vẽ hình tướng De Gaulle đứng cao bằng tháp Eiffel. Hai bên chờ nhau. De Gaulle đứng yên. Sau, tháp Eiffel phải nghiêng mình, về phía De Gaulle đứng. Khi đó De Gaulle mới chịu nhích bước...

Một tờ báo khác tưởng-tượng một cuộc điện-đàm ban đêm, giữa Tổng-thống De Gaulle và Thủ-tướng Michel Debré. De Gaulle hỏi :

— Máy giờ rồi, ông Thủ tướng ... ?

Michel Debré đáp lời :

— Giờ nào cũng được, theo ý ông Tướng muốn... (L'heure que vous voulez, mon Général...)

Một tờ báo khác khôi-hài, trách De Gaulle độc-tài, vẽ hình De Gaulle đứng giữa các cộng-sự viên dễ bảo. Phía dưới có ghi chú : Le Ngaullisme et son entourage... (ám-chỉ và so-sánh với tình-hình Việt-nam khi đó, thời Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm.)

10.— De Gaulle công-du Nga-sô, năm 1966. Duyệt xong hàng quân-sĩ danh-dự dân chào, ông đi thẳng, không bắt tay cảm ơn viên đại-tá chỉ-huy đơn-vị. Viên đại-tá chạy theo, đề được bắt tay theo nghi-lễ. Nhưng De Gaulle thản-nhiên tiến bước, làm như không hay biết. Có người bình-phâm :

— De Gaulle đã định ý không bắt tay. De Gaulle không thể quên không thể [lắm...

11.— Tại Bucarest, năm 1968.

Tướng De Gaulle công-du Lỗ. Hòa mình với dân-chúng tới hoan-hô đón tiếp, De Gaulle bắt tay nhiều người ; trong khi bà De Gaulle lạc ở phía sau. Một người nhận thấy, cố lách đám đông, và dẫn bà tới chỗ Tướng De Gaulle.

Trong buổi tiếp-tân tại Sứ-quán Pháp, buổi chiều. Trước khi từ-biệt các quan khách, Tướng De Gaulle tiến về phía... « vị ân-nhân vô-danh », thân-tình cảm-tạ :

— Xin chào ông. Và cảm ơn ông đã dẫn nhà tôi tới với tôi... (Au revoir monsieur, et merci de m'avoir ramené ma femme...)

12.— Một nữ chiêu-đãi viên Air France, cô Evelyne Oudinot với 200 giờ bay trong các chuyến công-du của Tướng De Gaulle. Cô viết trong nhật-ký : Tướng De Gaulle rất tình - cảm và chú ý. Tất cả các quan-khách đều ngủ, chỉ riêng có De Gaulle thức. Lẽ dĩ-nhiên, Evelyne Oudinot cũng thức. Tướng De Gaulle nói :

— Cô nhận thấy, với tuổi này, tôi rất ít ngủ...

Một lát sau, Tướng De Gaulle lặng lẽ tiến về phía cô, và nói :

— Rất cảm ơn cô. Và đây là quà kỷ-niệm tặng cô... (Merci. Tenez, ceci est pour vous...)

Evelyne Oudinot cảm ơn, mở ra coi...

Một huy-hiệu Croix de Lorraine, bằng vàng, đề mang trên ve áo...

13.— Georges Pompidou trúng cử Tổng-thống Pháp-quốc. Một chánh khách Pháp so-sánh và bình-phẩm :

— Georges Pompidou không kế-nhiệm Tướng De Gaulle. Cũng như trước đây, không ai đã là tiên-nhiệm của Tướng De Gaulle. De Gaulle đứng trên hết mọi người đi trước, cũng như ông đứng trên hết mọi người đến sau...

14.— Một nhà bình-bút bình-phẩm :

— Trong lịch-sử quốc-gia, nước Pháp đã sản-xuất được ba vĩ-nhân cùng một cỡ : Charlemagne, Napoléon, và nay có Tướng De Gaulle...

15.— Tổng-thống Cộng-Hòa Trung-Phi (République Centrafricaine) là Tướng Bokassa, người mới tìm thấy con gái tại Việt-Nam, đã có lần tuyên-bố :

— Tôi đã được vinh-dự chào kính Tướng De Gaulle khi tôi còn là lính trơn. Tướng De Gaulle đối với tôi không phải chỉ là cấp chỉ-huy tối-cao. Ông là cha tinh-thần của tôi... (J'ai eu l'honneur de présenter les armes au Général De Gaulle quand je n'étais qu'un simple soldat. Pour moi, le Général De Gaulle est plus qu'un commandant en chef. Il est mon père spirituel...)

Khi nói tới Tướng Bokassa, Tướng De Gaulle dùng chữ « anh em đồng đội », « huynh đệ chi binh » (mon frère d'arme).

Một tạp-chí Pháp kể lại, bình phẩm :

— Thật là một gia-đình kỳ-cục... (Quelle étrange famille).

Được tin Tướng De Gaulle tạ thế, Tướng Bokassa sang Paris dự lễ cầu hồn và thăm mộ ở Colombey. Tướng Bokassa tới phi-trường Le Bourget, khóc nức-nở như con nít.

Các quốc-gia Phi-châu treo cờ rủ đề tang De Gaulle từ 1 ngày tới 1 tuần lễ. Riêng Cộng-Hòa Trung-Phi treo cờ rủ 90 ngày...

16.— Trong chúc thư lập ngày 16-1-1952 trao cho Ông G. Pompidou giữ, De Gaulle nhấn mạnh về những ý muốn cuối cùng của ông. Trong số có những điều khoản như sau :

— không có quốc-táng,

— chôn tại nghĩa trang làng, bên cạnh mộ con gái Anne,

— không trưng huy-chương, không nhận huy-chương, không có diều văn...

— tang lễ giản-dị tới mức tối-đa,

— trên mộ-chí (không ghi chức-tước), chỉ ghi dòng chữ : Charles de Gaulle, 1890—.(1970)

14.— Các nhân-vật hữu-trách Pháp rất bâng-khuâng khi đọc bản di-chức của Tướng De Gaulle.

De Gaulle muốn tang-lễ rất giản-dị. Trong khi nghi-lễ và lịch-sử muốn tang-lễ phải rất trọng-thề.

Mãi sau ; chánh-phủ Pháp mới tìm thấy phương-thức khả dĩ dung-hòa hai đối-diềm.

Rất trọng-thề tại Paris, vì đó là việc nước.

Rất đơn-giản tại Colombey, vì đó là việc riêng.

Đơn-giản đến mức có chánh-khách đã bình-phẩm : đơn-giản một cách kiêu-kỳ... (simplicité hautaine...)

18.— Chiếc hòm đưa De Gaulle tới nơi nghỉ cuối cùng giá 350 quan, đổi-giá chưa tới 64 mỹ-kim. Nghĩa là như của một người dân thường trong làng. Có một điều khác : chiếc hòm dài 2 thước 10 phân, vì Tướng De Gaulle cao quá cỡ...

(Trước đây, Tướng D. Eisenhower nguyên Tổng-thống Hoa-kỳ cũng tự chọn một chiếc hòm như của một lính thường trong quân-đội Mỹ, giá chưa tới 80 mỹ-kim).

19.— Tại Quốc-hội Pháp, Ông Marc Jacquet lãnh-tự một chánh-đảng, loan tin De Gaulle chết bằng một câu ngắn-ngủi và cảm-động :

— Mes enfants, le père est mort... (Các con ơi, cha chúng ta đã chết rồi...)

Tổng-thống G. Pompidou cũng loan tin trên Vô-tuyến truyền thanh. Bản tin mở đầu bằng hai câu bất hủ :

— Tướng De Gaulle đã qua đời. Nước Pháp đã trở nên góa-bụa. (Le Général De Gaulle est mort. La France est veuve.)

Tổng-thống Nixon cảm-phục lời lẽ hùng-hồn, tuyên-bố với các nhà báo :

— Tôi sẵn lòng và hân-hạnh tuyên-dụng nhà binh-bút nào đã thảo bản tin đó cho Tổng-thống Pompidou...

Về sau, người ta được biết hai câu trên đây là của chính Tổng-thống G. Pompidou viết.

20.— Mặc dầu De Gaulle đã ghi trong di-chức ý muốn tha thiết là tang lễ sẽ rất giản-dị : 50.000 (năm mươi ngàn người) từ khắp nẻo đã tới Colombey tiễn đưa De Gaulle tới nơi nghỉ cuối cùng. Xe hơi đậu thành hàng dài tới 15 cây số. 12 Quốc-trưởng, Thủ-tướng các nước Phi-châu đích-thân tới nghiêng mình trước mộ.

21.— Một người thợ Algérie tuyên-bố :

— Tôi đi tàu từ Paris, mất 56 quan, để tới đây dự lễ. Đối với tôi, đó là một số tiền rất lớn. Nhưng Tướng De Gaulle là một vĩ-nhân quá xa cỡ... Không phải lúc nào cũng có dịp tiêu tiền đích-đáng như thế...

22.— Một học-sinh 16 tuổi, từ Paris tới Colombey :

— Tôi ngưỡng-mộ Tướng De Gaulle. Tôi phải đến đây cho bằng được. Đề sau này còn kể chuyện cho con cháu...

23.— Một cậu bé 7 tuổi nín áo bố, hỏi :

— De Gaulle là ai vậy, bố ? (Papa, qui est-ce De Gaulle ?)

Và ông bố nghiêm-nghị trả lời :

— À, De Gaulle là một người phi thường... (Ah ! De Gaulle c'était quelqu'un...)

24.— Tổng-thống Tsiranana xứ Madagascar, về mặt đau thương, trịnh-trọng bốc một nắm đất gần phần mộ, để vào trong một cái túi, mang về làm kỷ-niệm,..

25.— Tại Paris, có tới 80 Quốc-vương, Quốc-trưởng tới dự lễ cầu hồn ở Nhà Thờ Notre Dame.

Một cựu quân-nhân có tuổi, than trách :

— Tôi là một trong những bạn đồng-ngũ đầu tiên của Tướng De Gaulle trong lực-lượng Pháp-quốc tự-do. Ấy thế mà ban này, chỉ chút sùu nữa, người ta không cho tôi vào trong nhà này dự lễ...

Có 9.000 (chín ngàn) người dự lễ trong Nhà thờ, trong số có 1.500 (một ngàn năm trăm) là thượng-khách ngoại-quốc. Đứng ngoài nhà thờ theo dõi, ước chừng 70.000 (bảy mươi ngàn) người.

Đại-sứ Huang Cheng Trung-Cộng đến sớm, ngồi một mình, đầu đội nón casquette. Khi các quan-khách đến, ngồi, không ai đội nón trong Nhà thờ : nhà ngoại-giao Trung-Cộng kín đáo cất nón xuống dưới chỗ ngồi...

26.— Hội-đồng thành-phố Paris quyết định đổi tên Place de l'Etoile thành Place Charles De Gaulle.

Trong dư-luận, có tiếng phản-đối : Không ai phủ-nhận De Gaulle là bậc vĩ-nhân và ân-nhân xứ-sở. Nhưng theo lịch-sử, nếu có đổi tên, thì đáng lý phải thay-thế bằng Place Napoléon...

27.— Nhân dịp Tướng De Gaulle quá-cổ, Sở Bưu-điện đã giăng thêm 3.000 (ba ngàn) thước dây điện-thoại tại Colombey. Tại Paris, Bộ Nội-vụ đã huy-động thêm 15.000 (mười lăm ngàn) cảnh-sát viên giữ trật-tự. Các vị Tổng-trưởng đã chia nhau túc-trực tại các phi-trường đón-tiếp thượng-khách. Tại Gare de l'Est ở Paris, có thêm 8 bàn giầy bán vé cho 10 chuyến tàu đặc-biệt cho những ai đi Colombey dự tang lễ. Đường bộ được chia thành ba ngã khác nhau, đề khỏi bị kẹt xe.

28.— Tại một Thánh-đường, một cựu quân-nhân cầm cờ của đoàn-thề, đứng dự lễ, khóc nức-nở. Đương sự xúc-cảm siu tại chỗ. Ban tổ-chức phải vực ra ngoài thoa dầu. Khi vừa tỉnh lại, đương-sự lại đòi vào, đề đứng cầm cờ, dự lễ như trước ..

29.— Có nhiều người thán-phục coi De Gaulle như thần-thánh. Lại có người ác-cảm đối với De Gaulle, có thể bắt cộng đái thiên. Nhưng khi ông chết đi, ai nấy đều tiếc thương và công-nhận ông là một vĩ nhân.

Bình-phẩm De Gaulle, một số ký-giả Pháp cũng như ngoại-quốc đã viết, đại-cương tóm-tắt như sau :

— Cá tính mạnh, khác thường. Biết rõ điều mình muốn và cương-quyết thực-hiện. Ái-quốc tới cao-độ, luôn luôn nghĩ đến quyền-lợi và uy-tín của xứ-sở. Đôi khi khiêm nhường một cách kiêu-kỳ (*humilité orgueilleuse*), thường khi ngạo-nghe dịu-dàng như nhung lụa... (*arrogance veloutée*).

Ngay đến tang-lễ mà De Gaulle muốn thật giản-dị, trái hẳn với vĩ-nghiệp lúc sinh-thời, một số ký-giả tường-thuật đã phê-bình : không hiểu là một cử-chỉ khiêm-cung tốt bậc (*suprême humilité*), hay kiêu-căng một lần cuối cùng, trước khi từ-giã nhân-loại.. (*ultime orgueil*).

30.— G. Bidault và J. Soustelle là hai thù-địch của Tướng De Gaulle, đã bị Tướng De Gaulle kết án đến mức phải xuất ngoại, lưu-vong...

Bidault viết :

— Tôi không đồng-ý với De Gaulle. Dù sao, khi ông chết tôi cũng thương tiếc. Tuy nhiên, không kém người khác, và dĩ-nhiên là cũng không hơn người khác...

Soustelle tuyên-bố đại-ý :

— De Gaulle thích được sùng-bái cá-nhân, ưa nịnh. De Gaulle chỉ biết khéo lợi-dụng công của người khác...

31.— Thuở sinh-thời, một trong những mong-ước của Tướng De Gaulle là được đi xe điện hăm tại Paris, hòa mình với các người công-dân vô danh Pháp... Nhưng làm sao đề không ai nhận được mình...

32.— Và sau hết, một vài nhận-xét về chánh-trị.

Tại văn-phòng của Tướng De Gaulle tại Paris. Hai mươi cuốn sổ đề những ai ngưỡng mộ tới ký tên phân ưu. Có những giòng chữ ngộ-ngĩnh. Ví dụ : « một người Pháp rất vô-danh tiếc-thương một người Pháp rất hữu-

danh », — « Tôi bắt đầu được nghe tên ông năm tôi 4 tuổi, tôi mừng ông cầm quyền năm tôi 20 tuổi, và tôi khóc ông năm tôi 30 tuổi... », — (Trong ba ngày, tất cả có tới 27.000 chữ ký...)

De Gaulle từ biệt chánh-trường Pháp tháng 4, năm 1969. Tuy nhiên, bóng dáng De Gaulle vẫn còn đè nặng trong chánh giới Pháp. Đó là giai-đoạn *hậu De Gaulle*, (après Gaullisme). De Gaulle qua đời tháng 11 năm 1970. Đó là giai đoạn chánh-trị Pháp không có De Gaulle, (sans De Gaulle). Chánh-trị nước Pháp cần phải phân-biệt bốn giai đoạn trong hậu bán thế-kỷ thứ 20 :

- tiền De Gaulle, trước năm 1958
(avant De Gaulle)
- thời kỳ De Gaulle, từ 1958 tới 1969.
(Gaullisme)
- hậu De Gaulle, từ 1969 tới 1970
(après De Gaulle)
- không De Gaulle, từ 1970...
(sans De Gaulle)

PHAN ĐỨC — LÊ KHUÊ

góp nhặt

Paris, tháng XI, 1970

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

● BÙI-HỮU-SÙNG

Một quan-niệm mới về Văn-học-sử Việt-nam

Để tìm hiểu một dân tộc, không gì bằng đọc văn-học-sử của dân tộc ấy. Để bắc những nhịp cầu thông-cảm giữa các dân tộc, không gì nhậy bén bằng cách giới-thiệu các nền văn-học giữa họ với nhau. Có lẽ cùng với ý niệm trên, cơ-quan văn-hóa UNESCO của Liên-Hiệp-Quốc sửa soạn phát-hành loại sách dưới nhan đề: « Đường đi vào văn-học Đông-phương » (*Introduction aux littératures orientales*). Quyển thứ nhất đã in xong cách đây hai năm, mang cái nhan « Introduction à la littérature arabe par Gaston Wiel ». Năm nay cho phát hành quyển thứ hai: « Đường vào văn-học Việt-Nam ». (1) Sách viết bằng Pháp-văn, gồm 254 trang, chia làm hai phần chính.

Phần thứ nhất— Sau một chương chương I, khái-niệm về lịch-sử Việt-Nam, về việc hình-thành chữ Nôm, chữ Quốc-ngữ, soạn-giả giới thiệu, qua 8 chương sau, từ các thể văn-chương truyền-khẩu (thần-thoại, cổ-tích, ca-dao, tục-ngữ), cho tới nền văn-chương thành văn của đời Trần, Lê, Nguyễn và ngừng lại ở năm 1862. Phần này dài hơn 100 trang, do giáo-sư M. Durand phụ trách. Điều đáng chú ý là giáo-sư Durand đã đưa vào đầu sách vài

chuyện thần thoại coi như là những áng văn bình dân. Điều mà trước đây giáo-sư đã không ghi ở cuốn *Histoire des littératures*, Collection la Pléiade, Gallimard. Paris. Tome I.

Phần thứ hai.— Phần thứ hai gồm trọn một thế-kỷ văn-học, từ khi Pháp xâm chiếm nước ta (1862) đến năm 1962. Soạn-giả đặt thế-kỷ này dưới ảnh-hưởng Tây-phương và chia ra làm 9 thời kỳ để đánh dấu 9 bước nhảy vọt của giai-đoạn bột-phát, trái ngược với sự trầm-trì của mấy thế-kỷ trước. Phần II do giáo-sư Nguyễn-Trần-Huân đảm nhiệm. Ông là một bác-sĩ trẻ, trước đây đã dịch cho UNESCO, quyển Truyền-kỳ mạn-lục của Nguyễn-Dữ..., nay đang dạy Hán-tự và Việt-văn tại một giảng-đường Đại-học Ba-lê. Bút-pháp ở phần một uyên-bác, nghiêm-trang bao nhiêu thì ở phần hai lại tươi sáng, trẻ trung bấy nhiêu. Ông Huân có biệt tài làm sống lại không khí một thời, vì trong tuổi thanh xuân, ông đã từng tắm mình trong bầu không khí « son trẻ » của thời Tự-lực Văn-đoàn. Còn thời-kỳ chót (1954 - 1962), bác-sĩ nói về Văn-học miền Nam hơn là ngoài Bắc.

(1) *Introduction à la littérature vietnamienne*. Unesco Paris. 36 F.F.

Văn chương ngoài Bắc, bác - sĩ gọi là văn-học xã-hội chủ-nghĩa còn văn chương miền Nam ông gọi là *La littérature variée* (tạm dịch là văn-chương phồn-tạp). Theo thiển-ý, cái nhãn-hiệu ấy không được đúng. Tôi xin đề-nghị : Văn-chương tân-lãng-mạn (*néo-romantique*) vì chính-trị phiêu-lưu, kinh-tế bấp-bênh, vì hiện-sinh cuối mùa (con đẻ của cá nhân chủ-nghĩa), vì thơ văn khiêu-dâm, vì ca nhạc lâm-ly trữ-tình... Gọi là «tân» vì trước kia đã có lãng-mạn vong-quốc từ Tú-Xương qua Tản-Đà đến thơ mới. Tuy sinh-hoạt văn-nghệ không thể nào ép vào trong một công-thức nhất định, nhưng đã soạn văn-học-sử bắt buộc phải phân-loại cho minh-bạch, và trình bày các khuynh hướng dưới những khái-niệm chính-xác, bao quát. Ở nơi sách, ông Huân đã làm một việc rất tử mĩ, công phu, ấy là tập « Tiểu tự-diễn văn-nhân », theo thứ tự A, B, C, từ thượng-cổ đến 1962 trong đó có Bình-Nguyên-Lộc, Nguyễn - Sa, Võ Phiến, Đoàn-Thêm, Nguyễn-Hiến-Lê, Nguyễn-văn-Trung v.v...

Sách tuy do hai soạn-giả đảm-nhiệm, nhưng vẫn được nhất trí vì hai ông đều đứng trong thành-phần giáo-sư của trường « Viễn - Đông bác-cổ », trước ở Hà-nội, sau di sang Ba-lê. Và ở đây, hai ông vẫn tiếp-tục khảo-cứu và giảng dạy trong một môn học mới mệnh danh là « Việt-Nam-học » (*La Vietnamologie*). Rồi đây, danh từ *Vietnamologie* cũng sẽ được phổ - thông như danh từ « Sinologie » (Trung-quốc-học). Hai giáo-sư M. Durand và Nguyễn-Trần-Huân đều là hai nhà *Vietnamologues* đứng sau các ông

Cordier, Gaspardone... Nhân tiện, cũng xin nhắc lại mấy soạn phẩm của giáo-sư Durand về Việt-Nam : một bộ gồm 2 tập khảo về Phan-Trần ; một tập « *Mélanges sur Nguyễn-Du* » (nhân dịp kỷ-niệm 200 năm) ; một cuốn sưu tầm và biên-khảo về tranh Tết, tranh lợn, tranh gà : *Imagerie populaire vietnamienne* ; một cuốn khảo về các bài châu văn và lên đồng,

Quan-điểm sách còn nhất trí là vì hai soạn giả cùng chung một quan-điểm lịch-sử. Theo hai soạn giả, xưa kia nước Việt-nam bị người Tàu đô hộ, nhất nhất từ phong tục, hành chánh, nhất là thi văn đều thấm nhuần văn hóa của giai cấp đô-hộ. Về sau vừa thoát khỏi ách «Tàu» lại rơi ngay dưới ách «Tây» nên văn-học Việt-nam, dù ở giai-đoạn trước hay giai-đoạn sau, cũng nặng phần vay mượn hơn phần sáng-tạo. Lẽ dĩ-nhiên quan-điểm ấy không thể nào làm đẹp lòng các độc giả Việt-nam trong trí nhớ còn in đậm những thơ về chống thực-dân Ráp, còn vang ngân như tiếng chuông vàng những bài hịch kháng Nguyên, những lời hùng-biện trong Bình-Ngô đại-cáo của anh hùng Nguyễn-Trãi. Thực tình cái nhỡn quang lịch-sử của hai soạn-giả có phần phiến-diện và «tĩnh».

Lịch-sử và văn-học-sử (hai môn phải được gắn liền với nhau) của Việt-nam rất biến động, rất bi kịch, nếu chưa được gọi là bi hùng. Nhưng chúng ta không nên quá khắt khe về «quan-điểm». Chúng ta nên thể tình cho soạn-giả bị hạn chế trong một số trang của loại sách và bắt buộc chọn một tính chất quán-thông xuyên qua hơn 10 thế-kỷ

văn-học. Nghĩa là phải làm thế nào giúp cho độc-giả Tây-phương, không biết gì về lịch-sử nước ta, khi họ phiêu lưu vào các tác-phẩm, các danh-nhân, các biến-cổ, vẫn nắm được trong tay một ý-niệm «thăng cánh cò bay» không bị lạc trong rừng chi-tiết tựa như chàng Thésée không bị lạc trong hang sâu, nhờ ở sợi dây chỉ-đạo của người tình, nàng Ariane.

Vả lại nếu độc giả khó tính, không hài lòng về quan-điểm thì trái lại, sẽ thỏa-mãn khi đọc đến những đoạn so sánh văn-phẩm Việt-nam với các giai-phẩm Pháp-quốc : truyện Phan-Trần, loại trừ các biến cố rườm rà và chú trọng đến phân-tích ái-tình một cách tế-nhị, đặc sắc ngang với các vở kịch của Racine. Cổ-tích Tấm Cám hấp dẫn như con Lọ Lem (Cendrillon) của Perrault. Mấy nhân vật ăn khỏe như Lê-Nai (đừng lẫn với Lê-Lai), Lê-Như-Hổ làm người ta nhớ đến Gargantua và Pantagruel trong văn Rabelais. Mỗi tình lãng mạn và bi đát giữa Kim Kiều không thua kém gì mối tình của Tristan và Yseult. Giáo sư Durand để cả một chương, «hết mình» tán thưởng Đoạn-trường tân-thanh. Đại-ý : «Đây là một bản nhạc hơn là một tập thơ ; đây là loại tình ca để hát lên, ngâm lên. Khi ngao ngán chán chường, khi nghệt thở đến thất thanh, khi chan hòa lai láng... Quả thực, Nguyễn-Du đã biết tận dụng nhạc-tính của Việt-ngữ, nâng niu các ảnh-tượng, các biểu-tượng quện vào nhau, uyển chuyển, dịu dàng vui múa trong một hòa-âm thiên-thu tuyệt-diệu...» Soạn-giả cũng như độc-giả đều bị lôi cuốn vào đấy, quên cả câu chuyện «cãi-cọ» trên kia giữa ảnh

hưởng Tây, Tàu hay tinh-thần cổ-hữu dân-tộc.

Giáo sư Durand còn phát giác nhiều điều mới mẻ chưa từng thấy trong các bộ văn-học-sử xuất-bản gần đây ở Saigon. Xin đan cử vài thí-dụ :

Tên thật của hai nữ sĩ là Hồ-Xuân-Hương và bà Huyện Thanh-Quan — Bà Huyện Thanh-Quan tên thật là Nguyễn-thị-Hình con gái ông Nguyễn-Lý (1755-1837). Trước đây, chúng ta không biết tới «Nguyễn-thị-Hình» đã đành lại còn có người vẫn nhầm lẫn bà với nữ sĩ Nhân-Khanh (mẹ của giáo-sư Trịnh-Đình Rư, cử-nhân Hán-học, dạy Hán-tự tại các trường Hải-phòng và Hải-dương trước năm 1940). Theo ông Nguyễn-Tường-Phượng thì ông Đào-duy-Anh và ông Phượng đã có lần về làng Nghi-Tàm (Hồ-Tây Hà nội) điều tra, con cháu bà chỉ cho biết lò mò rằng : Xưa kia, Bà gọi là «Cô Năm». Vụ phát giác này kể ra cũng còn phải kiểm lại kỹ hơn, kéo cả nước sẽ bị làm như vụ Lyssenko ở Nga-sô dưới thời Staline.

Về nữ-sĩ họ Hồ, theo kết quả sưu tầm mới đây, Bác-sĩ Huân cho biết tên thực là Hồ-thị-Mai, con gái ông Hồ-Phi-Diễn gốc gác ở Nghệ An, ra trú ngụ tại Thăng-Long, phường Ngõ-huyện. Ấy thế mà gần đây có một số người lập dị, phủ nhận sự có mặt của nữ sĩ trong lịch-sử. Họ cả quyết rằng Homère, Shakespeare, Hồ-Xuân-Hương chỉ là những cái tên tưởng-tượng để che đậy một tập-đoàn văn-nhân như tập-đoàn toán-gia Pháp ẩn mình dưới danh-hiệu Bourbaki. Trong văn-học-sử cũng như trong triết-học, những người

« ngồi rồi » hay thêu dệt ra những vấn-đề giả-tạo (de faux problèmes) làm rối trí những sinh-viên hiếu kỳ.

Cách giải-thích thơ của nữ-sĩ cũng gây thích-thú cho độc-giả Việt-mam và nhất là cho độc-giả Tây-phương đang chạy theo các tranh ảnh và sách về tính-dục, lan tràn từ các hiệu sách Luân-đôn, Copenhagen, tới Ba-lê. Chắc độc giả còn nhớ bài « Dệt cửu ban đêm » vừa tả chiếc khung cửu mấp máy suốt năm canh vừa gọi cái « canh » làm tình của đôi nam nữ. Hãy ngâm lại hai câu đầu :

*Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau,
Con cò mấp máy suốt đêm thâu*

tới hai câu cuối :

*Cò nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Chờ đến ba thu mới giải sầu.*

Theo giáo sư Durand, ấn ý như sau : cái thoi tượng-trưng cho cái giống của đàn ông đang tấn công (assaults amoureux) tằm vãi tượng-trưng cho hạ bộ của đàn bà. Dùng « assaults amoureux » để giới thiệu những từ ngữ : « mấp máy, thỉnh thích » kể ra cũng khéo đấy. Nhưng chưa nói lên được sức công-đột của mấy thuật-ngữ ấy, khi chúng gieo mạnh xuống óc tưởng-tượng của người bình-dân Việt-Nam.

Còn « ba thu » ở câu cuối nghĩa là gì? Thông thường, người ta hiểu là « ba mùa thu ». Trong quyển « Hồ-Xuân-Hương, nhà thơ cách-mạng » trang 100, ông Hoa-Bằng cũng chú-thích như vậy. Giải thích như thế không ổn đối với nghĩa toàn bài (le contexte). Giáo-sư Durand (bà mẹ là người Việt) hiểu một cách hữu-lý hơn. Chữ « thu » đây viết bằng Hán-tự, tự-hình giống như

chữ « thu » trong « tiếp-thu », « thu-ngân » ; vậy nó nghĩa là nhận lấy và « ba thu » nghĩa là « tiếp nhận » ba lần. Như vậy, chúng ta thấy giảng cổ-thi, phải xét tới mặt chữ nôm mới khám phá ra những cái thú-vị oái oăm ; trái lại, nếu cứ giảng theo bản quốc-ngữ, thật là đoán mò. Tiện đây, cũng xin mách các bạn hiếu học điều này : Hiện nay trong giới Tân-phê-bình văn-học, ví dụ nhóm « Tel quel », người ta cho rằng cái lối viết gọi hình (L'écriture figurative) của chữ Hán, chữ Nôm, mang lại cho thi-ca Trung-quốc và Việt-Nam vô vàn những ảnh-tượng phong - phú. Xưa kia, như Chu-Mạnh-Trinh, viết là vẽ, và dưới ngọn bút lông đưa lên vạch xuống là « rồng bay, phượng múa », « hoa nở mây bay ».

Một điều khác, cũng làm cho sử-gia và giáo sư Việt-văn phải suy ngẫm. Trong bài hát « Kẻ sĩ » của Nguyễn-Công-Trứ có câu : *Cầm chính đạo để tịch tà cự bĩ*.

Xưa nay, đa số hiểu rằng : Kẻ sĩ giữ vững đạo Khổng-Mạnh để chống lại các tà thuyết là đạo Phật (ví dụ Hàn-Dũ) đạo Lão, Phụ tiên v.v... Nhưng giáo-sư Durand lại hiểu một cách khác : Kẻ sĩ tức là nhà nho Nguyễn-Công-Trứ thuộc về phái bảo-thủ và chống lại phong-trào canh-tân, theo Tây-hóa, (nguyên-văn : opposés au mouvement de rénovation issu des contacts avec l'Occident (mouvement Canh-tân). Sao sớm vậy? Phong trào Canh-tân của Nguyễn-Trường-Tộ mãi sau 1863 mới phát sinh cơ mà !

Và theo giáo-sư Durand, Cụ Nguyễn. Đình Chiểu cũng đã ký-thác tâm-sự bài Pháp, qua lời ông chủ-quán trong

quyển Lục-Vân-Tiên. (Trích nguyên văn: Comme l'aubergiste du roman, il (Nguyễn-đình-Chiếu) prêche la non-collaboration aux autorités de fait (page 98). Dans le roman (Lục-Vân-Tiên) le ministre des Táng désigne en fait l'occupant français). Tể - tướng đời Đường-ngu ám chỉ người Pháp xâm chiếm:

*Quán rằng: Nghiêu-Thuần thuở xưa
Khó ngăn Đào-Phủ, khôn ngăn Hứa-Do*

Theo sự nghiên cứu của chúng tôi (1) quyển Lục-Vân-Tiên được Aubaret dịch ra Pháp-văn năm 1864 và in tại Ba-lê ở nhà in Impériale. Nghĩa là cụ Đồ-Chiếu viết ra sau rồi Aubaret dịch và cho in, tất cả đời hồi 3 hay 5 năm, tức là tất cả phải có trước hòa-ước năm 1862. Và cụ Đồ-Chiếu làm thơ, soạn văn-tế chống Pháp là mãi về sau này. Có lẽ giáo-sư Durand chịu ảnh-hưởng văn-hóa xã-hội chủ-nghĩa Hà-nội, mọi sự-kiện văn-học đều bị nhìn qua ống kính chính trị, nên có sự vội vàng, chủ-quan chăng? Điều này xin các độc-giả thông-thái góp ý-kiến để tu bổ vào các bộ văn-học-sử của chúng ta:

Còn một điểm nữa cũng gợi thắc mắc ở những ai yêu chuộng cổ-văn. Giáo sư Durand có dịch ra Pháp-văn một bài thơ mà chúng ta không ngờ là của Nguyễn-Khuyến. Thơ thuộc thể thủ-vĩ-ngâm (chưa thấy ở Nguyễn-Khuyến). Giọng thơ lại đùa cợt một cách tàn nhẫn mà chúng ta cũng chưa từng gặp dưới ngọn bút lông nhả-đạm của Tam-Nguyên Yên-Đỗ. Bản dịch như sau:

À quelle famille appartient cette jeune fille trop belle ?

Son cou est élancé et présente trois plis comme celui de la tortue ;

Les cheveux sont lustrés et ont la forme de la queue d'une poule d'eau.

Ses lèvres sont d'un rouge éblouissant comme l'anus d'un poulet.

Sa manière de parler comme celle d'un vieil éléphant ;

Quand elle me lança une ocellade, j'en suis tout frémissant de crainte ;

À quelle famille appartient cette jeune fille trop belle ?

Tạm dịch ra văn xuôi, trong khi chờ đợi tìm ra nguyên tác.

Con gái nhà ai đẹp gớm ghê!

Cổ cao ba ngón như cổ rùa

Mái tóc mượt nà như đuôi cuốc.

Tiếng nói oang oang bành tượng
hết.

Liếc mắt đưa tình tởm sợ mê.

Cô gái nhà ai đẹp gớm ghê!

Những khám phá mới như trên rải rác còn nhiều trong gần 150 trang và hữu ích cho ai muốn suy ngẫm về bộ văn-học-sử tương-lai. Sách này tuy thuộc loại sách «chỉ dẫn», loại sách giới thiệu, nhưng nó cũng chứa đựng nhiều công phu khảo cứu lâu năm qua các thư-viện Hà-nội, Saigon, Balê. Cái công lớn của hai soạn-giả là đã vạch ra được tại giữa rừng văn-học Việt-Nam một ngã tư quang đàng với những nẻo đường dẫn tới các kỳ hoa dị thảo, hãy còn ẩn mình sau chiếc màn mờ tối của lịch-sử.

BÙI-HỮU-SÙNG

(1) Văn-học-sử Việt-Nam, tiền bán thế-kỷ 19 trang 69, của Nguyễn-luờng-Phượng và Bùi-Hữu-Sùng.



GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

2 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN

Buổi tối tôi lại tiếm bi da ở bến xe để tìm Đình. Đình là thằng bạn thân nhất của tôi trong trường học, mặc dầu hắn học khác lớp tôi, lớn hơn tôi vài tuổi và có một lối sống ăn chơi phong trần hơn tôi nhiều. Đình đang đánh bi da với một thằng lạ mặt. Hắn hất đầu chào khi thấy tôi và mỉm miệng cười làm điệu thuốc đầu lọc trên môi nó run run suýt nữa rơi trên tấm thảm xanh. giọng hắn hất hàm trong khi đôi mắt vẫn chăm chú nhìn vào ba trái bi tròn đang lăn chậm rãi trên bàn.

— Mày đi đâu khuya vậy? Đợi một lát rồi đánh với tao vài «cơ».

— Không, tao tìm mày có chút chuyện.

— Chuyện gì?

Tôi lúng lúng không biết trả lời sao cả. Một vài thằng đang đứng vây quanh bàn bi da lừ đừ mắt nhìn tôi, chắc chúng bức mình vì tôi làm Đình dừng tay lại, ván bi da đang đến hồi gay cấn. Tôi lấy một điệu thuốc trong túi áo Đình, mùi bạc hà thơm nhẹ trong miệng.

— Cũng không có gì quan trọng. Mày cứ đánh đi, lát khuya tao sẽ nói.

Đình gật đầu, hắn liếc mắt nhìn

tấm bảng đen trên tường ghi điểm của hai người, thằng đối thủ của nó được 57 điểm trong khi hắn mới 55 điểm. Thằng nào đi đến 60 điểm trước là sẽ thắng cuộc. Đình ghé miệng vào sát tai tôi: «Mỗi ván ăn thua hai tút thuốc Salem, tao dự thằng này được ván trước rồi, ván này mà nó hựt một trái là tao ăn lẫn nữa...» Thằng lạ mặt liếc nhìn tôi, mặt nó lăm lăm mồ hôi, tay hơi run run nhưng vẫn cố gắng giữ bình tĩnh bằng cách châm một điệu thuốc lá. Nó đặt «cơ» xuống bàn, bậm môi ngậm ngía và tay thọc mạnh nhưng trái bi đã chạy trật, sai với đường dự định. Đình lộ rõ hí hửng, hắn đưa điệu thuốc lá đang cháy dở cho tôi hút giùm, cẩn thận lồng đầu «cơ» vào giữa hai ngón tay cong lại, mặt hắn bình thản như một tảng băng và bàn tay nắm chặt lấy chuôi «cơ» chỉ khẽ nhích động một tí, trái bi chậm rãi lăn đi, chạm phớt qua trái bi trắng một cách nhẹ nhàng rồi trúng vào cạnh bàn, dội xiên trở lại trúng ngay trái bi bỏ. Bọn đứng xem reo lên những tiếng thán phục. Tôi nhìn khuôn mặt của thằng lạ mặt đang dài ra với một vẻ thất vọng thật tội nghiệp. Đình chỉ đánh trúng một điểm thôi. Hắn nhanh nhen đi luôn

một lúc bốn điểm nữa và thắng cuộc. Thắng lạ mặt chán nản móc mấy tờ giấy bạc đưa cho Đình rồi ngồi phịch xuống ghế, hậm hực nốc một ly bia lạnh. Đình ngậm văt vẹo một điếu thuốc lá, mắt nó nhướng lên nhìn chung quanh.

— Còn bạn nào chơi với tôi một ván cho vui ?

Không thấy ai trả lời cả, Đình nắm lấy vai áo tôi lôi ra cửa.

— Tao chở mày ra kiếm một quán nào ngoài bờ biển uống la de. Tối nay tao ăn được gần hai ngàn, đủ nhậu nhẹt và làm cho cái bộ mặt thảm hại của mày tươi lên một chút.

Đình chở tôi trên chiếc xe gắn máy hiệu Goebel cũ mèm, chiếc xe tàn tật với tiếng máy nổ rú lên từng hồi vang động cả đường phố. Đình rú ga cho xe chạy như bay, nhảy lên nhảy xuống trên những con đường đầy ổ gà và vũng sình lầy. Gió lùa ào ào bên tai tôi và tóc bay ngược cả về phía sau. Tôi nghe Đình nói những tiếng gì đó nhưng không rõ gì cả. Trên đường bây giờ thật vắng người, chỉ thỉnh thoảng gặp phải một vài chiếc xe xích lô chở gái điếm và xe nhà binh phóng nhanh dữ tợn như một con thú. Tiếng sóng biển nghe gần lại hơn, luồng gió mát lạnh từ biển thổi vào người làm tôi rùng mình, một lát sau tiếng sóng vỗ vào bãi cát nghe bập bùng rõ ràng trước mặt.

Tôi và Đình lội bộ trên bãi cát một quãng ngắn rồi đi vào một kiosque quen thuộc có ánh đèn đỏ hồng, tiếng nhạc ngoại quốc vang lên chát

chứa lẫn áp cả tiếng sóng biển. Đình gọi hai chai bia "33", hắn nằm đi trên chiếc ghế xích đu, khoái trá nói luôn miệng về những may mắn của nó trong ngày nay ; trước tiên là làm quen được một đứa con gái xinh đẹp mà ngày nào nó cũng lẻo đẻo đi theo sau mỗi khi nàng đi học về, sau đó là tối nay nó vừa cho một thằng ngu ngốc vào tù, hắn giả vờ đánh bi-da thật tồi cho thằng đó ăn một ván đầu, rồi sau mới đề nghị đánh ăn tiền và rốt cuộc là ăn liền hai ván được hai ngàn đồng. Tôi ngồi im lặng nghe Đình mà không nói gì, tôi đã quen những câu chuyện này của hắn. Gần như lúc nào nó cũng gặp may, lúc nào nó cũng nói cười vui vẻ cả, đừng hòng tìm thấy trên nét mặt thằng này một chút buồn phiền nào. Tôi uống một hớp bia, cốong họng mát lạnh và thân thể ngấm một chút cay nồng dễ chịu. Đình quay sang tôi.

— Kêu con Hồng ra ngồi nói dóc như thường lệ chứ ?

— Thôi dẹp đi. Bữa nay tao không ra đây nhậu nhẹt gì với mày, tao có chuyện này muốn nói.

— Thì nói đi, mấy lúc nào cũng như dấu kín một điều gì kinh khủng ghê lắm. Nhìn bộ mặt mày xem, có vẻ lo nghĩ như một ông già. Trông mày đôi khi tao mệt giùm. Hãy làm như tao, hết tiền thì lo kiếm tiền, có tiền là ăn chơi thả cửa, cóc có gì đáng bận tâm lo nghĩ cả.

— Đình à, có lẽ sáng mai tao bỏ nhà đi...

— Đừng đùa. Nói lại đằng hoàng, nghe, mày định làm gì ?

Tôi gắt giọng bức bối.

— Mai tao bỏ nhà ra đi, nghe rõ chưa ?

Đình không cười đùa như thói quen nữa, hắt lặng yên chăm chú nhìn tôi như nhìn một cái gì lạ lùng lắm. Tôi tránh cặp mắt của hắn và nhìn ra ngoài biển. Bây giờ trời tối đen nên không ai nhìn rõ những cánh buồm trên biển. Những cánh buồm mà ban ngày lồng lộng gió, căng phồng mòi mọc biết bao những cuộc giang hồ. Tôi chỉ nhìn thấy những ngọn đèn mờ lốm đốm ngoài khơi, thật xa vời và mơ hồ như trong một cơn mộng ảo.

Cô gái bán Bar nhún nhảy tiến lại gần, chiếc áo mỏng vàng chói và mùi nước hoa rẻ tiền ngọt ngào. Tôi ngạc nhiên nghe tiếng nói của mình vang lên bức bối.

— Cô làm ơn tắt giùm cái máy hát đi, đĩa hát gì kỳ cục nghe nhức đầu quá.

Cô gái mở tròn mắt, môi trề ra làm duyên.

— Trời ơi, anh già rồi sao? Bài nhạc kích động này ăn khách nhất bây giờ đó ! Thôi chạy một đĩa cải lương cho anh nghe nhé, đêm khuya mà nghe con đào này ca thì lâm ly mùi mẫn lắm.

Tôi khó chịu vì cái giọng giả vờ nũng nịu ấy cứ lè nhè bên tai, tôi gần như hét lên :

— Đẹp mẹ hết đi. Im lặng một chút không được sao ?

Cô gái ngạc nhiên rồi tỏ vẻ giận

dữ định gây gỗ nhưng Đình đã nhẹ nhàng cười tình với ả, hắt vổ về :

— Em chịu khó tắt máy đi, thằng này hôm nay nó khùng rồi, em chịu nó một tí đi.

Cô ả nguýt một cái rồi quảy quả bước vào quầy, tắt máy thật mạnh tay làm tiếng la rống của gã ca sĩ ngoại quốc nào đó ngưng bật lại như vừa bị một đồng cát nhét vào miệng. Đình uống hết chai bia, hắt kêu thêm vài chai nữa và quay sang tôi.

— Mày nổi khùng thật rồi sao Lạc ?

— Bộ mày thích nghe cái bản nhạc đó sao ?

— Không, tao không nói chuyện cái đĩa hát. Tao định nói chuyện mày bỏ nhà ra đi kia. Tại sao mày định làm thế ?

— Tao không thể giải thích cho mày được, bởi những lý do ấy đối với tao cũng còn mơ hồ, không rõ ràng gì cả. Nói với mày cũng vô ích, mày không cần biết tại sao, tao cũng không cần biết tại sao. Chỉ biết ngày mai mày sẽ không còn gặp tao tại đây nữa, mai là tao đã ở một nơi khác rồi.

— Ở đâu ?

Tôi làm một cử chỉ trẻ con là búng tàn thuốc bay ra xa tắt ngúm trong cát.

— Tao cũng chưa biết. Nếu là mày thì mày sẽ đi đâu ?

Đình nhún vai, hắt làm ra vẻ thành thạo :

— Tất cả những thằng nhóc bỏ nhà đi hoang đều tìm đến một thành

phố nào lớn nhất, giàu sang nhất nước, làm như chúng nó đến đó là giàu sang ngay lập tức, mà không biết đến một nơi đầy ắp người ngòm như thế chỉ tỏ thất nghiệp chết đói thôi. Nhưng thằng nào mà không mê những thành phố ăn chơi tưng bừng của bọn nhà giàu. Ở Mỹ chúng rủ nhau đến Nữ-ước, ở Pháp chúng kéo đến Ba-lê, còn ở Việt-nam lại lục tục mò vô Saigon, kinh đô ánh sáng,... hòn ngọc Viễn Đông, Tao chắc mày sẽ đến đó.

Tôi ngần ngại nhìn Đình, rồi đôi mắt tôi lần trốn hẳn, trong khi câu nói của tôi nhanh chóng vang lên để thoát khỏi sự do dự :

— Đình, hồi trước mày cũng vào Saigon phải không ?

Nét mặt Đình sững lại, điều thuốc của hắn định đưa lên miệng nhưng rồi lại thôi, ném vùi xuống sâu trong cát. Tôi nhìn thấy khuôn mặt hắn không còn bóng láng và vô tư như trẻ con, khuôn mặt hắn bỗng có thật nhiều những nếp nhăn và già nua đi trong phút chốc. Hắn đã nốc nhiều bia nên đôi mắt hơi đục đỏ, có những tia máu ướt gần như nước mắt. Đình vỗ vào vai tôi, giọng hắn lè nhè và sặc mùi rượu :

— Ở nơi này tao chỉ có mày là thằng bạn duy nhất, nên tao không giận mày khi mày nhắc đến chuyện đó.

— Tao xin lỗi mày, nhưng tối nay tao tìm mày là để nói chuyện đó, để yêu cầu mày nhắc lại chuyện mà chắc mày không khi nào muốn nhớ. Nhưng tao vẫn thắc mắc hoài... hồi

đó mày đã bỏ gia đình đi vào Saigon, mày đem theo khá tiền để có thể sống cho đến ngày tìm ra việc làm, mày cũng không phải là thằng yếu đuối hay nhút nhát gì, vậy mà... tại sao mày lại trở về ?

Giọng nói của Đình không mang những nét đùa cợt như thường lệ, hắn nói mơ màng như kể chuyện cổ tích, nhất là khi có những tiếng gió của hàng lá dừa và sóng biển hòa hợp chung quanh.

— Hồi đó tao trở về, cả thành phố này, trường học gia đình khinh bỉ tao như một con chó. Cái thằng Đình huynh hoang tuyên bố trước khi đi là sẽ chỉ trở về như một ông vua hoặc chịu chết dọc đường. Tao đã thề sẽ trở về khi có đủ quyền bắn chết thằng dượng ghẻ của tao mà không ai dám thừa kiện, đủ tiền bạc để nhét đầy túi bà má người yêu của tao, để bà cho tao ngủ với con gái bà một đêm, để đưa con gái nhờ tao mà biết yêu lần đầu không quay mặt với tao, bỗng dưng đi lấy một thằng làm nghề thầu khoán... nhưng rồi tao đã trở về với hai bàn tay còn trắng hơn lúc ra đi, sau khi đã tiêu xài hết trơn, đến nỗi phải viết thư cho má tao bảo bà gửi tiền mua giấy xe đò. Trở về nhục nhã, thằng dượng ghẻ nói bóng nói gió, bà con chửi mắng xúi má tao từ tao đi, và má tao thì khóc suốt ngày. Rồi tao làm thằng học trò trở lại nhưng nhai một chữ cũng không vô, suốt ngày la cà ở các Bar tán tỉnh và xin tiền mấy con gái điếm.

Đình bỗng nắm lấy áo tôi, đôi mắt

hắn cố nhướng lên nhưng mí mắt vẫn sụp xuống với một vẻ điên cuồng dữ dội.

— Lạc, nếu có thằng nào bây giờ định bỏ nhà ra đi, thì thằng đó là tao chứ không phải là mày, nghe chưa ?

Tôi vẫn giữ bình tĩnh và tiếp tục nói ra những lời tàn nhẫn có thể làm đau đớn thằng bạn thân nhất của tôi, nhưng tôi không thể nín được, bởi vì tôi khát khao vô cùng muốn biết tại sao cái thằng Đình cứ rần rần và có tài xoay xở ấy mà cũng phải đầu hàng nửa chừng, cũng phải hèn nhát quay về mái nhà hắn ghê tởm.

— Tại sao ? Tại cái thành phố ấy xa lạ với tao quá. Nó xem tao như con số không. Phải có nhiều tiền mới có thể làm quen với thành phố đó, nếu không mày chỉ là một thằng ngỗ ngáo, một thằng thừa thãi, một thằng cô đơn vô cùng ở một nơi đầy nhóc bọn triệu phú và quyền thế. Cái bọn ấy sống chung với nhau, có những trò vui đặc biệt dành riêng cho chúng, ngủ dễ dàng, với những con nữ sinh còn trinh đẹp ngất trời mà thứ như mày hay tao không dám đụng đến tà áo. Tao không thể sống an phận được. Tao thêm thường được như tụi nó, được gia nhập vào cái thế giới ăn chơi của thành phố, nhưng không thể được, phải có vây cánh, phải biết lừa lọc, phải vô liêm sỉ mới ngóc đầu lên được ở thành phố đó.

— Ai bảo mày tham lam làm gì ? Mày cứ sống yên phận mày đi.

— Không thể được Lạc ơi, ở đó

không ai cho mày sống yên phận được. Người ta tranh dành chen lấn nhau hằng ngày chung quanh mày, mày có muốn ngồi yên cũng bị thúc hối sau lưng, ở đó chỉ có một khẩu hiệu là làm ra tiền thật nhiều, có giàu mới được người khác kính trọng.

Và tao dần dần thấy mình chỉ là một anh nhà quê lỗ bịch, không có ai làm bạn, áo quần bẩn hơn một thằng bồi khách sạn. Mày nghĩ tao phải làm sao bây giờ, ngoài cách cầm đầu tiêu xài như rác trong vài tuần và chỉ vài tuần là sạch túi. Saigon là một cái máy hút tiền mày ạ, ở đó nếu mày không tiền thì mày đi hỏi cưới đảng hoàng một em mari-sen cũng không thêm lấy.

Đình nói say sưa không biết mệt, hắn có vẻ căm thù và sợ hãi cái thành phố mà trước đây hắn đến đó mang theo biết bao nhiêu mơ mộng vĩ đại. Tôi lắng nghe hắn nói, trong âm thanh cuồng nộ đầy mùi rượu bia say sưa tôi vẫn tin tưởng được phần nào nhận xét của Đình. Hắn tiếp tục :

— Rốt cuộc là tao phải trở về đây, ở cái tỉnh lẻ chó chết này vẫn thấy dễ chịu hơn, không điên cuồng và lo kiếm tiền cho lắm. Ở đây tao có được vài trăm là vui rồi, đủ phóng chiếc xe lượn vài vòng thành phố, xem xi-nê, vào quán uống một chai la-de hay lại rủ mày đi đánh vài ván bi-da, như thế cũng đủ sung sướng chán rồi. Thành phố này cũng không có trò vui nào hấp dẫn cả nên hết tiền là có thể yên lòng nằm nhà.

— Tao không thể ở nhà mà thấy yên bình được.

— Đúng, gia đình đối với tao là một địa ngục, nhưng địa ngục cũng không kinh khủng bằng cô đơn đâu. Mà cứ vào Saigon đi, rồi mày sẽ có những lúc cô đơn muốn tự tử được.

Đình rót thêm bia vào ly, chai bia chỉ chảy ra vài giọt vàng óng rơi trên mặt bàn, hấn vừa ngáp vừa kêu mấy cô ả trong quán đem ra thêm vài chai. Đình rất mạnh rượu, nhưng đêm nay tôi biết hấn sẽ say dù không uống nhiều, gọi đến những kỷ niệm trong tâm hồn đã làm hấn yếu ớt như một cây lau sậy, và hấn sẽ gục ngã trước khi về đến nhà. Tôi cũng muốn uống thật say, nhưng gió ngoài biển thổi vào làm người tôi thấm lạnh nên tôi không thể uống nhiều, tôi cũng muốn còn tỉnh táo để đưa Đình về như một cách xin lỗi đã làm khuấy động đời sống bao lâu nay vui đùa không hề lo nghĩ của hấn.

Đình không bao giờ im lặng nữa. Lời nói của hấn theo đường rượu chảy vào, tuôn trào ra như bọt bia :

— Lạc ơi, mày sẽ không bao giờ bỏ đi đâu, có đi rồi mày cũng phải bò về. Mày đừng tưởng mày là thằng giỏi chịu đựng. Tao biết tính mày, mày yếu đuối và lẳng mạn như một đứa trẻ con... Mày yêu nhiều thứ quá. Yêu gia đình, yêu chữ nghĩa, yêu con gái, yêu nhạc, yêu đời sống nhân hạ, mày gần như yêu tất cả cái gì đẹp đẽ, nhưng như thế mày không sống sót được giữa bọn người của thành phố quay cuồng ấy. Ở đó

mày phải tập yêu những cái xấu xa mới thành công được. Thành phố ấy không có một chỗ nào cho mày đâu nó sẽ tổng cổ mày ra khỏi hoặc giết chết mày trong đó.

Đình gục đầu trên bàn, bấn cứ lải nhải mãi cái câu : «Lạc ơi, mày không bao giờ đi đâu hết. «Đêm đã khuya, khách hàng đã về hết, những quán bên cạnh đã tắt đèn và chỉ» có quán này còn mở cửa. Hình như tôi và Đình là hai người khách cuối cùng trên bãi biển đêm nay. Đình đã uống hơn mười chai bia, hấn không thể đi xe gắn máy về nhà hấn ở xa đây được. Tôi đề nghị với bà chủ quán cho gọi lại chiếc xe gắn máy ngày mai sẽ đến lấy. Bà chủ phải ưng thuận sau khi tôi đưa thêm năm chục đồng và Đình dương ha mắt đỏ ngầu ra dọa nạt. Tôi dìu Đình lết trên bãi cát để ra gần biển hơn, từ đó đi một quãng ngắn về phía Hải cảng là đến nhà tôi. Đình gục đầu xuống bãi cát, bước chân hấn ngoằn ngoèo như người không xương và nước bọt chảy thành dòng từ miệng, nhưng hấn cứ lè nhè nói mãi ! «Lạc ơi, ở đó không có chỗ nào cho mày đâu. «Tôi đã mệt đừ người và muốn lăn ra bãi cát này ngủ một giấc đến sáng. Tôi bức bối gắt lên.

— Im đi, chốc nữa về nhà mày còn làm ồn vậy là má tao thức dậy liền.

Đình sợ hãi :

— Thôi tao không về nhà mày đâu, bà má này ghét tao lắm bà giận tao vì tao rủ mày đi chơi hoài.

— Đừng lo, tội mình vào cửa sau không ai biết. Ngủ trong phòng

tao, mai đợi bà đi khỏi rồi mây chui ra.

Hình bóng của hai người soi loạng choạng trên bãi cát bóng đầy nước. Sóng biển đập ào ạt vào thật gần những bước chân của tôi làm tôi thích thú. Tôi đã nhiều năm quen thuộc với biển, bây giờ dầu là ban đêm, biển cả không còn có cái vẻ bao la bí mật như muốn chôn kín lấy tôi nữa. Biển cả chuyển động âm thầm, vang lên nhạc khúc đều đều thân mật với tôi như một tình bạn thắm thiết. Phải có nhiều năm nô đùa, lặn ngụp trong sóng biển mới thấy yêu biển như yêu một người bạn cao đẹp và trung thành. Tuy nhiên, sự chuyển động muôn đời của những làn sóng xanh thắm đập vỗ về vào bãi cát, có một vẻ an phận

và già nua lạ thường làm đôi khi tôi không thể chịu nổi.

Đình vẫn còn lấp bắp tìm những chữ đề sắp thành lời nói. Hấn nói: «Lạc ơi, mây sẽ không đi đâu cả, ở trong gia đình và tỉnh nhỏ này, người ta đã dành cho mây một chỗ tốt. Cứ ở mãi đây cho yên thân, lúc nào buồn cứ đến kiếm tao đi chơi đùa, lúc nào mây cảm thấy ghét những cuộc chơi ồn ào của tao, mây hãy đến thăm cô bạn bé nhỏ gì đó của mây,... con bé có cái tên gì đó, hình như tên nó là... My Cơ phải không?» Tôi gật đầu và nhắc lại: My Cơ. Tên gọi ấy bỗng nhiên trong đêm khuya buồn bã này, thấm vào thân thể tôi như một mũi thuốc an thần chích vào gân máu.

Tâm hồn tôi bỗng trở nên một chiếc lá chuối non mềm mại.

(Còn nữa)

HOÀNG NGỌC TUẤN

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thỉnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

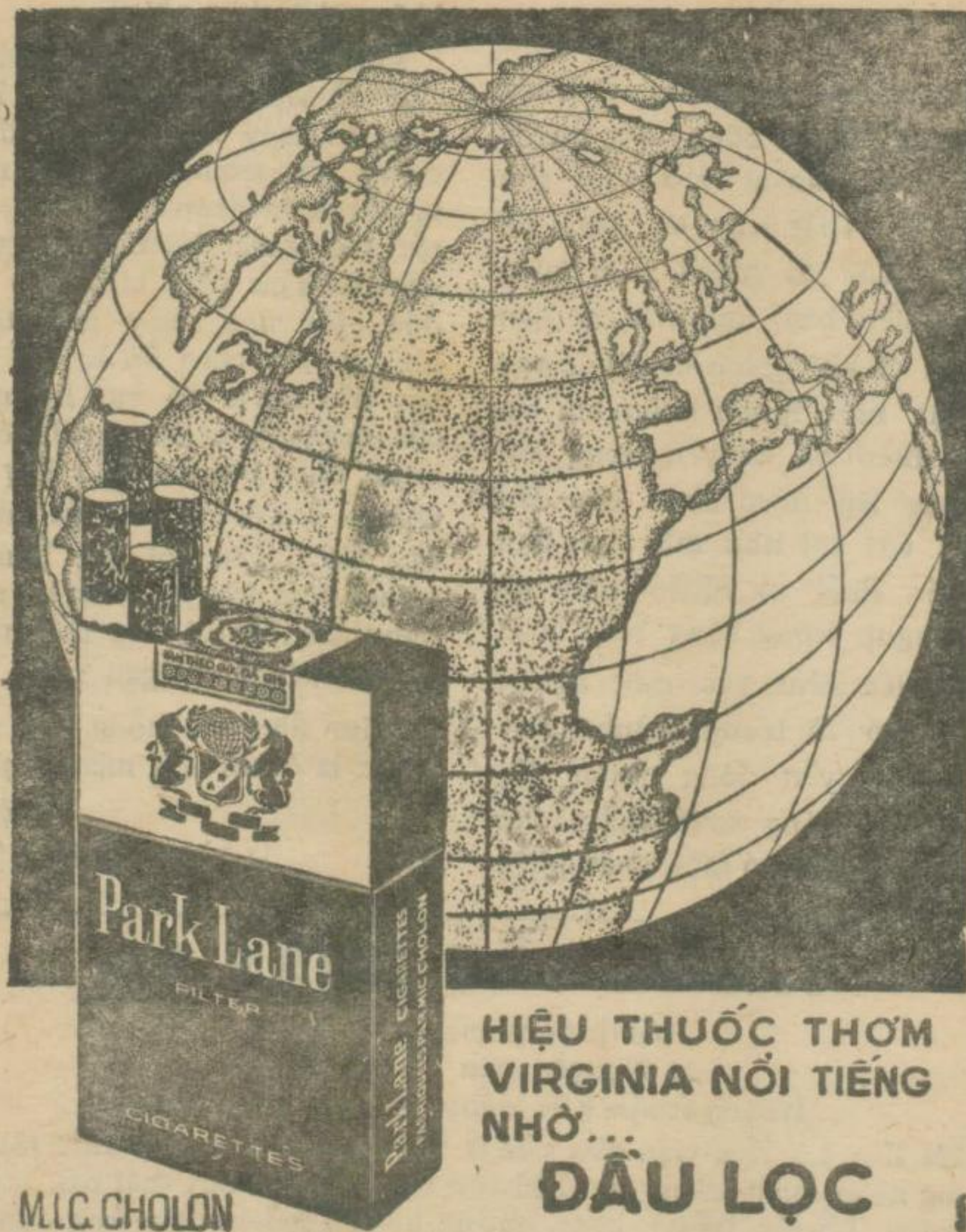
T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 1/12, 1/1 và 1/2



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bru-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Truyện của

TRẦN-HOÀI-THƯ

QUÁN BIÊN - THÙY

tặng Nguyễn ngọc Yến

Đó là một đêm trăng. Đồi 179, trọc, như một cù lao nhỏ vượt lên một đồng bằng vàng hoe rực rỡ. Con sông mùa nước lớn, màu nước phù sa, đã vàng lại càng vàng sẫm hơn, hiện dưới chân đồi, ngăn chia hai miền đất. Bên này, là những hàng rào phòng thủ, những lô cốt chìm, bay nổi, bốn phía nhỏ lên, và những giao thông hào chi chít dọc ngang. Ánh trăng đã tắm ngọn đồi bằng một màu tươi mát, tươi mát như màu da người con gái độc nhất trên ngọn đồi này - mà một người lính đã gọi đùa là quán biên thủy. Ánh trăng chảy lênh láng trên mái tóc đen huyền, và óng ả chảy suốt đôi má, khiến đôi má đã đen lại càng đen đến độ sâu thẳm. Những người lính đã không nhìn rõ hai vệt thẳm ấy. Có chút gì thê thiết mời gọi, lẫn một chút u buồn dâng lên từ đôi mắt mơ hồ kia. Nàng đang hát. Nàng đang đứng giữa đám lính xa nhà xa cửa, tóc râu mọc đầy, áo quần rách rưới. Nàng đang chơi vơi trong ánh trăng của một đêm rằm. Lời ca của nàng, phút đầu vẫn còn run, nhưng về sau, nó như vút bay lên tận trời cao, ràn rụa những vì tinh tú, mờ nhạt cả những gương mặt đen đúa, như đám dã thú. Những bóng người ngồi bất động, nín thở. Những cánh tay dễ chừng không cử động; những cặp chân cũng không đổi thế. Tiếng hát đang chảy, đang len vào máu, da thịt, vào tận con tim họ, mọc từng nổi buồn, từng giọt lệ xanh, từng phiền đau thương, hay từng lời tình tự. Tiếng hát cuống quýt vút bay lên,

hay lắng đọng xuống một cỗi của một đời thanh xuân lặn đạn. Ở đó, ở đây, ở chiến trường, hay ở trong phạm vi những hàng rào dây kẽm, tiếng hát gọi mời từng rồi yêu thương, nhắc nhở từng hình từng bóng, lắng những giọt lệ, hay vương vít từng nỗi nhớ nhà... Một trăm gương mặt, một trăm đôi mắt. Những đôi mắt mở to lên, những đôi mắt nhắm lại. Những đôi mắt nhìn vào cỗi đêm sâu, như thấy lại mái nhà, ngọn đèn dầu hỏa, như thấy lại từng tiếng cười của lũ con thơ, hay nỗi u hoài vàng vổ của người vợ yêu dấu. Tiếng hát làm những đôi mắt nhìn xuống mặt đồi, tìm trên ấy, những ngày tháng của gian khổ, của nước mắt mồ hôi, của những gương mặt bạn bè đồng đội, bay đi biên biệt.

Chỉ có gió, những cơn gió của một đêm trên quán biên thủy, là đang đùa trên mái tóc, xào xạc một âm thanh kỳ bí u uất trong cỗi thẳm u.

Đó là một đêm trăng. Người con gái đó, đang ngồi giữa một vòng tròn người. Nàng đang mang thành thị, những ngọn đèn vàng những đêm bình an, những buổi sáng chiều, tung tăng cắp sách như một con chim về giúp vui đám lính thú. Nàng lại đứng dậy, bé nhỏ trong bộ đồ dù hoa của người anh—chỉ huy đơn vị. Rồi nàng lại tiếp tục hát khi trên bầu trời cao và trong suốt, con trăng đã từ từ chuyển dịch. Đám lính vỗ tay dồn dập khi bài ca dứt. Nàng cúi đầu xuống. *Hát thêm nữa, cô Oanh. Hát*

thêm nữa, cô gái của Sơn ca... Họa mi hát cho chúng tôi nghe thêm nữa đi... Những tiếng *bis, bis*, lại vang động cả ngọn đồi mông quanh. Nàng lặng đi, và những giọt lệ bỗng nhiên ràn rụa trong mắt nàng. Những giọt lệ long lanh, chứa đựng một nỗi xúc động vô bờ. Trước mắt nàng, tất cả như nhạt nhòa trong ánh trăng xanh và có lúc nàng thấy trên gương mặt của một vài người lính trẻ, một cái gì vô cùng thương xót... Những chiếc đầu lắc lư nghiêng ngửa. Người lính già ngẩng mặt lên, lộ chiếc miệng, hàm răng rụng. Những mái tóc bỗng bành, những đôi giày há mồm, những đôi mắt u ầu. Nàng lại hát lên.. Hát, hát mãi, Hát, cho những người vợ chờ, những cha già mẹ yếu, hát cho tuổi thanh xuân, lặn dần; hát cho tình yêu và sự ngăn cách. Hát cho một mặt trận và một người vừa ra đi. Trăng vẫn sáng, mái tóc nàng vàng đi, óng ả vô cùng. Nàng vừa hát, vừa khóc.

— Thôi chứ, nó khóc rồi. Các bạn tha cho nó đi. Người anh của người con gái đã đứng dậy, nói lớn :

— Bây giờ, anh em nào tình nguyện ca giúp vui, thì xung phong ra.

Đám lính bắt đầu lao xao như một đàn ong vỡ tổ. Những tiếng cười khúc khích.

— Hạ sĩ Đến, hạ sĩ Đến ra mau lên.

— Hạ sĩ Đến, còn ngại ngần gì nữa.

— Thằng Đến sắp ra đó. Cho một tràng pháo tay đi.

— Cô Oanh đang đợi kia kia... Nó có biệt tài hát bội Bình Định, hò Huế...

Đến vẫn ngồi, dễ chừng không muốn chịu ra sân. Hắn vẫn còn ngượng. Tiếng dục của đám bạn lại nổi lên :

— Lính mà ! Sao lại nhát gan vậy.

— Cho một tràng pháo tay đi, anh em.

Một tràng pháo tay lại vang lên, như một hồi thúc quân ra trận. Hạ sĩ Đến vẫn còn rủa :

— Quỉ mà. Ai mà biết hát.

— Ra đi, đại diện anh em, kéo Họa mi khinh bọn mình không chịu chơi.

Bây giờ, hạ sĩ Đến mới đứng dậy. Hắn chờ đợi tiếng vỗ tay dứt, rồi cúi đầu nói :

— Thưa Thiếu úy Đại-đội-trưởng, thưa cô Oanh... Tiếng la lại nổi lên. Đến không dám nhìn mặt người con gái. Nhưng hắn bỗng nhiên xúc động, khi nghĩ rằng, đôi mắt nàng đang nhìn mình đắm đắm. Hắn nói lắp bắp :

— Anh em bắt tôi hát. Tôi xin hát, trước tặng cô Oanh, sau tặng anh em.

Lại có tiếng la.

— Đứng đấy. Riêng tặng cô Oanh, em gái đại đội-trưởng.

Đến không phản-ứng. Hắn bắt đầu nhìn lên bầu trời cao, vầng trán nhăn lại, như thể suy nghĩ về một bài hát sắp sửa.

— Tôi xin hát bài « Bông cỏ may... »

Tiếng vỗ tay lại dòn dả. Một người lính trẻ, hạ sĩ Cầm đứng dậy, nói như hét :

— Để tôi giới thiệu cùng anh em. Ca sĩ Văn-Đến, ý quên, ca sĩ Hữu-Đến, biệt danh ca sĩ bài chòi Bình-Định sẽ giúp vui cùng chúng ta đêm nay với bài ca Bông cỏ may !

Đến cúi đầu xuống, lấy giọng, và Đến bắt đầu hát. Giọng Đến trầm, lại buồn man mác. Đôi lúc Đến lại run đi, giọng hát trở nên cuống quýt. Đôi khi đôi mắt hắn nhìn lên những vì sao mọc trên bầu trời cao. Đến nghĩ đến những ngày xưa, bên người yêu bé nhỏ, những đám ruộng lúa trổ đồng đồng, và khoảng thính không còn vương mùi hương hoa dại. Người lính trẻ có giọng hát truyền cảm lạ lùng.

Nhưng lời ca vẫn còn một chút quê mùa, chất phác. Những ngày chưa nhập ngũ, anh hay dắt em dzề vùng ngoại ô có cỏ bông may. Đối với Đến, bây giờ, chỉ có một người trai quê mùa, vác cuốc, vác cày, nổi lên, giữa vùng trời mông quạnh. Và những con chim sáo sậu, chào mào riu rít trên những khóm bông lau, hay những chòm hoa gạo, hoa khế. Ở đó, Tươi, gánh nước từ bên sông trở về, chiếc áo nâu nổi lên trên con đường đê đất trâu, giữa hàng thầu đầu, đầy trái. Đến không ngăn xúc cảm, và cả tâm hồn của hắn bây giờ chao lạnh. Có phải ngày đó, Tươi như một người nữ đầu tiên đến trong con tim của hắn. Tươi mắc cở, then thùng, Tươi cuống quýt, chơi vơi trong những lần gặp gỡ, trong những câu hò, câu đối xa xôi, hay trong những lần hò hẹn ở ngôi am, ngôi đình hoang vắng. Đến, bỗng dưng nhớ đến những câu hò ví von, chan chứa nỗi lòng ấy. Và cuối cùng, như một nỗi xúc động vô biên, Đến quên cả lời hát của một bản nhạc thịnh hành. Đến quên cả cỏ bông may, quên cả trại nhập ngũ, quên cả ngoại ô, quên cả đêm vắng... Đến đứng sững một giây phút, và lấp bắp, bào chữa :

— Tôi quên rồi. Thôi tôi hò vậy. Tôi hò điệu hò của quê hương tôi, của xứ Huế tôi. Tôi riêng tặng cô Oanh, điệu hò mà ở Saigon, chắc cô chưa hề nghe...

Người con gái, bây giờ đã ngồi cạnh người thiếu úy, anh ruột của mình. Nàng chớp mắt, cảm động. Nàng hỏi người anh :

— Không ngờ anh đó có tâm hồn nghệ sĩ nhiều vậy. Xem ảnh đen, chắc anh đánh giặc chì lắm.

— Ừ, nó nghệ sĩ lắm. Trong đơn vị, nó là danh ca số một cơ đấy.

Đến đã bắt đầu hò, Điệu hò Nam-

bình của quê hương nào xa vời đây quá sức. Giọng Đến, trầm và buồn :

Nước non ngàn dặm ra đi

Mối tình chi !

Mượn màu son phấn

Đền nợ Ô Ly

Xót thay vì,

đương độ xuân thì

Số lao đao hay là duyên nợ gì ?

Má hồng da tuyết

Cũng như liễu hoa tàn trăng khuyết

Vàng lộn theo chì

*Khúc ly ca, sao còn mừng tượng
nghe gì*

Thấy chim hồng nhạn bay đi

Tình lai láng

.

Cuộc sinh hoạt đã chấm dứt khi gọi đổi gát và ông già đốc canh vào ca thứ hai trong đêm. Sân đồi trở nên yên tĩnh sau sự xuất hiện vô tình của con chim họa mi từ thành phố bay lại. Mấy giờ hết hò, gân cổ nổi lên, phùng miệng, hát, vỗ tay dồn dập, hay bất động khi tiếng hát trở về, như đồ dành từng nỗi phiền muộn, như quyến luyến trên từng sợi tóc nhớ nhung. Và bây giờ, chỉ còn con trăng cô độc giữa bầu trời trong suốt, đang rọi ánh sáng xuống ngọn đồi 179. Đồi 179, người Thiếu úy đại-đội-trưởng đã đặt tên là *quán biên thủy* : Quán của những thằng lưu đây một cỏi quán của Cà mau, Lục tỉnh, Hậu giang, sông Vàm cỏ, hay xuôi về Bình-Trị-Thiên, tiếng hò Nam bình, Nam ai ; quán của Vạn An, Vạn Phú, của Nhà quê, thành thị, lưu lạc ba năm trấn thủ lưu đồn... Trong một lá thư gửi cho cô em gái, viên thiếu úy viết :

«... Nếu em ra, thì đánh điện tin cho anh. Anh sẽ liên lạc với hậu cứ trung đoàn, tiểu đoàn, đề xin trực

thăng chở em về quán biên thủy này. Em sẽ ở lại quán một đêm, nhớ là một đêm thôi. Em sẽ có nhiều kỷ niệm để trở về, và nhất là có thể khoe khoang cùng các cô bạn gái của em. Đán lẽ, anh không cho em đi. Nhà binh, quân đội, và nhất là ở chỗ hiểm nguy này, không mấy tốt cho một cô gái xinh đẹp như em. Nhưng anh đã chiu lòng em rồi đó. Em hãy mang tất cả Sài Gòn ra đây, ra đây một đêm thôi đấy »,

..

Lần đầu tiên, phải ở một nơi xa lạ, đây đây những nỗi sửa soạn âm thầm, Oanh đâm ra lo âu, sợ hãi. Trong nỗi lo âu, sợ hãi đó, Oanh lại càng thương mến đám dã thú cô độc của quán biên thủy. Nàng đã nhận ra những điều nàng chưa nhận ra, và đến đây nàng lại thấy cuộc sống của mình lại càng hạnh phúc hơn bao giờ. Nàng vẫn có những buổi chiều cỡi Honda lướt phố, những hoàng hôn khoe áo đẹp, và những đêm mơ mộng bình an. Nàng chưa bao giờ nghe rõ tiếng đạn câu đi trong đêm tối, và thấy rõ những trái hỏa châu đang từ từ chết dần sau những dãy núi biên cương. Nàng cũng chưa bao giờ nhận ra cõi mịt mùng ghê sợ, mà những nỗi bất trắc hiểm nguy đang chờ đợi dưới chân đồi này. Đó là gì, nàng đã thấy rõ ở từng gương mặt của mỗi người lính thú. Từ người lính già, há miệng nhìn nàng ca, đến người lính trẻ đốt thuốc ngồi xếp bằng bất động. Nàng đã thấy rõ, cõi địa ngục, và cõi lưu đày, sự bình an và nỗi chết chóc. Trong lần gặp mặt bất ngờ đó, nàng đã phải khóc, khóc thật tình. Nàng chỉ ao ước trở thành con chim bé nhỏ, mang niềm vui đơn sơ dẫn đi cho đám lính. Nếu ta có đôi cánh thiên thần nhỉ? nàng hơi bâng khuâng nhìn lên mặt hầm. Khung hầm để hở,

và ánh trăng đã chiếu qua, sáng lóa cả giương trần. Người anh nàng đã ngủ. Nàng nghe tiếng ngáy của anh nàng đều đều từ bên kia giường sắt. Chiếc đèn thấp bằng pin, le lói, chiếu một phần những máy truyền tin. Tiếng máy sõi hòa lẫn tiếng gọi, tiếng đối thoại bất chợt, như thể đưa nàng vào một nỗi lo âu khác. Đó là những người lính được tung ra trong đêm tối, đang âm thầm ở dưới đồng bằng kia, đang khổ cực chờ đợi kia. [Ánh trăng hôn trên mắt nàng, mát lạnh. Nàng tự đứng trở dậy, bước ra khỏi hầm, và thông dong đi trên bờ cát

SÁCH SÁNG TẠO

Ba tác phẩm một niềm tin

Đọc:

TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG

của Doãn Quốc Sỹ

- *Ca dao nhi đồng*
- *Ngụ ngôn*
- *Thần thoại Ấn độ*
- *Thần thoại Việt Nam và Trung Hoa*

để giữ niềm tin tươi mát của tuổi ấu thơ.

Đọc :

SỨC MẤY

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

để luyện một niềm tin sắt đá mà nhịp nhàng uyển chuyển của bốn mùa luân lưu.

Đọc :

VÀO THIÊN tập giai thoại tùy bút của Doãn Quốc Sỹ

để giữ cho niềm tin bất biến như ngọc thiên trên núi mà màu vẫn nhuận, sen nở trong lò mà sắc thường tươi.

sỏi. Bóng nàng đổ xuống sân một vệt dài. Nàng cảm thấy lạnh. Sương long lạnh trên những cọc sắt. Ngọn đồi rực rỡ, và dưới kia, đồng bằng đang ngủ dưới ánh trăng. Giòng sông đang luồn dưới hàng cây rậm, lộ một bãi cát vàng xa lấp khi sông chảy về miền Đông, mất hút. Nàng khép chặt tay, cổ sườn ớn lạnh. Những ngọn gió đêm mang theo hơi rét ở miền cao, như len vào da nàng, lắng lại đỏ tê tái. Nàng đi một hình một bóng. Nhưng mắt nàng đã nhận ra người lính trẻ kia. Người ca sĩ có giọng hò miền Trung buồn thê thiết kia. Người có giọng hát trầm và ấm kia. Anh ta đang ngồi bất động trên lô cốt phòng thủ. Nhờ ánh trăng, nàng thấy rõ mái tóc phủ bóng bênh, chiếc vai chịu đựng và một phần chiếc lưng cao lêu bêu giữa lưng trời ngập sáng. Như một động lực vô thức, nàng tiến lại người lính canh. Nhưng nàng vấp phải một giao thông hào, và nàng ngã xuống, chới vơi. Người lính la lên ; Cô... và nhảy ào xuống. Hắn đưa tay kéo nàng lên, giọng hắn ấm :

— Đau không cô. Để tôi vào lấy dầu xoa nhé. Nàng cười gượng, nghe hơi ấm từ cánh tay người con trai truyền đi trong máu :

— Không sao anh. Tại em sơ ý không nhìn xuống đất.

Đến vẫn còn ngờ vực và lo lắng.

— Cô không đau thật sao ? Tôi vào lấy dầu, kéo mai không trở về được đâu.

Nàng cười khe khẽ : Nhè nhẹ thôi. Bây giờ hết rồi.

Bỗng nàng nhìn lên con trăng sáng. Khuôn mặt nàng lai láng, rạng rỡ trong đôi mắt : Anh Đến gác phải không ?

— Vâng, tui gác. Ca giữa. 12 giờ đến 2 giờ sáng.

— Các anh khổ ghê, giờ này, bọn em đã ngủ yên rồi.

— Thì biết làm sao chứ, thưa cô. Một lát, người lính trẻ hỏi :

— Cô là em ruột của thiếu úy Đại-đội-trưởng !

— Vâng, em là em ruột.

— Cô cũng gan đấy. Thân gái dám ra cái quán Biên Thùy này. Cô không sợ nguy hiểm sao ?

Nàng cúi đầu nhìn hàng rào dây kẽm lượn quanh dưới chân đồi.

— Tại sao lại gọi quán Biên Thùy, hở anh Đến.

Người lính trẻ cười :

— Thì ở đây, buồn quá, nên bọn tôi mới đặt tên như vậy. Nhất là thiếu úy Đại-đội-trưởng là một nhà thơ. Cô xem, ngọn đồi này như một nơi lưu đầy xa xôi nhất cho bọn lính thú chúng tôi. Muốn đến đây, phải dùng trục thẳng, muốn tiếp tế phải dùng trục thẳng. Cái gì cũng nhờ trục thẳng hết. Cô xem, dưới đó, đồng

Đọc một lần, nhớ suốt đời

cuốn truyện dí dỏm, vui tươi :

SĂN CHỒNG

của văn hào O. HENRY,

TRIẾT CHI dịch

hàng, nhà cửa có vẻ yên ổn không? Nhưng thực sự hề xuống đó là có chuyện, không đụng ít thì đụng nhiều.

— Ghê quá hử anh? Nay anh Đến.

— Dạ, cò hỏi gì?

— Anh hát hay ghê đi.

— Đầu có gì.

— Nay anh Đến.

— Dạ.

— Anh đi lính lâu chưa?

— Dạ hai năm.

— Anh có vợ chưa.

— Chưa cô à!

— Có người yêu chưa anh Đến?

Đến cúi đầu cuống quýt. Người con gái cười rộ:

— Em hỏi thiệt anh đó.

— Có, nhưng xa nhau lâu rồi.

— Cô ấy bây giờ ở đâu?

— Tôi không biết nữa. Để chừng hai năm tôi không về nhà. Quê tôi bị tàn phá hết. Người ta cũng tản cư lên xã hay lên quận hết cả rồi. Còn Tôi...

Nhưng hắn không can đảm nói hết. Người con gái đêm nay đã khơi cái mồ dĩ vãng của hắn dậy. Đó là những gì mà hắn đã cố quên lãng. Người con gái mặc áo nâu gánh đôi thùng nước mềm mại từ bến sông trở về, bóng hình lướt thướt trong ánh chiều, khi những con chim chào mào gọi

nhau riu rít trên chòm hoa gạo đỏ. Đó là những lần hẹn hò, người con trai ngồi sau bờ mả vôi, chờ phiên chợ tan hay một chuyến đò trở lại. Mắt Đến mơ hồ như một hình bóng ngọt ngào lúp xúp giữa cánh đồng lúa vàng bát ngát như một niềm thân yêu nhất của một đời con trai... Rồi bom đạn, rồi chiến tranh, rồi tàu bay, tàu bò, rồi giải phóng, quốc gia, rồi người lên biên khu, người về mặt trận. Trăm đứa con trai, trăm đứa già từ. Trăm đứa con gái, trăm đứa già từ. Tất cả ra đi, khi bom đạn trút đẳng sau làng xóm quê hương, ngút ngàn lửa cháy... Tôi cũng ra đi, Đến cũng ra đi... Cũng như anh Hai, anh Ba, cũng như cậu Tám, O Lại... Tôi lên thành, làm bồi cho Mỹ, Tôi mập va trắng. Tôi mặc quần trắng mỏng, đánh móng tay đỏ chót. Tôi ngồi trên xe Jeep, hơn hử tôi cười... Tôi ơi...

— Em xin lỗi anh, anh Đến. Chắc anh có tâm sự gì u uẩn lắm. Em không biết.

— Không — Đến nói cuống quýt và cười gượng — Không, đâu có gì đâu, mà cô Oanh xin lỗi... ư, ước gì cô Oanh ở đây mãi với chúng tôi, hát cho chúng tôi nghe, thì vui biết mấy...

— Em ở đây, sợ các anh chịu

VÒNG ĐAI XANH

Tiểu thuyết gây chấn động của NGÔ THẾ VINH

Bìa Nghiêu Đề

Thái-Độ xuất bản

Đã phát hành trên toàn quốc

không nổi. Em phá lắm. Anh Đông cũng phải sợ.

— Cái đó bọn này không ngán. Nhưng sợ đêm bị pháo kích, cô lại đòi về, đòi cho được về... Đánh giặc chỉ dành cho bọn đàn ông, con trai. Con gái ở nhà đi chợ...

— Bộ anh khinh bọn này hả?

— Sự thực là thế, cô thấy không, đàn ông con trai khổ chưa... Cô xem, ở bên kia sông, những người bạn tôi nằm ở đó. Đêm nay, trời đẹp. Chứ những đêm mưa thì thẳng nào thẳng nấy ướt như chuột lột, cầm súng cũng không nổi nữa...

— Ừ nhỉ. Đêm nay, thật đẹp, anh Đến nhỉ.

— Vâng, đêm trăng có khác.

— Có khi nào anh nhìn trăng anh nhớ nhà không?

— Đôi khi. Nhớ đến khóc.

— Em chịu không nổi đâu.

Đến nhìn người con gái: Xem cô run rồi. Áo ấm của tôi, cô Oanh mang đỡ lạnh.

Đến thật thà cởi áo ấm trao cho người con gái. Oanh, trao đôi mắt, như hai vì sao long lanh, gợi cảm:

— Em cảm ơn anh, anh không lạnh à?

— Quen rồi cô. Trên đời này hai năm, tôi biết gió đêm mùa nào lạnh,

mùa nào mát, mùa nào lạnh...

— Phục anh ghê.

— Như gió bây giờ là gió heo may.. Buổi sáng, thì gió Nam, và buổi trưa đến buổi chiều là gió Nồm. gió Nam thì khô lắm. Đất cát bay lên ào ào, đâm chi chít vào da thịt.

Anh tài ghê. Anh xem trăng đã lặn vào mây rồi.

Hai người ngược lên. Đến bắt gặp khuôn mặt người con gái đầy tươi sáng. Mái tóc của nàng phủ xuống bờ vai tròn lửng, óng ánh một phần màu tối thẫm của giòng suối... Đến lại nghe rõ hơi nóng từ thân thể người con gái toát ra, và trong một giây phút xúc động, Đến nghe con tim mình vô cớ đập thình thịch. Đến lắc đầu nói:

— Cô Oanh đi vào ngủ đi. Để mai lên đường sớm.

— Em chưa buồn ngủ. Em muốn đêm nay thức suốt đêm. Cả đời em, chưa bao giờ bắt gặp một đêm trăng đẹp như thế này.

— Ở Saigon không đẹp, sao cô Oanh?

— Làm gì đẹp bằng ở quán biên thùy này. Ở Saigon chỉ có lầu cao chót vót, xe cộ như khung cửi, hít toàn mùi khói xe, và nghe toàn tiếng còi ré...

— Tôi cũng vậy. Riêng đêm nay, tôi

ĐÓN ĐỌC:

Một ngày của Ivan Denisovitch

của Alexander Solzenitsyn Giải Nobel 1970

Bản dịch của NGUYỄN-MINH-HOÀNG

TRÍ-ĐĂNG xuất bản

cũng nghĩ là đêm trăng đẹp nhất đời tôi. Cô Oanh không biết, ở làng tôi ngày thái bình vui lắm. Đêm trăng dàn làng giả gạo. Tôi hò để giúp vui họ làm việc... Tôi hò có tiếng ở làng đó.

— Anh hò thật hay, Nhưng buồn quá...

Đền nhìn lên đôi mắt nàng: Thôi, cô vào ngủ đi. Sương xuống nhiều rồi. Người con gái nói khe khẽ:

— Mai em đi rồi, chúc anh ở lại bình an, Và nàng bước trở lại. Nàng ngần ngợ như vừa đánh mất một cái gì thân yêu nhất. Khi bước qua giao thông hào, nàng lại sụp ngã. Đến lại nhẩy xuống, đưa bàn tay rắn chắc của mình cho người con gái vịn. Người con gái yếu lả, buông cả thân thể mềm mại của nàng vào lòng người lính trẻ. Không dằn nổi cơn xúc động. Đến ôm chặt nàng vào lòng

minh và hôn ràn rụa trên môi nàng. Oanh chỉ kháng cự yếu đuối, rồi nói trong hơi thở:

— Mai em về, anh ở lại bình an. Chừng nào về Saigon, nhớ thăm em, anh Đến.

.

Điện tín: Người nhận: Trịnh Thục Oanh. Saigon.

Tôi về Saigon ngày mai. Stop. Tôi đón Oanh ở cổng trường. Stop. Đến Quán Biên Thùy.

Điện tín: Người nhận: Trịnh Thục Oanh. Saigon

Anh Đông tử trận. Stop. Thành thật chia buồn cùng lang quyến. Đến cũng tử trận khi đi tìm xác anh Đông. Stop. Thành thật chia buồn cùng cô Oanh Stop. Quán Biên Thùy

TRẦN HOÀI THU

NT 22-10-70

1895 Quyền tự vị Việt Nam đầu tiên ra đời, ấy là bộ ĐẠİ NAM QUỐC ẨM TỰ VỊ của Huỳnh tịnh Paulus Của.

1937 Quyền VIỆT NAM TỰ ĐIỂN của HỘI KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC đã ấn hành xong.

1970 Nhà sách Khai Trí cho xuất bản bộ:

TỰ - ĐIỂN VIỆT - NAM

đầy đủ nhất hiện nay, do ông LÊ VĂN ĐỨC và một nhóm văn hữu Việt Nam soạn trên mười năm nay, và ấn loát ròng rã trong ba năm, ông LÊ NGỌC TRỤ hiệu đính, dày trên 2.000 trang, khổ to, in toàn trên giấy trắng hảo hạng, đóng làm hai quyển.

Bán tại: Nhà sách KHAI TRÍ 62, Lê Lợi SAIGON

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

120 Nguyễn-Lâm—Cholon

SÁCH IN NĂM 1970

- | | |
|---|-------------------------------|
| — <i>Phong-trào Duy-Tân</i> | Nguyễn-văn-Xuân |
| — <i>Xứ Trầm-Hương</i> | Quách-Tấn |
| — <i>Heidegger trước sự phá sản
của Tư-Tưởng Tây-Phương</i> | Lê-Tôn-Nghiêm |
| — <i>Lúa Sạ Miền Nam (thơ)</i> | Kiên-Giang |
| — <i>Cầm Ca Việt-Nam</i> | Toan Ánh |
| — <i>Hải Đảo Thần Tiên</i> | Đặng-Trần-Huân (dịch) |
| — <i>Đạo Phật Ngày Nay Mai</i> | Nhất-Hạnh |
| — <i>Sử ký của Tư-Mã-Thiên</i> | Giản-Chi và
Nguyễn-Hiến-Lê |
| — <i>Nhánh rong phiêu bạt</i> | Võ-Hồng |
| — <i>Chứng Đạo Ca của Huyền Giác</i> | Trúc-Thiên
(giới thiệu) |

SÁCH TÁI BẢN NĂM 1970

- | | |
|--|---------------------------|
| — <i>Chắp tay nguyện cầu
cho Bồ-câu trắng hiện (thơ)</i> | Nhất-Hạnh |
| — <i>Nói với tuổi 20</i> | — |
| — <i>Bông Hồng Cài Áo</i> | — |
| — <i>Áo Em Cài Hoa Trắng</i> | Võ-Hồng |
| — <i>Làm Con Nên Nhớ</i> | Nguyễn-Hiến-Lê và Đông-Hồ |
| — <i>Trận Đòn Hòa Giải</i> | Võ-Hồng |

Lớp học trong trí nhớ

Thơ PHẠM-BÁ-TẤN

Một sớm mai nào thầy về Hà-lợi
Mái trường xưa đã mai một tháng ngày
Bãi cát vàng với khung trời biển động
Thầy cùng trò ngồi vẽ tương lai

Đời các em như củ khoai cái kiến
Như thân mẹ vất vả trăm chiều
Ngày mùa đông chuyển đồ lờ muợn
Đứng ngóng thầy trước cổng mến yêu

Tháng ngày lần lửa trôi qua bãi
Năm tháng chưa tròn, chuyện đổi thay
Vương vất từng chiều nghe súng nổ
Máu đỏ đầu làng một sớm mai

Nên những ngày mưa thầy bỏ về thật sớm
Bài giảng vội vàng nét phấn run tay
Sợ trời đêm như kẻ thù muôn mặt
Như quê hương các em là chốn lưu đày

Khi tiếng súng đã nghe vang đầu ngõ
Lớp học thêm trống vắng dần dần...
Không thuộc bài lý do rất chính đáng
Suốt đêm em phải ngủ dưới hầm

Là những lúc lòng thầy buồn vô hạn
Tuổi trẻ các em đánh mất đâu rồi
Những khuôn mặt bỗng trở thành bi thảm
Trong phút giây nổi chết không rời

Rồi vở bài cũng trở thành xa lạ
Lớp học trưa tầm đạn xuyên đầu
Buồn hắt hiu qua đây nét chữ
Còn chút gì hứa hẹn mai sau ?

Thầy bỏ đi như một lần vĩnh biệt
Lớp học cùng tình nghĩa các em
Thầy bỏ đi như một lần chạy trốn
Khi súng nổ từng ngày, lửa cháy từng đêm

Hẹn một sớm mai nào về thăm Hà-lợi
Qua chuyến đò cửa Việt mến yêu
Để nghe lòng mình vô cùng thương nhớ
Mãi trường xưa lửa cháy một chiều

Cuối cùng

Thơ PHẠM-NGUYỄN-HỒ

không biết chiều này em có sang không ?
bến Xuyên-Trung — con nước vẫn xuôi dòng
giòng sông nhỏ chia ngăn bờ phố Hội
em nhớ xuống đò thăm anh nghe không ?

không biết chiều này mưa có rơi không ?
để em tôi dừng ướt tóc phiêu bồng
để tay tôi còn ân cần ve vuốt
một vạn lần cho vơi đi nhớ mong

không biết chiều này đò có đưa không ?
xin trên cao đừng mưa rớt âm thầm
ghe thả bơ vơ ngoài cầu hoang vắng
tôi ở bên này và em bên kia sông

dù trời có đầy mưa và lắm gió
tôi vẫn một mình ra đứng bên sông
đón em một lần rồi mai không còn nữa
bởi em lên xe hoa về với nhà chồng

Thời sự thế giới

TỪ-TRÌ

Trong những ngày vừa qua hai sự-kiện quan trọng đã đánh dấu đời sống chính-trị quốc-tế là vụ Mỹ đồ bộ Bắc-Việt và khuynh hướng ôn hòa của các phe liên-hệ ở Trung-Đông. Nếu thái độ mới của Mỹ có hậu quả là làm cho viễn tượng hòa bình ở Việt-Nam xa vời hơn thì những biến chuyển ở Trung Đông lại cho người ta một vài tia hy-vọng chấm dứt chiến tranh.

Tái oanh tạc Bắc Việt và đồ bộ Sơn Tây

Từ tháng 11-1968 tới nay Hoa-kỳ đã ngưng oanh tạc toàn diện trên lãnh thổ Bắc Việt để giải-tỏa sự bế-tắc của hội-đàm Paris. Hơn 2 hai năm đã trôi qua, hội-nghị này chưa thực hiện được một chút tiến-bộ nào. Và trong tháng 11 vừa qua, không quân Hoa-kỳ lại đột nhiên oanh tạc trở lại các lãnh thổ phía Bắc vì tuyến thứ 17 đề trả đũa những vụ phi cơ do thám của Hoa-kỳ bị hỏa-tiến SAM hạ. Ngay sau đó Tổng-thống Nixon lại ra lệnh cho quân-đội biệt-kích Mỹ đồ bộ ở Sơn-Tây, cách Hà-nội 30 cây số, để giải cứu các tù binh Mỹ bị Bắc-Việt cầm giữ. Cuộc đồ bộ này là một hành động mạnh bạo và liều lĩnh nhất của quân đội Hoa-kỳ trong cuộc chiến tranh tại Việt-Nam nên đã được dư luận thế-giới bàn cãi sôi-nổi.

Người ta không ngớt đưa ra những giả-thuyết về vụ đồ bộ

này vì ai cũng muốn biết ý-nghĩa chính-trị của nó. Sau nhiều lần cải-chính, Bộ Quốc-phòng Hoa-kỳ đã tiết lộ rằng vụ đồ bộ của 100 quân biệt-kích ở Sơn-Tây có mục đích giải-thoát tù-binh Mỹ. Tuy không đạt một kết quả nào cụ thể vì không gặp được một tù binh nào để giải cứu, nhưng chính-phủ Hoa-kỳ đã lớn tiếng tuyên bố rằng vụ đồ bộ này hoàn-toàn thành công. Người ta tự hỏi tại sao Hoa-kỳ có thể nói tới thành-công khi mà quân đội biệt kích tới nơi thì thấy rằng trại tù binh đã được rời đi nơi khác từ nhiều ngày trước rồi.

Do đó người ta đưa ra một giả-thuyết thứ nhất là Tổng-thống Nixon muốn lấy cảm tình của dân chúng Mỹ nên đã tỏ ra chú ý đặc biệt tới số phận các tù binh. Có lẽ ông muốn đưa trên 100 tù binh Mỹ trở về như là một món quà cho dân chúng nhân dịp Lễ Giáng-sinh sắp tới. Nhưng dù có như thế thì giả-thuyết này cũng không được vững lắm vì ông Nixon thừa hiểu là một hành động như vậy, dù có giải cứu được trại tù binh này thì lại làm hại tới đời sống của các tù binh ở những trại khác. Bắc - Việt từ nay có thể sẽ sát hại tù binh Mỹ mỗi khi có máy bay Mỹ kéo tới toan tính giải cứu.

Vài ngày sau người ta được tin rằng quân biệt-kích Mỹ, khi trở về, đã mang theo một số quân nhân Bắc-

Việt về khai thác. Nhưng đem vài quân nhân Bắc-Việt để đòi lấy tù binh Mỹ thì cũng không phải là một hành động hợp lý, trừ khi những quân nhân này là những nhân vật quan trọng.

Sau đó người ta lại có tin không chính thức rằng một số lãnh-tụ của Việt-Cộng bị bắt ở Châu-đốc. Từ đó người ta lại đưa thêm nhiều giả thuyết hơn nữa. Có lẽ mục đích chính của ông Nixon không phải là giải cứu tù binh mà là để bắt một số lãnh-đạo Cộng-sản. Giả-thuyết này có vẻ hợp lý hơn nhưng hiện giờ chính phủ Mỹ từ chối không tuyên bố gì về tin này.

Kết quả đầu tiên của vụ đồ bộ Sơn Tây là phe Cộng sản đã hoãn một kỳ họp ở Hội-ngị Ba-lê để phản đối. Phe Cộng-sản tỏ ra cứng rắn hơn trong cuộc hòa-đàm này, nhưng họ cũng không đi xa đến nỗi đoạn-giao với phe đồng-minh. Còn phe Mỹ thì cho rằng sở dĩ Mỹ tái oanh tạc Bắc-Việt vì Bắc-Việt không tôn trọng thỏa-hiệp ngừng là xuống thang chiến-tranh và ngưng pháo kích các đô-thị miền Nam.

Hiện thời còn quá sớm để biết được rõ ý định của Tổng-thống Nixon. Nhưng người ta cũng được biết rằng đây là một trong những hành động của ông Nixon để trấn an dư-luận trong nước. Tuy Hoa-kỳ không tiết lộ nhiều chi-tiết về các hoạt động mới nhất của không quân Mỹ ở Bắc-Việt, nhưng người ta cũng thấy Bắc-Việt tỏ ra kín đáo không kém. Vì nếu càng tiết lộ các chi tiết của vụ đồ bộ này thì dân chúng Bắc-Việt càng trở nên hoang mang và hơn nữa càng tỏ ra rằng Bắc-Việt bất lực không chống cự nổi những vụ đột kích loại này. Sau vụ Sơn-Tây không còn một nơi nào trên lãnh-thò Bắc-Việt còn được coi là an toàn.

Khuyh hướng ôn hòa xuất hiện tại Trung-Đông

Hậu quả của cái chết đột ngột của Tổng-thống Ai-cập Nasser càng ngày càng thêm rõ rệt. Ngay tại Ai-cập tân Tổng-thống đang tiếp tục một đường lối ôn hòa trong cuộc chiến-tranh Trung-Đông. Mộng của ông Sadat khiêm nhường hơn mộng của Nasser. Ông Sadat không nuôi

TRUNG TÂM BÁO CHÍ TRUNG HỌC DALAT

Sẽ khai giảng vào ngày 28-12-1970 như báo chí đã loan tin. Tất cả các học sinh đệ nhị cấp muốn theo học, hoặc biết thêm chi tiết, xin liên lạc với Trụ sở Trung Tâm Báo Chí Trung Học Dalat, hiện đặt tại số 75 B Bùi thị Xuân Dalat thay vì Trường Trung Học bán công Quang Trung.

hy vọng làm lãnh-tụ khối Ả-rập mà chỉ muốn dồn mọi nỗ lực để phát-triển kinh-tế tại Ai-cập. Để phát-triển người ta chỉ có một cách là cố gắng chấm dứt cuộc chiến-tranh tiêu hao với Do-Thái.

Ngay từ khi Nasser còn sống, Syrie là một quốc-gia có thái độ cứng rắn nhất đối với vấn đề Do-Thái. Khi Nasser chết đi Tổng-thống Syrie là Tướng Noureddine Atassi nuôi mộng kế nghiệp Nasser trong vai trò lãnh-tụ Ả-rập. Theo Atassi thì Syrie phải luôn luôn là một lưỡi kiếm của cách-mạng Ả-rập, phải khước từ mọi thỏa-hiệp với Do-Thái. Nhưng Syrie, dưới quyền lãnh-đạo của Atassi, lại không đủ phương-tiện để thực hiện tư-tưởng của Atassi. Cách đây 2 tháng, khi Quốc-vương Jordanie là Hussein tấn công các người kháng chiến Palestine, Atassi đã cho quân đội sang yểm-trợ phe kháng-chiến Palestine. Nhưng quân đội của Hussein đã cho mọi người thấy sự yếu kém của Syrie bằng cách phá hủy một lúc 80 xe thiết-giáp của Syrie. Ngoài ra ngay tại nội bộ Syrie, dân chúng đã chán cảnh tượng « các mạng phách lối của Atassi » và chỉ mong trở lại một chính-sách ôn-hòa hơn và có lợi cho kinh-tế Syrie hơn. Tướng Hafez Assad đã làm đảo-chính lật đổ Atassi đề lên thay thế. Trong khi Atassi mơ làm cách-mạng thì những máy móc trang bị đáng giá hàng triệu Mỹ-kim bị bỏ quên, guồng máy kinh-tế bị ngưng trệ. Bởi vậy vụ cướp chính quyền của Assad được dân chúng nồng nhiệt ủng-hộ. Với

Assad, Syrie đang tiến về con đường hòa-giải với Do-Thái.

Trong khi các quốc-gia Ả-rập đang tỏ thiện chí tìm hòa bình thì người ta đã tiết lộ rằng Quốc-vương Jordanie, Hussein, đã bí mật đến gặp Phó Thủ-tướng Do-Thái Yégal Allon để bàn về phương-thức tái lập hòa-bình ở Trung-Đông. Những người có tiếng là điều-hâu ở Do-Thái như Tướng Dayan và ông Perès lại là những người nồng nhiệt nhất trong vấn-đề đi tìm hòa-bình. Trong khi bà Golda Meir còn thận-trọng cho rằng những nhóm cầm-quyền mới tại các quốc-gia Ả-rập còn quá mới mẻ và bấp bênh nên cần phải chờ đợi trước khi quyết định thương-thuyết thật sự, thì Tướng Dayan lại cho rằng chính vì các lãnh-tụ Ả-rập mới chưa củng-cố được địa-vị nên mới muốn hòa-bình và do đó phải lợi dụng dịp may hiếm có này.

Hy-vọng hòa-bình ở Trung-Đông đã chắc chắn đến nỗi cả Do-Thái và Ai-Cập đều đang chuẩn-bị một kế-hoạch phi-quân-sự-hóa hai bờ kênh Suez. Các kỹ-thuật-gia Nhật cũng đang đẩy mạnh cuộc nghiên-cứu để khai-thác kênh Suez. Và ông Gunnar Jarring đã cho rằng nhiệm-vụ của ông không còn lý do tồn tại nữa nên ông trở về Mạc-tư-khoa đảm nhiệm lại chức vụ Đại-sứ Thụy-điển của ông. Giai-đoạn hậu. Nasse rời Trung-Đông có lẽ sẽ mở đầu cho một kỷ-nguyên hòa bình tại vùng này.

TỪ TRÌ

QUAN HUONG VIEN

Số 33, 35, Đại-lộ Tôn Thọ Tường

Bồn hiệu chuyên chế bánh tây và các thứ kẹo,
bán sỉ và lẻ hoan nghinh tiếp đãi

CHOLON

VIETNAM

HUÊ LẠC VIÊN

Bồn hiệu dùng máy chuyên làm các thứ bánh mứt
kẹo đường. Bán sỉ và lẻ sẵn lòng hoan nghinh

Số 89, Đường Tân-Thành — Cholon

NHÀ BUÔN

THUAN THANH

Chuyên bán đồ bazar sỉ và lẻ

218, Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

TIỆM TRÀ

VĂN HỒNG PHÁT

Chuyên sản xuất các loại trà danh tiếng mùi thơm ; giá rẻ

Đại lý trà Blao ướp bằng bông sói
của nhà máy Du Hưng sản xuất

45-47 đường Nguyễn văn Thạch — Cholon Đ.T. 38.292

Yukio Mishima : cái chết võ - sĩ - đạo

Trung hoa có Lý Bạch, Việt Nam có Nhất Linh, Nga có Pusnkin, Mỹ có Hemingway. Và bây giờ Nhật có Yukio Mishima. Tất cả đều là những văn hào lừng danh đã chọn cái chết để chấm dứt cuộc đời văn nghiệp của mình. Lý Bạch đã nhảy xuống sông ôm bóng trăng mà chết, cái chết thơ mộng như một bài thơ của ông. Nhất Linh đã lạnh lùng đoạn tuyệt với cuộc đời bằng một liều độc được. Hemingway ghé súng sẵn hai lòng vào miệng bóp cò, chọn cái chết hào hùng mà ông vẫn tặng cho bầy thú hoang trong rừng thẳm Phi châu, nơi đã từng là nguồn cảm hứng bất tận cho những tác phẩm của ông. Pushskin đã chọn cái chết trong một cuộc đấu súng, cái chết bi đát như những mối tình bất diệt trong truyện của ông. Và Yukio Mishima đã chết một cách rất võ-sĩ-đạo, mổ bụng bằng dao và cho đồ đệ kết liễu bằng bốn nhát của thanh trường kiếm vẫn được các hiệp sĩ thời Trung cổ của Nhật dùng trong các nghi lễ *seppuku* (lễ tuần tiết). Cũng như các văn hào khác Mishima đã chọn một cái chết giống hệt như những điều ông vẫn thường viết. Hơn thế nữa, ngay lúc sống Mishima đã từng diễn về cái chết của ông trong một cuốn phim ngắn 24 phút nhan đề là « Lòng Ái quốc ». Cuốn phim đã do chính ông viết truyện phim, đạo diễn và thủ vai

chính, và được liệt vào hạng phim xuất phẩm của Nhật năm 1966. Trong phim đó Mishima đóng một viên sĩ quan Nhật tham dự vào cuộc đảo chính bất thành năm 1936.

Sau khi thất bại viên sĩ quan đã trở về nhà say sưa cuồng loạn làm tình với vợ và ngay sau đó tự mổ bụng chết. Người vợ nhìn chồng thi hành xong lễ tuần tiết cũng tự tử theo.

Cái chết của Mishima hai tuần trước cũng giống hệt như vậy, chỉ khác một điều là vợ ông không hay biết gì cả. Ngày hôm đó, Mishima vừa hoàn tất tác phẩm vĩ đại nhất của ông gồm bốn bộ nói về cuộc sống hiện đại của Nhật nhan đề là «Biển Phì nhiêu» (The Sea of Fertility) và trao những chương cuối cùng cho nhà xuất bản. Sau đó Mishima và bốn đồ đệ thân tín trong đạo quân 96 người do ông sáng lập, đã nhưng phục chinh tề, lưng đeo bảo kiếm đến đại-bản-doanh của Trung tướng Chi-huy-trưởng lực-lượng phòng-vệ miền Đông Nhật-bản. Tại đây ông và đồ đệ đã uy hiếp viên Trung tướng bắt phải tập hợp tất cả binh sĩ lại nghe ông hiệu triệu. Ông đã kêu gọi các binh sĩ nổi loạn, noi gương tinh thần võ sĩ đạo để khôi phục lại những hình ảnh chính thực của Nhật-bản. Nhưng các binh sĩ đã chế

nhạo hoặc bỏ ngoài tai những lời kêu gọi của ông, cho là lỗi thời và quá khích. Ông liền quay mình trở vào, cởi áo ngoài ra, quỳ xuống tẩm thắm đỏ. Rồi, với một tiếng hét man dại, ông đâm con dao vào bụng. Ngay lúc đó, đồ đệ thân tín của ông đưa một nhát kiếm vào cổ sư phụ. Phải chém bốn nhát, đầu Mishima mới rời khỏi cổ rơi xuống sàn nhà đầm máu. Sau đó tên đồ đệ thân tín cũng quỳ xuống làm lễ tuần tiết chết theo thầy. Một người khác vung gươm kết liễu. Nhưng Mishima đã ra lệnh cho hai người còn lại không được tuần tiết mà phải sống để nói cho thế giới biết những lý do đưa tới cái chết của ông.

Nhưng khỏi cần phải nói thì thế giới và dân Nhật cũng đã biết được về cái chết của ông. Trong văn nghiệp và hành động của ông, Mishima luôn luôn quan tâm sâu xa đến sự trống rỗng về tinh thần trong đời sống hiện đại tại Nhật. Ông chủ trương phải tìm lại những tinh hoa đã mất của nền văn hóa Nhật, cái tinh hoa đã tạo nên những anh hùng võ-sĩ-đạo mà Mishima đã viết đến rất nhiều. Chính ông cũng đã tự lập nên một đạo quân 96 người, có đồng phục do chính ông nghĩ ra, với hy vọng đạo quân đó sẽ là những đơn vị tinh nhuệ để đưa quân đội Nhật trở lại cái khí thế hào hùng của những hiệp sĩ thời Trung-cổ. Cái chết của ông xảy ra nhằm giữa lúc Nhật đang bàn cãi về vấn đề tái vũ trang và vấn đề có nên lập cho Nhật một lực lượng hạch-tâm hay không. Cái chết của ông



Yukio Mishima, đầu quấn khăn có hình quốc-kỳ Nhật, đang kêu gọi binh sĩ ở lực lượng phòng vệ miền Đông của Nhật.

đã là một trái bom nguyên-tử nổ giữa một đề-tài chính-trị có ảnh hưởng sâu xa đến an ninh vùng Đông-Nam-Á và đến tương lai của nước Nhật nữa. Các nhà chính-trị đã cố làm giảm tầm quan-trọng cái chết của Mishima đối với quần chúng Nhật. Nhưng các trẻ em và thanh niên Nhật đã rất xúc động trước cái chết đó. Và Mishima quả thực đã thành công trong chủ đích thức tỉnh dân tộc Nhật ra khỏi sự tự mãn vật-chất của thời-kỳ hậu chiến.

Nhưng cái chết của Mishima không phải chỉ quan trọng vì đượm tính chất thời sự chính trị. Quan trọng hơn cả là cái chết đó đã được tự sắp đặt bởi chính tác giả giữa khi cuộc đời văn nghiệp của ông đã lên tới tột đỉnh thành công. Mishima đã được so sánh với Marcel Proust và André Gide về

tư tưởng và cũng không kém gì Hemingway trong lối sống hào hùng muôn mặt của ông.

Văn-nghệ của ông có tới hơn 100 tác phẩm gồm mọi bộ môn từ truyện ngắn, truyện dài, tới kịch *Noh*, truyện phim, nhạc hành khúc, nhạc hợp ca, v. v... Ông lại là một nhà thể thao, một võ sĩ Thái-cực-đạo, đạo diễn, diễn viên kịch-ảnh, v. v... Trong tác phẩm của ông, ông luôn ca tụng cái quá khứ huy hoàng của Nhật thể hiện qua dũng cảm, hào hùng, kiên trì của võ-sĩ-đạo. Trong khi đó ông thấy xã hội phồn thịnh, thanh bình hiện tại là giả tạo, bệnh hoạn. Bạo lực, những cảm giác cay đắng, những cơn ngứa ngáy và cả cái chết đã là những đề tài chính trong tác phẩm của ông.

Trong cuốn « *Kim Các tự* », tác phẩm được kể là hay nhất cho đến khi bộ « *Biển Phi nhiều* » được xuất bản, ông đã viết về một mối tình

tuyệt vọng, của một chú tiểu đối với ngôi chùa đẹp đẽ. Sau hết vì tuyệt vọng, chú tiểu đã phóng hỏa luôn ngôi nhà đó để ghi nhớ mãi hình ảnh mi diệu của nó.

Trong một tác phẩm nữa « *Mặt trời và Thép* », Mishima đã thương tiếc cái thời xa xưa khi những chiến thắng là cả một nghệ thuật và khi lưỡi kiếm vung lên không phải chỉ để chém vào không khí. Trong cuốn đó ông đã nhận thấy rằng « những sáng tạo sâu xa nhất chỉ tìm thấy được trong cái chết ». Và trong khi ngồi trong máy bay phản-lực F. 104 bay qua núi Phú-sĩ thiêng liêng ông đã nghĩ tới sự sống chết, sự thách đố Thượng-đế và đến định-mệnh cô đơn. Và ông đã viết : « Máu chảy, cuộc sống hủy diệt, chính những giác quan tan nát đã thừa nhận toàn thể cuộc sống và đã khép kín sự chia cách giữa cái nhìn và cái sống... Và đó chính là cái chết ». **BẢO CHÂU**

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin đến ngày 14 tháng 12 năm 1970, nhằm ngày 16 tháng 11 năm Canh Tuất, ông bà Nguyễn-Công-Kha sẽ làm lễ vu-quy cho Trượng Nữ **NGUYỄN-CÔNG-THỊ-HOÀNG-OANH**, được sĩ, đẹp duyên với cậu **HOÀNG TRỌNG CƯỜNG**, bác sĩ, Trượng-nam ông bà **Hoàng-Ngọc-Anh**.

Xin có lời mừng hai họ **NGUYỄN—HOÀNG** và chúc cô dâu, chú rể trăm năm hạnh-phúc.

Ông Bà **VĂN THANH**
10-Cư-xá KOC Tân-định

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin nhà văn **TRẦN ĐẠI**, phụ-khảo tại Trường Chính-trị Kinh-doanh Đà-lạt, và nữ ký-giả **VŨ THỊ BÌNH MINH**, phóng viên Việt Tấn Xã sẽ làm lễ thành hôn tại Saigon ngày 19-12-1970 (21 tháng 11 năm Canh Tuất).

Xin thành thực chúc mừng **TRẦN ĐẠI** và **BÌNH MINH** trăm năm hạnh phúc.

BUI KIM ĐÌNH, BUI VĂN HOÀN, LÊ TẮT ĐIỀU, VÕ PHIẾN, NHẬT TIẾN, LÊ NGỘ CHÂU, NGUYỄN HUY NHÂN.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Giải thưởng Văn-chương Pháp

Hàng năm cứ vào gần cuối năm là đến mùa các giải thưởng văn-chương của Pháp.

Năm nay giải Goncourt được trao cho cuốn *«Le Roi des Aulnes»* của Michel Tournier.

Người được giải Goncourt năm nay là một nhà văn 46 tuổi, mới cho xuất bản trong vòng 3 năm nay được 2 cuốn tiểu thuyết thì cuốn đầu, mang tên *«Vendredi ou les limbes du Pacifique»* đã chiếm giải tiểu thuyết của Hàn-lâm-viện Pháp vào năm 1967, cuốn thứ 2 lại được giải Goncourt năm nay. Trong một cuộc phỏng vấn, Michel Tournier nhận rằng mình rất nghèo tưởng tượng và những đoạn điên nhất trong tác phẩm lại chính là những đoạn lấy thẳng từ thực tại! Ông cũng nhận là đã lấy chất liệu ở tác phẩm của nhiều nhà văn: Leibniz, Alain Fournier, Flaubert... Ông nói «Tôi nhặt bên phải, bên trái, tất cả những gì tôi ưng ý rồi chắt đóng lại nơi tôi ở. Vấn đề là làm thế nào khua động các thứ hỗn-tạp đó cho đến khi rút ra được một tác-phẩm.» Tuy nói vậy nhưng, để viết nên cuốn sách trên, ông cũng đã mất rất nhiều công phu để nghiên cứu tại chỗ hay thu góp những tài liệu về Đông-Phổ, đọc cả 42 cuốn sách về vụ án Nuremberg v.v... Một trong những bí quyết của ông về sáng tác là viết đoạn chót của cuốn truyện trước và viết đoạn đầu sau. Theo M. Tournier, như vậy có thể tiên liệu được thật đúng rằng mình sẽ tới đâu và khỏi bỏ cuộc dọc đường.

Giải Renaudot được trao cho tiểu thuyết *«Isabelle ou l'arrière saison»* của Jean Freustié, một thầy thuốc, một tay cầm ống nghe một tay cầm bút như những Tuấn Phát, Hoàng văn Đức,

Lương thế Nam...ở Việt-Nam. Hiện nay Jean Freustié, 56 tuổi, là một nhà bình bút của báo *Nouvel Observateur* nhưng ông đã cho xuất bản từ 1952 đến nay hàng chục cuốn tiểu thuyết rồi. Truyện của ông phần nhiều chỉ khai thác những sự mê say trong tình yêu, loại tình yêu trưởng giả. Cuốn tiểu thuyết được giải Renaudot cũng tả mối tình của một gã 40 với một thiếu nữ tên Isabelle. Cái oái oăm là tung tích của Isabelle rất mờ mịt: Nàng có thể là con gái của kẻ đang mê say nàng! Chính mối tình có thể loạn luân này đã làm bàng hoàng ngây ngất cô gái.

Phạm-Duy còn đó nỗi buồn

Sau gần 2 tháng làm việc liên tục cuốn *«Phạm Duy còn đó nỗi buồn»* của Tạ-Tỵ, dày 230 trang, đã viết xong. Tạ-Tỵ, người sinh cùng thời với Phạm-Duy, lại là bạn rất thân thiết từ thời tiền kháng chiến, trong kháng chiến, hậu kháng chiến cho đến hôm nay. Vì thế, cuộc đời, tình yêu và sự nghiệp âm nhạc của Phạm-Duy đều được Tạ-Tỵ đề cập xúc tích, với tài liệu xác thực và linh động.

Phạm Duy, hai chữ đó đã đi sâu vào tâm hồn mỗi người yêu âm nhạc, đồng thời cũng trở thành huyền thoại trong mỗi câu chuyện thuộc về đời sống Phạm-Duy. Tạ-Tỵ sẽ nói lên tất cả, từ nỗi vinh quang đến sự nhục nhằn và vấn đề tình ái của một nghệ sĩ tài danh, đã gần 30 năm hiến dâng đời mình cho âm nhạc.

Sau cuốn *«Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ»*, cuốn *Phạm Duy còn đó nỗi buồn* của Tạ-Tỵ chắc chắn sẽ được độc giả đón nhận nồng nhiệt.

THU-THỦY

ĐÓN ĐỌC :

15 GƯƠNG PHỤ-NỮ

của MARIANNE MONESTIER
NGUYỄN HIỂN - LÊ lược dịch

TRÍ-ĐĂNG xuất bản (phát hành trung tuần tháng 12)

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Siêu đẳng thượng hảo hạng